ĐỀ THI MẪU – ĐỀ MINH HOẠ THI ĐGNL ĐHQG HCM 2026

THỜI GIAN LÀM BÀI: 150 PHÚT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

MỤC TIÊU

- ✓ *Tham khảo đề minh hoạ kì thi Đánh giá năng lực Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh V-ACT theo cấu trúc được giữ cố định so với năm 2025.*
- ✓ *Cấu trúc đề minh hoạ 2026 như sau:*

Nội dung	Số câu	Thứ tự câu
Phần 1: Sử dụng ngôn ngữ	**60**	**1 - 60**
1.1. Tiếng Việt	30	1 - 30
1.2. Tiếng Anh	30	31 - 60
Phần 2: Toán học	**30**	**61 - 90**
Phần 3: Tư duy khoa học	**30**	**91 - 120**
3.1. Logic, phân tích số liệu	12	91 - 102
3.2. Suy luận khoa học	18	103 - 120

I PHẦN 1: SỬ DỤNG NGÔN NGỮ

1.1. TIẾNG VIỆT

Câu 1: (ID: 859543) Thị Phương là nhân vật trong vở chèo Trương Viên. Thời bình, nàng động viên chồng học hành thi cử. Thời chiến, nàng chăm sóc, bảo vệ mẹ chồng và lặn lội tìm chồng.

"Thị Phương:
Mẹ ơi, giặc đã kéo đến đây
Con xin dắt mẹ vào ngay trong rừng
Kẻo con chút phận má hồng
Nữa gặp gian hùng, lỗi đạo tào khang.
Trước là thất tiết cùng chàng
Sau con bỏ mẹ giữa đàng ai nuôi".

(Trần Việt Ngữ sưu tầm, Trương Viên chèo cổ)

Nhân vật Thị Phương là loại nhân vật gì?

A. Kép. **B.** Lão. **C.** Đào lẳng. **D.** Đào thương.

Câu 2: (ID: 859544) "Bị cướp vợ và chiến đấu giành lại vợ" là mô típ (motif) phổ biến trong thể loại nào của văn học dân gian Việt Nam?

A. Thần thoại. **B.** Sử thi. **C.** Tuồng, chèo. **D.** Truyện thơ.

Câu 3: (ID: 859545)

"Sau đó vài tháng, Hà Nhân tiếp được tin nhà gửi đến kinh đô, nói cha mẹ ở nhà đã hỏi vợ cho, giục Sinh nên về mau để làm lễ cưới. Sinh bối rối quanh co, lòng rất không nỡ, hai nàng đoán biết được tình ý, bảo Sinh rằng:

- Bọn chúng em thân bồ vóc liễu, không thể cáng đáng được việc tần tảo ở gia đình. Vả ngôi chủ phụ trong nhà, tất phải là người trong nền nếp trâm anh như Tống Tử, Tề Khương, chúng em đâu dám chòi mòi đến. Chỉ mong chàng sau buổi về quê, tình cũ sẽ vấn vương không dứt, sớm dẹp lòng quyến luyến hương thổ để lại tính kế tìm hoa."

(Nguyễn Dữ, *Chuyện kỳ ngộ ở Trại Tây*)

Dòng nào sau đây nêu không đúng đặc điểm của lời nhân vật trong đoạn trích trên?

A. Sử dụng lối nói chuộng ngôn từ hoa mỹ.
B. Sử dụng lối nói dùng nhiều điển tích, điển cố.
C. Sử dụng lối nói dùng hình ảnh so sánh, ẩn dụ.
D. Sử dụng lối nói gần với lời ăn tiếng nói hằng ngày.

Câu 4: (ID: 859546)

"Khắc khoải sầu đưa giọng lửng lơ,
Ấy hồn Thục đế thác bao giờ?
Năm canh máu chảy đêm hè vắng,
Sáu khắc hồn tan bóng nguyệt mờ.
Có phải tiếc xuân mà đứng gọi,
Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ?
Thâu đêm ròng rã kêu ai đó,
Giục khách giang hồ dạ ngẩn ngơ".

(Nguyễn Khuyến, *Cuốc kêu cảm hứng*)

Bài thơ thể hiện nỗi niềm gì của chủ thể trữ tình?

A. Thương tiếc mùa xuân trôi qua mất.
B. Thương tiếc nước mất vào tay giặc.
C. Thương tiếc máu xương của người yêu nước.
D. Thương tiếc nước bị chia cắt.

Câu 5: (ID: 859547) Khi Thúy Kiều lại một lần nữa bị lừa bán vào lầu xanh, Nguyễn Du đã viết:

"Nghĩ đời mà ngán cho đời
Tài tình chi lắm, cho trời đất ghen.
Tiếc thay nước đã đánh phèn
Mà cho bùn lại vẩn lên mấy lần!
Hồng quân với khách hồng quần
Đã xoay đến thế, còn vần chưa tha".

(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

Hai từ "hồng quân" và "hồng quần" có ý nghĩa:

A. Người lính trong quân đội và người con gái đẹp. **B.** Vị vua anh minh với người tì thiếp đẹp.

C. Đấng tạo hóa với người ca kỹ đẹp. **D.** Đấng tạo hóa và người con gái đẹp.

Câu 6: (ID: 859548)

"Cuộc xua đuổi đã kéo dài hàng tiếng đồng hồ. Lão Khúng đã mệt nhoài nhưng vẫn chưa chịu cho vật dừng lại. Nó phải đi thật xa, phải bắt nó vào thật sâu giữa rừng thẳm, để không còn lối nào trở lại với lão. Rồi thì mai đây khi trở về nhà, lão nghĩ, lão sẽ nói thật với mụ Huệ, lão đã không đem xuống chợ Giát để bán mà trên dọc đường đã giải thoát cho nó, trả lại cho nó cuộc đời tự do, lão đã xua nó vào rừng, vào giữa giang sơn của một bầy bò hoang... Chắc hẳn mụ Huệ cũng không mè nheo lão. Mụ sẽ thông cảm với lão, với việc làm của lão".

(Nguyễn Minh Châu, *Phiên chợ Giát*)

Hành động xua con vật đi thật xa vào rừng thẳm thể hiện điều gì?

A. Sự mệt nhoài của lão khi đem con vật xuống chợ Giát để bán.

B. Sự quyết tâm giải thoát con vật, trả lại cho nó cuộc đời tự do.

C. Sự mong mỏi được trở về nhà và được vợ của lão cảm thông.

D. Sự cảm thông với con vật và sự tự dằn vặt bản thân ở lão.

Câu 7: (ID: 859549)

"Tôi hát bài hát về cố hương tôi
Trong ánh sáng đèn dầu
Ngọn đèn đó ông bà tôi để lại
Đẹp và buồn hơn tất cả những ngọn đèn
Thuở tôi vừa sinh ra
Mẹ đã đặt ngọn đèn trước mặt tôi
Để tôi nhìn mặt đèn mà biết buồn, biết yêu và biết khóc".

(Nguyễn Quang Thiều, *Bài hát về cố hương*)

Dòng nào dưới đây không thể hiện ý nghĩa biểu đạt của hình ảnh "ánh sáng đèn dầu" trong đoạn thơ trên?

A. Ánh sáng của không gian ấu thơ. **B.** Ánh sáng của không gian gia đình.

C. Ánh sáng của thời gian ký ức. **D.** Ánh sáng của quá khứ đau thương, mất mát.

Câu 8: (ID: 859550) Trung tá Nam hồi tưởng về cuộc trò chuyện với hạ sĩ Lãm:

"Trong đầu anh bỗng hiện lên hình ảnh người hạ sĩ quê ở Hà Nội có cái nhìn lì lợm ngày nào... Lãm! - Này, bây giờ ta nói chuyện tình anh em, đừng trên dưới gì hết - Vâng, tôi cũng nghĩ như thế - Nghe nói thời kỳ chốt chặn ở biên giới, cậu là một tay súng tốt? - Vâng, thưa thủ trưởng, cũng có lẽ như thế - Nhưng chỉ im tiếng súng có mấy tháng thôi, người ta phản ảnh với tôi cậu đã không còn giữ được phẩm chất ấy nữa? - Vâng, nếu gọi như thế là phẩm chất - Tôi yêu cầu cậu chuyện trò với tôi chân thành và dễ hiểu hơn một chút,

và trước hết là xin cậu hãy bỏ giúp đẫn mía trên tay kia đi cho tôi nhờ - Dạ... Thưa, tôi vẫn luôn luôn chân thành và dễ hiểu đấy chứ ạ!"

(Chu Lai, *Phố*)

Đoạn hội thoại trên cho thấy điều gì về hạ sĩ Lãm?

A. Có tài và ngang tàng.
B. Bất tài và ngang ngược.
C. Có tài và khiêm cung.
D. Bất tài và chân thành.

Câu 9: (ID: 859551)

LÊ TƯƠNG DỰC - Vua cần đến thì thần nhân phải xả thân làm việc kỳ đến chết thì thôi.

VŨ NHƯ TÔ - Nhưng xử đãi thế thì ai muốn trau dồi nghề nghiệp? Kính sĩ mới đắc sĩ...

LÊ TƯƠNG DỰC - Kính sĩ đắc sĩ, mi là sĩ đấy ư: Mi dám tự phụ là sĩ thảo nào mi không sợ chết.

VŨ NHƯ TÔ - Sĩ mà không có chân tài thì tiện nhân không bàn. Anh em tiện nhân còn có những nguyện vọng sâu xa hơn đối với nước. Hoàng thượng quá nhầm về chữ sĩ. Một ông quan trị dân, với một người thợ giỏi, xây những lâu đài tráng quan, điểm xuyết cho đất nước, tiện nhân chưa biết người nào mới đáng gọi là sĩ.

(Nguyễn Huy Tưởng, *Vũ Như Tô*)

Ý nào phù hợp với tính cách Vũ Như Tô được thể hiện trong đoạn trích?

A. Không bao giờ bằng lòng với thực tại, khát khao sự sáng tạo.
B. Trọng danh dự, muốn đem tài năng phụng sự đất nước.
C. Coi thường vương quyền, muốn có những kẻ sĩ chân tài.
D. Trọng danh dự, muốn có những kẻ sĩ chân tài.

Câu 10: (ID: 859552)

"Năm 1975, khi tấm lưng của bà Chắt Chu đã bắt đầu còng xuống thì o Nhị - Lê Thị Nhị - con gái bà mới trở về. Lúc đó, o đã 29 tuổi. Phụ nữ làng chài thường lấy chồng rất sớm. Cái tuổi của o khi đó, làng đã toan gọi... gái già. O cứ ở vậy, gánh cá, gánh tấp đốt thuyền thuê, rồi làm nghề dệt thảm len ngoài Hợp tác xã Hải Đằng nuôi mẹ mà không chịu lấy chồng. Ai hỏi thì o cười, nửa thật nửa đùa, rằng "nỏ có ai chịu lấy".

Năm 1967, đang là một vận động viên bóng chuyền, o Nhị xung phong nhập ngũ, vào Thanh niên xung phong lấp hố bom, bạt núi mở đường, làm cọc tiêu dẫn xe, qua ngầm, vượt hố trong những đêm trời tối không đèn. Đi qua chiến tranh, sức khỏe và nhan sắc của o gửi hết ở chiến trường. Dệt thảm khá nhanh tay, lành nghề, nhưng tấm thảm đời o thì cứ rối nùi, chẳng biết đâu mà gỡ.[...]

Đùng một cái, cả xã Thạch Kim sôi sục. Chẳng hiểu từ đâu báo chí bỗng phát hiện ra, o Lê Thị Nhị chính là nguyên mẫu của cô thanh niên xung phong trong bài thơ "Gửi em, cô Thanh niên xung phong" của nhà thơ Phạm Tiến Duật".

(Nguyễn Hồng Lam, *Vu vơ sợi khói đốt thuyền*)

Đoạn trích có chứa đựng yếu tố:

A. Hư cấu. **B.** Phi hư cấu. **C.** Tự truyện. **D.** Tự thuật.

Câu 11: (ID: 859553)

Tình thiên	**Trời hửng**
"Sự vật tuần hoàn nguyên hữu định,	*"Sự vật vần xoay đà định sẵn,*
Vũ thiên chi hậu tất tình thiên;	*Hết mưa là nắng hửng lên thôi;*
Phiến thì vũ trụ giải lâm phục,	*Đất trời một thoáng thu màn ướt,*
Vạn lý sơn hà sái cẩm chiên;	*Sông núi muôn trùng trải gấm phơi;*
Nhật noãn phong thanh hoa đới tiếu,	*Trời ấm, hoa cười chào gió nhẹ,*
Thụ cao chi nhuận điểu tranh ngôn;	*Cây cao, chim hót rộn cành tươi;*
Nhân hòa vạn vật đô hưng phấn,	*Người cùng vạn vật đều phơi phới,*
Khổ tận cam lai, lý tự nhiên".	*Hết khổ là vui vốn lẽ đời".*
(Hồ Chí Minh, *Nhật ký trong tù*)	(Nam Trân dịch)

Bài thơ "Tình thiên" thể hiện đặc điểm nổi bật nào trong phong cách sáng tác của Hồ Chí Minh?

A. Sử dụng hình ảnh thiên nhiên để ẩn dụ cho tình cảm và tâm tư của con người.

B. Thể hiện sâu sắc tư tưởng phương Tây bằng lối diễn đạt gần gũi, giản dị.

C. Miêu tả cảnh vật thiên nhiên thuần túy, không mang thông điệp triết lý.

D. Đề cao hình mẫu cá nhân, khẳng định cá tính độc đáo của nhân vật trữ tình.

Câu 12: (ID: 859554)

"Thi pháp _____ đề cao sự đổi mới, sáng tạo của cá tính nghệ sĩ, tôn vinh "cái riêng biệt", "cái mới lạ", theo xu hướng vượt ra khỏi mô hình chung, ký ức thể loại. Trong khi đó, thi pháp _____ chấp nhận "cái quen thuộc", "cái lặp lại" đã trở thành sở hữu chung của mỗi thành viên trong cộng đồng, và hơn thế nó đã trở thành kỷ niệm riêng của cả một dân tộc".

(Vũ Anh Tuấn, *Vai trò thể loại trong khoa học văn học dân gian và vấn đề phân tích tác phẩm văn học dân gian từ góc nhìn thể loại*)

Chọn cụm từ phù hợp để điền vào các chỗ trống:

A. văn học trung đại - văn học hiện đại. **B.** văn học dân gian - văn học viết.

C. văn học viết - văn học dân gian. **D.** văn học hiện đại - văn học viết.

Câu 13: (ID: 859555) Trường hợp nào sau đây viết đúng chính tả?

A. Sỗ sàng, súc tích, trau chuốt. **B.** Sỗ sàng, xúc tích, trau chuốt.

C. Sỗ sàng, súc tích, trao chuốt. **D.** Sổ sàng, súc tích, trau chuốt.

Câu 14: (ID: 859556) Câu nào sau đây viết đúng?

A. Trong gia đình, nó là đứa bị đối xử khắc khe nhất.

B. Gió làm cây cối trong vườn xào xạc suốt đêm.

C. Có gì đâu mà suốt ngày cứ dành giật với nhau.

D. Kết quả chuẩn đoán của tôi không đáng lo.

Câu 15: (ID: 859557) *"Anh ấy không nói gì, vô hình trung, tôi bị những người đứng quanh đó hiểu lầm".*

"Vô hình trung" trong câu trên có nghĩa gì?

A. Vô tình, không ý thức được cảm xúc của người khác.

B. Có chủ ý mang đến kết quả từ hành động của chủ thể.

C. Tuy không có chủ định, không cố tình nhưng lại thành ra như vậy.

D. Vì thiếu suy nghĩ nên đôi khi tạo ra ảnh hưởng tiêu cực.

Câu 16: (ID: 859558) Từ "mỗi" trong câu nào được dùng với nghĩa nhấn mạnh số lượng ít của sự vật?

A. Ngày xưa, thường cũng chỉ học một thầy, cùng lắm là vài ba thầy, chứ không như ngày nay, mỗi năm một lớp rồi mỗi môn một thầy.

B. Mỗi người nghĩ một phách, mỗi người làm một nẻo, mạnh ai người nấy lo, còn thì "sống chết mặc bay".

C. Các cuộc thi bơi được tiến hành trong bể bơi có 6-10 đường bơi, mỗi một đường bơi rộng 2-2.5 m, được ngăn cách bằng dây phao.

D. Thiết kế đặc biệt ở đây khiến ta dù nhắm tịt mắt hay giương to mắt thì cũng như nhau, bởi chỉ nhìn thấy có mỗi một màu đen.

Câu 17: (ID: 859559) *"Sống có nghị lực mạnh mẽ sẽ giúp chúng ta vượt qua mọi thử thách, mọi trở ngại của hoàn cảnh và đạt được điều chúng ta mong ước; bởi vậy do đó, mỗi người cần giữ vững tinh thần, luôn hướng đến mục tiêu và nỗ lực hoàn thành mục tiêu".*

Câu trên mắc lỗi gì?

A. Thiếu thành phần vị ngữ.

B. Dùng sai từ ngữ liên kết.

C. Thiếu thành phần chủ ngữ.

D. Dùng từ sai về từ loại.

Câu 18: (ID: 859560) Câu *"Nhờ kinh nghiệm nghiên cứu khoa học từ thời còn là sinh viên của Minh đã gây ấn tượng tốt với hội đồng đánh giá."* là câu sai, nên được sửa thành câu nào sau đây?

A. Nhờ kinh nghiệm nghiên cứu khoa học từ thời còn là sinh viên, Minh đã gây ấn tượng tốt với hội đồng đánh giá.

B. Từ thời còn là sinh viên, nhờ kinh nghiệm nghiên cứu khoa học của Minh đã gây ấn tượng tốt với hội đồng đánh giá.

C. Nhờ kinh nghiệm nghiên cứu khoa học từ thời còn là sinh viên, hội đồng đánh giá đã có ấn tượng tốt với Minh.

D. Từ lúc còn là sinh viên, hội đồng đánh giá đã có ấn tượng tốt về kinh nghiệm nghiên cứu khoa học của Minh.

Câu 19: (ID: 859561) Câu nào sau đây thể hiện phong cách ngôn ngữ sinh hoạt?

A. Về công tác đào tạo đội ngũ làm báo, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc giáo dục đạo đức, bồi dưỡng tài năng.

B. Từ điển tiếng Việt giải nghĩa "diễn đàn là nơi để nhiều người có thể phát biểu ý kiến một cách công khai và rộng rãi".

C. Xem lại những quan điểm mà tôi đã trình bày trong báo cáo hơn 20 trang in đó, thì thấy cơ bản đến nay vẫn đúng.

D. Trong xã hội hiện đại, báo chí là kênh truyền thông hữu hiệu, kết nối mọi thành viên trong cộng đồng.

Câu 20: (ID: 859562)

"Thằng em thì hay hỏi
Không kể chuyện như anh
(Tuy con, má chẳng sinh
Con vẫn quen gọi má)
- Má ơi ai sinh cá
Ai làm ra cái kem
Đêm sao lại màu đen
Ban ngày sao màu trắng?…".

(Xuân Quỳnh, *Cắt nghĩa*)

Tại sao nhà thơ lại lựa chọn sử dụng cụm từ chêm xen thay vì viết dưới dạng một câu riêng biệt?

A. Để làm gián đoạn mạch kể chuyện chính.

B. Để làm nổi bật tầm quan trọng của mối quan hệ giữa má và con.

C. Để thể hiện triết lý sống đề cao tính nhân văn.

D. Để bổ sung thông tin và tạo cảm giác tự nhiên, gần gũi.

ID: (859563) ***Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời câu từ 21 đến 25:***

(1) Chạy dọc theo kênh Tàu Hủ, bến Bình Đông xưa, nhờ giao thông thủy lộ thuận tiện, cộng với cư dân bản địa và làng Minh Hương phát triển sầm uất, đã thành nơi tụ hội ghe thuyền từ khắp các tỉnh miền Tây và cả Nam Bộ, khiến khu vực này dần cực thịnh trong buôn bán và xuất khẩu lúa gạo.

(2) Dựa theo những ghi chép thì tên gọi kênh Tàu Hủ có khá nhiều lý giải. "Ký ức lịch sử về Sài Gòn và vùng phụ cận" của Trương Vĩnh Ký (Nguyễn Đình Đầu dịch, NXB Trẻ) có đoạn: "Hai bên bờ rạch Chợ Lớn là hai dãy phố lớn bằng gạch gọi là Tàu khậu, để cho người Hoa từ Trung Quốc hằng năm đi ghe biển tới thuê. Họ đem hàng hóa chứa trong các phố đó, hoặc để bán sỉ, bán lẻ khi lưu trú tại Sài Gòn". "Tàu khậu" ở đây là ngữ âm của người Triều Châu, nghĩa là "nhà gạch" (thổ khố), phương ngữ "tàu khậu" bị biến âm dần trở thành "tàu hủ". Một lý giải khác bắt nguồn từ hình dáng của dòng kênh, do có những đoạn thắt như cổ hũ, đọc lâu dần trại ra thành âm "tàu hũ, tàu hủ" như ngày nay.

(3) Nhắc đến bến Bình Đông, không thể không đề cập đến các kho, vựa - chành (phương ngữ của người Triều Châu, nghĩa là bến, bãi), nhà máy tên tuổi như kho Hữu Thành với sáu cửa, nhà máy xay lúa Phong Thạnh với công suất lên đến 500 tấn/ngày.

(4) Còn về diện mạo phố xá, kiến trúc nhà ở đặc trưng ở bến Bình Đông mang hình thái thuộc địa với các chi tiết trang trí chạy chỉ nổi thạch cao, lan can sắt mỹ nghệ, ngói tây, cửa lá sách… có công năng dùng để buôn bán (tầng trệt) và cư ngụ (tầng trên). Với sự phát triển của nhịp sống đô thị, cả bến Bình Đông hiện chỉ còn sót lại lác đác dãy nhà cổ liên kế gồm từng cụm ba gian, năm gian, bảy gian… nằm cách nhau một khoảng trống bằng với bề ngang của từng gian nhà gần chân cầu Máy Rượu.

(5) Qua thời gian, những cư dân gốc của dãy phố này cũng lần lượt ra đi. Những khoảng trống giữa các dãy nhà được người đến sau tận dụng, xây nối thành những căn nhà phố mới với kiến trúc "phá bĩnh" - giữa các dãy nhà ngói đỏ điểm xuyết một "gạch nối" là căn nhà hiện đại, mái đúc - chẳng ăn nhập gì với những căn nhà vốn mang nét cổ kính từ hàng trăm năm nay.

(Nguyễn Đình, *Chuyện nhỏ ở Chợ Lớn*)

Câu 21: (ID: 859564) Thông tin của đoạn (2) được tổ chức theo kiểu gì?

A. Theo trật tự thời gian.
B. Theo trật tự không gian.
C. Theo kiểu quan hệ nhân quả.
D. Theo kiểu liệt kê đối tượng.

Câu 22: (ID: 859565) Việc đề cập đến các kho, vựa, nhà máy tên tuổi ở đoạn (3) có vai trò gì trong việc thể hiện nội dung chính của văn bản?

A. Góp phần làm rõ đặc trưng của hoạt động sản xuất ở bến Bình Đông.
B. Góp phần làm rõ đặc trưng của hoạt động kinh tế ở bến Bình Đông.
C. Góp phần làm rõ đặc trưng của hoạt động giao thông ở bến Bình Đông.
D. Góp phần làm rõ đặc trưng của hoạt động nghề nghiệp của người dân ở bến Bình Đông.

Câu 23: (ID: 859566) Thái độ của tác giả thể hiện trong đoạn (5) là gì?

A. Tỏ ra khách quan vì những giá trị xưa, cũ sẽ dần bị thay thế theo thời gian.
B. Tiếc nuối vì sự mai một của những kiến trúc cổ theo thời gian.
C. Thích thú vì những căn nhà hiện đại là sự điểm xuyết cho kiến trúc cổ.
D. Tiếc nhớ những cư dân gốc của dãy phố ở bến Bình Đông.

Câu 24: (ID: 859567) Căn cứ vào toàn bộ nội dung và mạch triển khai của văn bản. Kết hợp khái quát chủ đề và loại trừ phương án phi bao quát.

A. Vai trò của bến Bình Đông trong không gian Chợ Lớn.
B. Nguồn gốc hình thành bến Bình Đông trong lịch sử.
C. Đặc điểm của bến Bình Đông trong quá khứ.
D. Vị trí địa lý giúp bến Bình Đông thành nơi mua bán lúa gạo sầm uất.

Câu 25: (ID: 859568) Dòng nào dưới đây không trình bày tác động mà văn bản có thể mang đến cho người đọc?

A. Nhận thức rõ hơn về giá trị văn hóa, lịch sử của bến Bình Đông.
B. Trân trọng những giá trị di sản mà cha ông đã để lại.

C. Hoài niệm, tiếc nuối với những giá trị xưa cũ đang dần mai một.

D. Hiểu rõ hơn về những thách thức của công tác bảo tồn văn hóa.

ID: (859569) ***Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời câu từ 26 đến 30:***

"(1) Học văn là học tha nhân mà cũng đồng thời là học bản thân ta. Ta học bảng tuần hoàn Mendeleev là học tri thức do nhà bác học cung cấp. Còn ta học tác phẩm của L. Tolstoi là vừa học những tâm hồn Nga yêu chuộng hòa bình, chán ghét chiến tranh, vừa học tiếng vang của nó vào tâm hồn ta, xem cách ta bắt lấy và đón nhận tín hiệu từ tác phẩm đó. Nếu ta chỉ thâu nhận nội dung và các thủ pháp nghệ thuật trong tiểu thuyết như các nguyên tố hóa học của bảng tuần hoàn thì mãi mãi ta không hiểu gì văn học mà cũng không hiểu gì bản thân ta.

(2) Học văn là học kinh nghiệm làm người ở đời để chính mình tự quyết lấy cuộc đời mình. Vì không ai có thể thay ta đưa ra lời giải bài toán cuộc đời ta. Người học văn vì tiếp xúc với nhiều cuộc đời trong sách vở nên có thể lúng túng, lưỡng lự, phân vân và băn khoăn khi va chạm với cuộc đời thực tế. Ta tham khảo từ những cuộc đời đó để rồi đưa ra giải pháp của riêng ta.

(3) Học văn là học cách ứng xử với quá khứ, đối mặt với hiện tại và dự báo cho tương lai. Vì vậy mà chúng ta cần cả văn chương dấn thân lẫn văn chương viễn mơ, cần cả tiểu thuyết lịch sử, tiểu thuyết hiện thực lẫn tiểu thuyết viễn tưởng. Học văn là để mở rộng chiều kích cuộc đời ta, để ta không biến thành "con người một chiều kích" như Herbert Marcuse cảnh báo từ những năm 60 thế kỷ trước.

(4) Học văn là học sống ở đời giữa muôn người cũng đồng thời là học làm người tự do lựa chọn. Theo tinh thần của Jean-Paul Sartre, con người bị buộc phải tự do, có tự do mới có lựa chọn. Lựa chọn chỉ có ý nghĩa khi lựa chọn trong tự do. Nhưng tự do của ta không đối lập với tự do của người khác, tự do của ta chỉ có ý nghĩa khi hiện hữu cùng tự do của người khác".

(Huỳnh Như Phương, *Hồi âm từ phương Nam*)

Câu 26: (ID: 859570) Trong đoạn (2), câu nào chứa luận điểm?

A. Học văn là học kinh nghiệm làm người ở đời để chính mình tự quyết lấy cuộc đời mình.

B. Vì không ai có thể thay ta đưa ra lời giải bài toán cuộc đời ta.

C. Người học văn vì tiếp xúc với nhiều cuộc đời trong sách vở nên có thể lúng túng, lưỡng lự, phân vân và băn khoăn khi va chạm với cuộc đời thực tế.

D. Ta tham khảo từ những cuộc đời đó để rồi đưa ra giải pháp của riêng ta.

Câu 27: (ID: 859571) Trong đoạn (3), cụm từ "con người một chiều kích" được sử dụng theo biện pháp tu từ nào?

A. Nhân hóa. **B.** So sánh. **C.** Ẩn dụ. **D.** Nói quá.

Câu 28: (ID: 859572) Việc tác giả nhắc đến các tên tuổi "L. Tolstoi, Herbert Marcuse" ở đoạn (1) và đoạn (3) nhằm mục đích gì?

A. Giới thiệu vấn đề. **B.** Giải thích vấn đề. **C.** Chứng minh vấn đề. **D.** Phản biện vấn đề.

Câu 29: (ID: 859573) Tác giả thể hiện quan điểm nào trong bài viết?

A. Việc học môn văn cũng giống như việc học môn hóa, bồi đắp lòng hiếu tri nơi người học.

B. Sự lúng túng, lưỡng lự và băn khoăn của người học văn khi va chạm với cuộc đời là điều cần tránh.

C. Hình mẫu "con người một chiều kích" là đối tượng siêu việt mà người học văn cần trở thành.

D. Học văn là hành trình kết hợp giữa tri nhận, phản tư và điều chỉnh để hoàn thiện con người.

Câu 30: (ID: 859574) Ý nghĩa nào của việc học văn không được đề cập trong văn bản?

A. Mở ra cho con người một hành trình tự hiểu biết bản thân và người khác.

B. Bồi đắp con người sự hiểu biết và mẫn tiệp của tâm hồn phong phú.

C. Giữ vai trò như một nghi lễ bắt buộc, đánh dấu sự trưởng thành của con người.

D. Hướng đến sự hình thành ý thức tự do của mỗi người.

1.2. TIẾNG ANH

ID: (859508) Choose a suitable word or phrase (A, B, C, or D) to fill in each blank.

Câu 31: (ID: 859509) Jane was careful. She didn't start the test until she _____ all the instructions.

A. read **B.** reads **C.** had read **D.** had been reading

Câu 32: (ID: 859510) The organizers had to call _____ the concert because of insufficient attendance.

A. on **B.** off **C.** out **D.** in

Câu 33: (ID: 859511) Typhoon Yagi slammed Asia in August 2024 with _____ rain, causing severe flooding.

A. too much **B.** too many **C.** plentiful of **D.** a large number of

Câu 34: (ID: 859512) The weather today is _____ than yesterday, so you should wear a jacket if you go out.

A. cold **B.** much cold **C.** more cold **D.** colder

Câu 35: (ID: 859513) We need more _____ teachers to improve the quality of education.

A. qualify **B.** qualified **C.** qualifying **D.** qualification

ID: (859514) Each of the following sentences has one error (A, B, C, or D). Find it.

Câu 36: (ID: 859515) Mathematics, <u>which</u> many students believe <u>is</u> too difficult, actually <u>require</u> logical thinking <u>rather than</u> memorization.

A. which **B.** is **C.** require **D.** rather than

Câu 37: (ID: 859516) My class visited <u>the</u> museum in Paris <u>which</u> is famous <u>for</u> its <u>collection</u> of ancient paintings.

A. the **B.** which **C.** for **D.** collection

Câu 38: (ID: 859517) Ms. Brown <u>is</u> worried <u>about</u> her <u>students's ability</u> to pass the <u>coming</u> graduation exams.

A. is **B.** about **C.** students's ability **D.** coming

Câu 39: (ID: 859518) Elephants, <u>that</u> are <u>my niece's</u> favorite animal, are <u>among</u> the <u>smartest</u> animals.

A. that **B.** my niece's **C.** among **D.** smartest

Câu 40: (ID: 859519) Jane <u>said</u> that her parents wanted <u>hers</u> to marry someone <u>that</u> <u>they</u> trusted.

A. said **B.** hers **C.** that **D.** they

ID: (859520) Which of the following best restates each of the given sentences?

Câu 41: (ID: 859521) The shop is currently crowded possibly because its new products are very popular.

A. The shop's large number of customers is definitely the result of its new products.

B. It is certain that customers always love the shop's new and popular products.

C. The popularity of the shop's new products might be attracting many customers.

D. Customers visit the shop because it is always filled with popular products.

Câu 42: (ID: 859522) The meeting was delayed because the marketing manager arrived late.

A. The meeting would not be rescheduled if the marketing manager had not arrived late.

B. The meeting would have been delayed if the marketing manager had not arrived on time.

C. Unless the marketing manager arrived late, the meeting would not have been postponed.

D. The meeting would have started on time if the marketing manager had not been late.

Câu 43: (ID: 859523) This film is interesting, but the other two films are much more interesting.

A. This is the least interesting film out of the three.

B. Of the three films, this film is the most interesting.

C. This film is more boring than the other two films.

D. The other two films are less boring than this one.

Câu 44: (ID: 859524) Close the windows to prevent the documents from being blown away.

A. The documents would be blown away if the windows had not been closed.

B. If you don't close the windows, you cannot find the blown documents.

C. The windows should be closed so that the documents are not blown away.

D. By closing the windows, the documents will not be blown away slowly.

Câu 45: (ID: 859525) Jane said to her husband, "Don't forget to lock the door before you go to bed."

A. Jane's husband asked her not to forget to lock the door before going to bed.

B. Jane reminded her husband to lock the door before he went to bed.

C. Jane said to her husband that he must lock the door before going to bed.

D. Jane told her husband not to leave the door locked before he went to bed.

ID: (859526) Read the passage carefully.

1. A former teacher, Butler, wanted a change in her life. After many years of working in the U.S., she dreamed of living somewhere quiet, peaceful, and affordable. She discovered Latronico, a small mountain village in southern Italy's Basilicata region. **There**, she was able to buy a charming old house at a very low price compared to what she would pay in a big city. For her, this was the beginning of a new chapter filled with hope and peace.

2. Buying the house was easier than she had expected. Latronico has a special program called "La Tua Casa a Latronico" (Your Home in Latronico). The program helps people purchase and restore empty houses that once belonged to families who moved away. This made the process simple and welcoming for newcomers. It is part of a wider trend across Italy, where small towns invite people to settle and stop villages from becoming empty.

3. After moving in, Butler began to work on her house. Many of these old houses need improvements, and hers was no different. She **fixed** the floors, painted the walls, and hired local workers to upgrade the kitchen and bathrooms. With each improvement, the house felt more like home. She enjoyed the process because it allowed her to be creative while also supporting local workers. In this way, she was not just fixing her house but also joining the community.

4. Life in Latronico soon became more than just home renovations. She loved walking through the quiet streets, greeting neighbors, and visiting small shops. People in the village were warm and friendly, making her feel part of the community very quickly. Simple moments - like buying bread at the bakery or sitting in the town square - became joyful experiences. She felt that her new life was slower, healthier, and more connected compared to her old stressful, fast-paced city life. Her story shows how affordable housing programs can give people a second chance.

Choose an option (A, B, C, or D) that best answers each question.

Câu 46: (ID: 859527) What is the passage mainly about?

A. A former teacher's new life in an Italian village **B.** "La Tua Casa a Latronico," a housing program

C. How to fix old houses in an Italian village **D.** Life in Latronico for Italians who love peace

Câu 47: (ID: 859528) According to paragraph 1, what does the word **There** refer to?

A. mountain **B.** Italy **C.** Latronico **D.** southern Basilicata

Câu 48: (ID: 859529) In paragraph 2, which of the following is NOT a characteristic of "La Tua Casa a Latronico"?

A. It sells the houses that are no longer resided in. **B.** It provides easy opportunities for newcomers.

C. It started a new housing trend all over Italy. **D.** It keeps some villages from being deserted.

Câu 49: (ID: 859530) What word can best replace **fixed** as used in paragraph 3?

A. strengthened **B.** repaired **C.** changed **D.** polished

Câu 50: (ID: 859531) In paragraph 3, what can be inferred about the way Butler supported local workers?

A. She helped them to be creative.
B. She joined their local community.
C. She created repair jobs for them.
D. She improved their building skills.

Câu 51: (ID: 859532) In paragraph 4, what is stated about people in Latronico?

A. They were kind and welcoming.
B. They were quiet but friendly.
C. They loved greeting their neighbors.
D. They were quick at making friends.

Câu 52: (ID: 859533) In paragraph 4, what did Butler say about her life before she came to Latronico?

A. It was totally carefree.
B. It was quick-moving.
C. It suited old people more.
D. It had nothing but stress.

ID: (859534) Read the passage carefully.

1. Climate change is making the world's weather more extreme. Scientists say that regions with hotter air can hold more water, and warmer seas give storms extra strength. This means storms today are often stronger, wetter, and more dangerous than **those** in the past. These changes are not just predictions for the future - they are already happening and affecting millions of people.

2. One big effect is the increase in rainfall and flooding. Typhoons no longer bring only strong winds; they now **dump** record amounts of water. In 2023, Typhoon Haikui hit Taiwan and later Hong Kong, where it caused the heaviest rainfall in 140 years. Streets, subways, and homes were flooded, and daily life was stopped for many people. This shows how climate change turns storms into water disasters, especially in crowded cities that do not have strong drainage systems.

3. Another effect is that typhoons now cause more economic damage. The bigger and more developed cities are, the more expensive it is to repair. Typhoon Doksuri in 2023 is a clear example. It flooded Beijing and other parts of China, destroying homes and farmland. The cost reached more than 28 billion dollars, making it the most expensive typhoon in China's history. Climate change makes such storms more frequent, and urban growth makes the damage higher, a dangerous mix for modern societies.

4. A third effect is that storms are stronger than they would be due to climate change. In 2024, **scientists** studied Typhoon Gaemi and found that its winds were about 9 mph stronger and rainfall 14% heavier because of hotter oceans. They also said climate change made storms like Gaemi 30% more likely. This proves climate change is not just a background factor; it directly increases the power of storms.

5. Finally, climate change is making typhoons intensify faster, which gives people less time to prepare. In 2025, Typhoon Kajiki grew very quickly before striking Vietnam. Nearly 600,000 people had to evacuate, and many cities, including Hanoi, were badly flooded. This rapid growth shows how climate change makes storms more dangerous by reducing warning time.

6. Countries now need stronger plans, better evacuation systems, and more climate action to protect people in the years ahead.

Choose an option (A, B, C, or D) that best answers each question.

Câu 53: (ID: 859535) The best title of the passage can be _____.

A. How Typhoons Are Increasing Climate Change **B.** Climate Change and the Rising Power of Storms

C. Rising Seas, Rising Typhoons: Only in Asia **D.** How the World Is Suffering from Extreme Weathers

Câu 54: (ID: 859536) The word **those** in paragraph 1 refers to _____.

A. scientists **B.** regions **C.** seas **D.** storms

Câu 55: (ID: 859537) In paragraph 2, the word **dump** is closest in meaning to _____.

A. throw away as garbage **B.** drop or release suddenly

C. pour now and again **D.** sell at a cheap price

Câu 56: (ID: 859538) According to paragraph 2, crowded cities without strong drainage systems _____.

A. cause many water disasters for their populations **B.** can develop storms into deadly typhoons

C. may be the most vulnerable to climate change **D.** suffer from serious flooding caused by storms

Câu 57: (ID: 859539) In paragraph 3, it is NOT mentioned that _____.

A. Typhoon Doksuri flooded the entire mainland China

B. Typhoon Doksuri caused huge economic losses to China

C. storms similar to Typhoon Doksuri occur more often now

D. storms are more damaging due to increased urbanization

Câu 58: (ID: 859540) In paragraph 4, the author mentions **scientists** in order to _____.

A. confirm another viewpoint **B.** present two perspectives

C. validate his/her claim **D.** illustrate a public opinion

Câu 59: (ID: 859541) It can be inferred from paragraph 4 that Typhoon Gaemi and similar storms _____.

A. pose higher risks of flooding **B.** are more serious in desert areas

C. cause huge shortages of power **D.** are a factor of global warming

Câu 60: (ID: 859542) Paragraphs 2, 3, 4, and 5 present _____ espectively as changes to storms due to climate change.

A. higher economic losses, serious floods, greater intensity, and higher speed

B. higher speed, serious floods, higher economic losses, and greater intensity

C. serious floods, higher economic losses, greater intensity, and higher speed

D. serious floods, higher speed, higher economic losses, and greater intensity

II PHẦN 2: TOÁN HỌC

Câu 61: (ID: 859453) Một hình chữ nhật và một hình vuông có cùng chu vi là 24 (đơn vị dài). Biết rằng diện tích hình vuông lớn hơn diện tích hình chữ nhật là 4 (đơn vị diện tích). Hiệu giữa chiều dài và chiều rộng của hình chữ nhật là:

A. 2. **B.** 4. **C.** 6. **D.** 8.

Câu 62: (ID: 859454) Cho phương trình $\sqrt{-x^2+mx}=2x-1$ với m là tham số thực. Tập hợp tất cả giá trị của m để phương trình trên vô nghiệm là:

A. $\left(\frac{1}{2};\infty\right)$. **B.** $\left(\frac{1}{2};2\right)$. **C.** $\left(-\infty;\frac{1}{2}\right)$. **D.** $(-\infty;2)$.

Câu 63: (ID: 859455) Anh Hùng muốn gửi tiết kiệm để sau 3 năm có 800 triệu đồng mua xe. Biết lãi suất hàng tháng là $0,6\%$, tiền lãi sinh ra hàng tháng được nhập vào tiền vốn, số tiền gửi hàng tháng là như nhau. Anh Hùng phải gửi ngân hàng mỗi tháng số tiền gần nhất với số tiền nào sau đây:

A. 19.785.000 đồng. **B.** 19.895.000 đồng. **C.** 19.975.000 đồng. **D.** 19.665.000 đồng.

Câu 64: (ID: 859456) Cho $a=\log_2 5, b=\log_5 3$. Biết $\log_{24}15=\frac{ma+ab}{n+ab}$ với m, n là các số nguyên. Giá trị $S=m^2+n^2$ là:

A. 2 **B.** 5 **C.** 13 **D.** 10

Câu 65: (ID: 859457) Có 6 thị trấn A, B, C, D, E và F được kết nối với nhau bởi một số tuyến đường. Độ dài tính bằng kilômét của các tuyến đường kết nối giữa các thị trấn được cho kèm theo bảng sau.

	A	B	C	D	E	F
A	0	1	0	8	4	1
B	1	0	2	0	0	0
C	0	2	0	3	0	0
D	8	0	3	0	5	0
E	4	0	0	5	0	1
F	1	0	0	0	1	0

Tổng số tuyến đường kết nối các thị trấn với nhau là:

A. 8 **B.** 6 **C.** 10 **D.** 9

Câu 66: (ID: 859458) Một công ty viễn thông đang lên kế hoạch mở rộng mạng lưới dịch vụ của mình tại một khu vực gồm sáu thị trấn: A, B, C, D và F. Để cung cấp dịch vụ internet và điện thoại đến từng thị trấn, công ty cần phải kéo cáp ngầm nối các thị trấn với nhau. Mỗi đoạn cáp nối hai thị trấn có một chi phí nhất định, tùy thuộc vào khoảng cách địa lý và điều kiện địa hình. Sơ đồ dưới đây thể hiện các tuyến cáp có thể xây dựng, cùng với chi phí đi kèm (tính bằng nghìn đô la) cho từng tuyến.

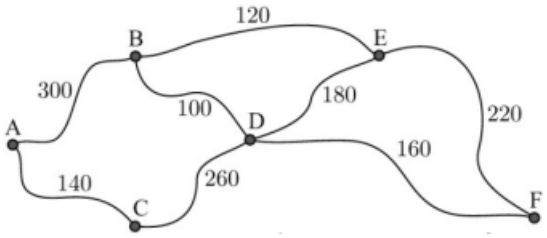

Chi phí tối thiểu (nghìn đô la) mà công ty phải bỏ ra để xây dựng hệ thống cáp sao cho tất cả sáu thị trấn đều được kết nối với nhau là:

A. 780 **B.** 820 **C.** 760 **D.** 800

Câu 67: (ID: 859459) Tập nghiệm của phương trình $\cos 2x+3\sin x-2=0$ là:

A. $S=\left\{\frac{\pi}{2}+k2\pi;\frac{\pi}{6}+k2\pi;\frac{5\pi}{6}+k2\pi,k\in\right\}$. **B.** $S=\left\{\frac{\pi}{6}+k2\pi;\frac{5\pi}{6}+k2\pi,k\in\right\}$.

C. $S=\left\{\frac{\pi}{2}+k2\pi;\frac{\pi}{3}+k2\pi;\frac{2\pi}{3}+k2\pi,k\in\right\}$. **D.** $S=\left\{\frac{\pi}{3}+k2\pi;\frac{2\pi}{3}+k2\pi,k\in\right\}$.

Câu 68: (ID: 859460) Cho tam giác ABC có a, b, c lần lượt là độ dài các cạnh đối diện với các đỉnh A, B, C. Biết $b(b^2-a^2)=c(a^2-c^2)$, khi đó số đo của góc A bằng:

A. 30° **B.** 45° **C.** 60° **D.** 120°

Câu 69: (ID: 859461) Cho hàm số $f(x)=\begin{cases}\frac{x^2-4}{x-2}, & x\neq 2\\ m+1, & x=2\end{cases}$ với m là tham số thực. Giá trị của m để hàm số liên tục tại $x_0=2$ là:

A. $m=3$. **B.** $m=2$. **C.** $m=4$. **D.** $m=1$.

Câu 70: (ID: 859462) Cho hàm số $y=x\cdot e^x$. Tập nghiệm của bất phương trình $y^{"}-y'-y>0$ là:

A. $(-1;+\infty)$. **B.** $(-\infty;1)$. **C.** $(1;+\infty)$. **D.** $(-\infty;-1)$.

Câu 71: (ID: 859463) Cho hàm số $f(x)$ liên tục trên $[0;2]$ và thoả mãn $\int_0^2 f(x)dx=7$. Tính giá trị $I=\int_2^0\left(f(x)-x\right)dx$.

A. 5 **B.** -5 **C.** -3 **D.** 3

Câu 72: (ID: 859464) Xét hàm số $y=f(x)$ có $f'(x)=3x(x-2)$ và đồ thị (C) của nó đi qua gốc toạ độ. Tính diện tích phần hình phẳng giới hạn bởi (C) và trục hoành.

A. 0. **B.** $\frac{-27}{4}$. **C.** 4. **D.** $\frac{27}{4}$.

ID: (859465) Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 73 đến 74

Để sản xuất mỗi cái bánh loại A cần 200 g bột và 25 g thịt, để sản xuất mỗi bánh loại B cần 100 g bột và 50 g thịt. Số nguyên liệu có sẵn gồm 5 kg bột và 1 kg thịt.

Câu 73: (ID: 859466) Gọi x là số bánh loại A và y là số bánh loại B. Hệ bất phương trình biểu diễn các ràng buộc nguyên liệu là:

A. $\begin{cases}200x+100y\le 5000\\25x+50y\le 1000\\x,y\ge 0\end{cases}$ **B.** $\begin{cases}200x+100y\le 1000\\25x+50y\le 5000\\x,y\ge 0\end{cases}$ **C.** $\begin{cases}200x+25y\le 5000\\100x+50y\le 1000\\x,y\ge 0\end{cases}$ **D.** $\begin{cases}200x+25y\le 1000\\100x+50y\le 5000\\x,y\ge 0\end{cases}$

Câu 74: (ID: 859467) Giả sử lợi nhuận thu được từ mỗi chiếc bánh loại A là 10 nghìn đồng và từ loại B là 15 nghìn đồng. Lợi nhuận tối đa (nghìn đồng) có thể thu được là:

A. 250 **B.** 300 **C.** 350 **D.** 400

ID: (859468) Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 75 đến 76

Cho cấp số cộng (u_n) xác định bởi: $\begin{cases}u_1+u_5=12\\u_2+u_6=16\end{cases}$

Câu 75: (ID: 859469) Công sai d của cấp số cộng (u_n) là:

A. $d=1$ **B.** $d=2$ **C.** $d=3$ **D.** $d=4$

Câu 76: (ID: 859470) Tính giá trị giới hạn $\lim\limits_{n\to\infty}\dfrac{5u_n-3}{n+2}$.

A. 0 **B.** 5 **C.** 10 **D.** $+\infty$

ID: (859471) Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 77 đến 78

Trong không gian tọa độ Oxyz, cho điểm $A(2;2;-3)$ và hai mặt phẳng $(P):2x+y-2z=0$, $(Q):2x-y+z=0$.

Câu 77: (ID: 859472) Khoảng cách từ điểm A đến mặt phẳng (P) bằng:

A. 3 **B.** 4 **C.** 2 **D.** 6

Câu 78: (ID: 859473) Mặt phẳng đi qua A và vuông góc với (P) và (Q) có phương trình:

A. $x+6y+4z-2=0$ **B.** $x-6y-4z-2=0$ **C.** $x-6y+4z+22=0$ **D.** $x+6y-4z-26=0$

ID: (859474) Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 79 đến 81

Cho hàm số $y=x^3-3x+m$.

Câu 79: (ID: 859475) Với $m=1$, giá trị lớn của hàm số trên đoạn $[-2;2]$ là:

A. 4 **B.** 3 **C.** 2 **D.** 1

Câu 80: (ID: 859476) Tất cả giá trị của m để hàm số nghịch biến trên tập xác định là:

A. $m\in[-1;3]$ **B.** $m=1$ **C.** $m\in\left[-\dfrac{1}{2};4\right]$ **D.** $m\in\varnothing$

Câu 81: (ID: 859477) Tính tổng tất cả giá trị nguyên của tham số m sao cho phương trình $-x^3+3x=m$ có 3 nghiệm thực phân biệt.

A. -1 **B.** 2 **C.** 1 **D.** 0

ID: (859634) Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 82 đến 84

Một nhà máy có hai lô hàng cần kiểm tra. Lô A có 10 sản phẩm, trong đó có 7 sản phẩm tốt và 3 sản phẩm lỗi. Lô B có 15 sản phẩm, trong đó có 10 sản phẩm tốt và 5 sản phẩm lỗi.

Câu 82: (ID: 859635) Từ lô hàng A chọn ngẫu nhiên đồng thời 2 sản phẩm, xác suất để người đó lấy được 2 sản phẩm tốt là:

A. $\frac{7}{15}$. **B.** $\frac{1}{5}$. **C.** $\frac{7}{30}$. **D.** $\frac{11}{90}$.

Câu 83: (ID: 859636) Chọn ngẫu nhiên một lô hàng, rồi từ lô hàng đó chọn ra 2 sản phẩm. Xác suất để lấy được 2 sản phẩm tốt là:

A. $\frac{94}{105}$. **B.** $\frac{23}{94}$. **C.** $\frac{47}{105}$. **D.** $\frac{49}{94}$.

Câu 84: (ID: 859637) Chọn ngẫu nhiên một lô hàng, rồi từ lô hàng đó chọn ra 1 sản phẩm. Biết sản phẩm được chọn là sản phẩm lỗi. Xác suất để lô được chọn là lô B là:

A. $\frac{9}{19}$. **B.** $\frac{10}{19}$. **C.** $\frac{1}{2}$. **D.** $\frac{3}{5}$.

ID: (859638) Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 85 đến 87

Trong mặt phẳng tọa độ Oxy, cho tam giác ABC có tọa độ các đỉnh lần lượt là $A(-5;1), B(1;5), C(7;-3)$.

Câu 85: (ID: 859639) Gọi G là trọng tâm của tam giác ABC. Khoảng cách OG là:

A. $\sqrt{2}$. **B.** $\sqrt{3}$. **C.** 1. **D.** 2.

Câu 86: (ID: 859640) Gọi M là trung điểm cạnh AC. Gọi N là điểm sao cho BMCN là hình bình hành. Tổng hoành độ và tung độ của N bằng:

A. 7. **B.** 8. **C.** 9. **D.** 10.

Câu 87: (ID: 859641) Gọi D là điểm nằm trên cạnh BC sao cho đường tròn đường kính DB tiếp xúc trục tung. Hiệu hoành độ và tung độ của D là:

A. 2. **B.** 2,5. **C.** 3. **D.** 3,5.

ID: (859642) Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 88 đến 90

Cho hình chóp S.ABCD có đáy là hình vuông cạnh a. Hình chiếu vuông góc H của S lên mặt đáy $(ABCD)$ là trung điểm của AB. Biết $SH=a$.

Câu 88: (ID: 859643) Thể tích hình chóp S.BHD là:

A. $\frac{1}{6}a^3$. **B.** $\frac{1}{12}a^3$. **C.** $\frac{\sqrt{2}}{12}a^3$. **D.** $\frac{\sqrt{3}}{12}a^3$.

Câu 89: (ID: 859644) Chu vi tam giác SBD là:

A. $\frac{2\sqrt{2}+3+\sqrt{5}}{2}a$. **B.** $\frac{2\sqrt{2}+\sqrt{3}+\sqrt{5}}{2}a$. **C.** $\frac{2\sqrt{2}+2\sqrt{5}}{2}a$. **D.** $\frac{2\sqrt{2}+\sqrt{3}+5}{2}a$.

Câu 90: (ID: 859645) Khoảng cách từ H đến mặt phẳng (SBD) xấp xỉ:

A. 0,5a. **B.** 0,66a. **C.** 0,33a. **D.** 0,25a.

III PHẦN III: TƯ DUY KHOA HỌC

3.1. LOGIC, PHÂN TÍCH SỐ LIỆU

ID: (859646) Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 91 đến 93

Nhân dịp tổ chức buổi lễ $20/11$, đội văn nghệ của trường định sẽ biểu diễn 5 tiết mục là: đơn ca nam, đơn ca nữ, song ca nam nữ, tốp ca học sinh và tốp ca giáo viên. Thứ tự các tiết mục tuân theo các ràng buộc sau đây:

Câu 91: (ID: 859648) Nếu tốp ca giáo viên được biểu diễn trước đơn ca nữ thì điều nào sau đây không đúng?

A. Đơn ca nam được biểu diễn ở vị trí thứ hai. **B.** Đơn ca nữ được biểu diễn ở vị trí thứ tư.

C. Song ca nam nữ được biểu diễn đầu tiên. **D.** Tốp ca học sinh được biểu diễn đầu tiên.

Câu 92: (ID: 859649) Nếu đơn ca nữ và tốp ca giáo viên không được biểu diễn kề nhau thì điều nào sau đây có thể đúng?

A. Đơn ca nam được biểu diễn cuối cùng. **B.** Đơn ca nữ được biểu diễn thứ tư.

C. Song ca nam nữ biểu diễn thứ ba. **D.** Tốp ca học sinh biểu diễn thứ hai.

Câu 93: (ID: 859647) Có bao nhiêu tiết mục có thể biểu diễn ở vị trí thứ hai?

A. năm. **B.** bốn. **C.** ba. **D.** hai.

ID: (859650) Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 94 đến 96

Ban cán sự của lớp sẽ được thành lập gồm đúng năm đại diện, trong đó có một người giữ vai trò lớp trưởng. Các thành viên này được lựa chọn từ hai nhóm: nhóm học sinh nam gồm F, G, J, K, M và nhóm học sinh nữ gồm P, Q, R, S. Các điều kiện lựa chọn ban cán sự phải được thỏa mãn như sau:

Câu 94: (ID: 859651) Trong số các lựa chọn dưới đây, tổ hợp nào là một lựa chọn hợp lệ các đại diện cho ban cán sự lớp?

A. F, G, Q, R, S. **B.** F, P, Q, R, S. **C.** J, K, M, Q, S. **D.** J, M, P, Q, S.

Câu 95: (ID: 859652) Nếu cả F lẫn K đều không được chọn, thì điều nào sau đây có thể đúng?

A. G được chọn. **B.** P được chọn. **C.** J là lớp trưởng. **D.** Q là lớp trưởng.

Câu 96: (ID: 859653) Nếu lớp trưởng là một nữ sinh, thì điều nào sau đây phải đúng?

A. Nếu G được chọn thì Q cũng được chọn. **B.** Nếu G được chọn thì R cũng được chọn.

C. Nếu J được chọn thì F cũng được chọn. **D.** Nếu J được chọn thì Q cũng được chọn.

ID: (859654) Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 97 đến 99

Hai biểu đồ tròn dưới đây cung cấp thông tin về thị phần điện thoại của công ty X và Y trong các năm 2015 và 2025.

THỊ PHẦN ĐIỆN THOẠI NĂM 2015

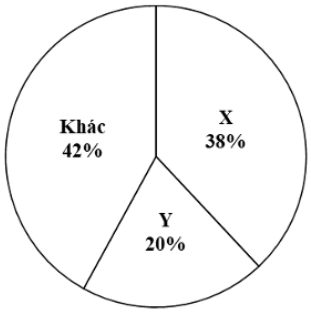

THỊ PHẦN ĐIỆN THOẠI NĂM 2025

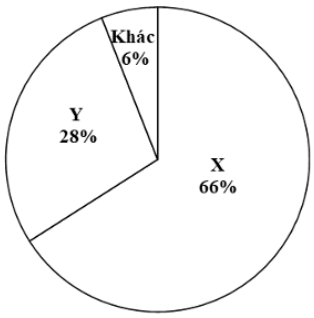

Biết rằng tổng số điện thoại bán ra năm 2015 là 50 triệu sản phẩm và năm 2025 là 95 triệu sản phẩm.

Câu 97: (ID: 859655) Số lượng điện thoại công ty X bán ra năm 2025 tăng bao nhiêu phần trăm so với năm 2015?

A. 180%. **B.** 205%. **C.** 230%. **D.** 250%.

Câu 98: (ID: 859656) Giả sử số lượng điện thoại công ty X bán ra tăng theo tốc độ tăng trưởng kép hằng năm (CAGR) không đổi trong giai đoạn 2015-2025. Biết công thức CAGR là

$$\text{CAGR} = \left(\frac{\text{Giá trị cuối kỳ}}{\text{Giá trị đầu kỳ}}\right)^{\frac{1}{n}} - 1$$

với n là số năm. CAGR của công ty X xấp xỉ:

A. 10,3%/năm. **B.** 11,7%/năm. **C.** 12,7%/năm. **D.** 14,1%/năm.

Câu 99: (ID: 859657) Giả sử từ năm 2024 đến năm 2025, tổng số điện thoại bán ra trên thị trường tăng 11% , và số lượng điện thoại công ty Y bán ra tăng 5%. Thị phần công ty Y trong năm 2024 bằng xấp xỉ bao nhiêu phần trăm:

A. 26,4%. **B.** 29,6%. **C.** 31,1%. **D.** 36,4%.

ID: (859658) Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 100 đến 102

Bảng tần số cân nặng khi sinh (đơn vị kilôgam) của 1.500 trẻ sơ sinh được cho như sau:

Khoảng cân nặng (kg)	Tần số f
0,0 – 1,0	1
1,0 – 2,0	6
2,0 – 2,5	60

$2,5-3,0$	280
$3,0-3,5$	820
$3,5-4,0$	320
$4,0-5,0$	10
$5,0-6,0$	3

Câu 100: (ID: 859659) Khoảng chứa trung vị là:

A. $2,0-2,5$. **B.** $2,5-3,0$. **C.** $3,0-3,5$. **D.** $3,5-4,0$.

Câu 101: (ID: 859660) Trung vị cân nặng (kg) của 1.500 trẻ sơ sinh xấp xỉ:

A. 3,18. **B.** 3,23. **C.** 3,25. **D.** 3,30.

Câu 102: (ID: 859661) Cho $\overline{x}$ và s lần lượt là trung bình mẫu và độ lệch chuẩn mẫu của cân nặng 1.500 trẻ sơ sinh. Giá trị (kg) của $\overline{x}-s$ xấp xỉ:

A. 2,80. **B.** 2,90. **C.** 3,00. **D.** 3,10.

3.2. SUY LUẬN KHOA HỌC

ID: (859309) Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 103 đến 105

Áp suất hơi bão hòa của chất lỏng dễ bay hơi là áp suất hơi của nó khi tốc độ bay hơi của chất lỏng bằng tốc độ ngưng tụ của hơi ở nhiệt độ nhất định. Chất càng dễ bay hơi thì áp suất hơi bão hòa cao và khi nhiệt độ tăng, áp suất hơi bão hòa cũng tăng. Liên hệ giữa áp suất hơi bão hòa của dung dịch (P_A) và áp suất hơi bão hòa của dung môi tinh chất P_A^0 như sau:

$$P_A = P_A^0 \times \frac{n_A}{n_A + n_B}$$

Trong đó n_A và n_B lần lượt là số mol của dung môi A và chất tan B.

Hòa tan 24 gam urea $(NH_2)_2CO$ vào 200 gam nước được dung dịch X. Biết urea là chất tan không bay hơi và khối lượng phân tử của urea là 60 g/mol. Khối lượng phân tử của nước (H_2O) là 18 g/mol. Áp suất hơi bão hòa của nước nguyên chất ở 25°C là 23,8 mmHg.

Câu 103: (ID: 859310) Nhận xét nào sau đây sai?

A. Áp suất hơi bão hòa của dung dịch X thấp hơn 23,52 mmHg.

B. Khi nhiệt độ tăng, áp suất hơi bão hòa của dung dịch X tăng.

C. Khi tăng nồng độ urea thì áp suất hơi bão hòa của dung dịch tăng.

D. Áp suất hơi bão hòa của nước luôn lớn hơn áp suất hơi bão hòa của dung dịch X.

Câu 104: (ID: 859311) Có bốn dung dịch X_1, X_2, X_3 và X_4 được điều chế bằng cách hòa tan cùng một khối lượng lần lượt các chất tan: saccharose ($C_{12}H_{22}O_{11}$), maltose ($C_{12}H_{22}O_{11}$), glycerol ($C_3H_8O_3$) và sorbitol

($C_6H_{14}O_6$) vào cùng một lượng nước. Gọi P_1, P_2, P_3 và P_4 lần lượt là áp suất hơi bão hòa của các dung dịch X_1, X_2, X_3 và X_4. Hãy chọn nhận xét đúng về mối quan hệ giữa P_1, P_2, P_3 và P_4.

A. $P_1 = P_2 < P_3 < P_4$. **B.** $P_1 > P_2 > P_3 = P_4$. **C.** $P_1 = P_2 = P_3 = P_4$. **D.** $P_1 = P_2 > P_4 > P_3$.

Câu 105: (ID: 859312) Cần hòa tan bao nhiêu gam glucose ($C_6H_{12}O_6$) vào 200 g nước để tạo thành dung dịch có áp suất hơi bão hòa bằng với áp suất hơi bão hòa của dung dịch X? Glucose là chất tan không bay hơi và khối lượng phân tử là 180 g/mol.

A. 8 gam. **B.** 24 gam. **C.** 36 gam. **D.** 72 gam.

ID: (858986) Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 106 đến 108

Trong thế kỷ XIX, nhiều nhà khoa học cho rằng ánh sáng cần một môi trường đặc biệt để lan truyền, gọi là ê-te (ether). Tuy nhiên, nhiều thí nghiệm, đặc biệt là thí nghiệm Michelson - Morley (1887) không xác nhận sự tồn tại của môi trường này. Theo lý thuyết trường điện từ Maxwell, ánh sáng có bản chất là sóng điện từ với tốc độ lan truyền trong chân không là $c = 3.10^8 \text{m/s}$. Ngoài ra, thí nghiệm hiện tượng quang điện cho thấy ánh sáng còn mang tính hạt, với các hạt ánh sáng gọi là photon. Ngày nay, người ta thừa nhận ánh sáng có lưỡng tính sóng - hạt.

Mỗi ngày, Mặt Trời gửi đến Trái Đất nhiều loại bức xạ điện từ: ánh sáng khả kiến giúp chúng ta quan sát, tia cực tím có thể gây bỏng da (với bước sóng ngắn hơn 320 nm) nhưng cũng hỗ trợ tổng hợp vitamin D, tia hồng ngoại (bước sóng dài hơn 760 nm) giúp giữ ấm Trái Đất. Việc hiểu bản chất ánh sáng còn giúp khám phá vũ trụ nhờ các kính thiên văn hiện đại. Ví dụ, kính thiên văn James Webb thu nhận bức xạ có bước sóng trong chân không từ $0,60\mu\text{m}$ (màu da cam) đến $28,5\mu\text{m}$ (hồng ngoại trung), cho phép mở rộng khả năng quan sát vũ trụ.

Cho biết năng lượng của một photon ánh sáng $\varepsilon(\text{J})$ được tính theo công thức: $\varepsilon = hf = \dfrac{hc}{\lambda}$ với $f(\text{Hz})$ và $\lambda(\text{m})$ lần lượt là tần số và bước sóng của ánh sáng, $h = 6,625.10^{-34}\text{J.s}$ được gọi là hằng số Planck, $1\text{eV} = 1,6.10^{-19}\text{J}$.

Câu 106: (ID: 858987) Phát biểu nào sau đây đúng?

A. Ở thế kỷ XIX, các nhà khoa học cho rằng ánh sáng lan truyền trong môi trường ê-te.

B. Thí nghiệm Michelson - Morley (1887) giúp khẳng định sự tồn tại của môi trường ê-te.

C. Thí nghiệm Michelson - Morley (1887) giúp khẳng định ánh sáng có tính chất hạt.

D. Ngay từ đầu các nhà khoa học đã khẳng định sóng ánh sáng có thể lan truyền trong môi trường chân không.

Câu 107: (ID: 858988) Tần số ánh sáng nhỏ nhất mà kính thiên văn James Webb có thể thu được gần đúng là:

A. $1,1.10^{13}\text{Hz}$. **B.** $5,0.10^{14}\text{Hz}$. **C.** $9,4.10^{14}\text{Hz}$. **D.** $3,9.10^{14}\text{Hz}$.

Câu 108: (ID: 858989) Cho các phát biểu sau:

(1) Năng lượng của mỗi photon tia cực tím có thể gây bỏng da chủ yếu lớn hơn $3,88eV$.

(2) Tia cực tím luôn có hại.

(3) Kính thiên văn James Webb chỉ quan sát ánh sáng trong vùng hồng ngoại.

(4) Ánh sáng là một dạng của sóng điện từ.

Các phát biểu đúng là:

A. (1), (4). **B.** (1), (3). **C.** (4). **D.** (2), (3), (4).

ID: (859392) Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 109 đến 111

Để đánh giá ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt đến tính thấm của màng tế bào sinh vật, sinh viên sử dụng 5 mẫu mô rễ củ cải đường giống nhau (có chứa sắc tố tím betacyanin) làm vật liệu thí nghiệm. Mỗi mẫu mô được rửa sạch và ngâm vào một ống nghiệm chứa 5 mL dung dịch tương ứng với một nghiệm thức. Nước thải sinh hoạt được pha loãng bằng nước máy sinh hoạt theo các tỷ lệ quy định trong bảng. Sau khi ủ trong 15 phút ở 25°C, độ hấp thụ của dung dịch được đo tại bước sóng 460 nm (A460). Giá trị độ hấp thụ ánh sáng phản ánh mức độ khuếch tán betacyanin qua màng tế bào, từ đó xác định sự thay đổi tính thấm của màng tế bào. Thí nghiệm được lặp lại 5 lần, số liệu thu được là giá trị trung bình của 5 lần đo.

Nghiệm thức (NT)	Dung dịch xử lý	Độ hấp thụ ánh sáng
NT 1	Nước máy sinh hoạt	0,090 ± 0,006
NT 2	Nước thải pha loãng 25%	0,150 ± 0,020
NT 3	Nước thải không pha loãng	0,400 ± 0,105
NT 4	Nước thải pha loãng 50% + than hoạt tính	0,130 ± 0,012
NT 5	Chất tẩy rửa 0,1%	0,520 ± 0,040

Câu 109: (ID: 859393) Dung dịch trong ống nghiệm có nồng độ betacyanin cao nhất ở nghiệm thức nào?

A. NT 1. **B.** NT 2. **C.** NT 3. **D.** NT 5.

Câu 110: (ID: 859394) Từ kết quả thí nghiệm, giải pháp nào sau đây nên được ưu tiên sử dụng để xử lý nước thải sinh hoạt, đồng thời giảm thiểu tổn thương màng tế bào sinh vật?

A. Nước thải sinh hoạt có thể được xả trực tiếp mà không ảnh hưởng đến sinh vật. **B.** Pha loãng 25% thể tích nước thải với 75% thể tích nước máy sinh hoạt. **C.** Pha loãng 50% nước thải sinh hoạt với 50% nước máy và lọc qua than hoạt tính. **D.** Thêm dung dịch tẩy rửa 0,1% vào nước thải sinh hoạt theo tỷ lệ thể tích 1:1.

Câu 111: (ID: 859395) Cho những nhận định sau:

I. Nước thải sinh hoạt không pha loãng làm giảm tính thấm màng tế bào.

II. Than hoạt tính làm tăng tính thấm của màng tế bào, đồng thời làm giảm mức độ khuếch tán sắc tố.

III. Kết quả ở nghiệm thức NT3 đáng tin cậy hơn nghiệm thức NT2 vì giá trị trung bình cao hơn.

IV. Khi tiến hành thí nghiệm ở 4°C, giá trị hấp thụ A460 của tất cả các nghiệm thức có thể thay đổi.

Những nhận định đúng là:

A. IV. **B.** I, II, IV. **C.** I, II, III, IV. **D.** III, IV.

ID: (859169) Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 112 đến 114

Báo The New York Times dẫn số liệu được Cục Thống kê dân số Hoa Kỳ công bố ngày 22/6/2023 cho thấy, độ tuổi trung vị (median age) của Hoa Kỳ trong năm 2022 đạt con số kỷ lục 38,9 tuổi. Tuổi trung vị là chỉ số quan trọng trong việc biểu thị sự phân bổ dân số theo độ tuổi (trên một đơn vị lãnh thổ), chia dân số thành hai nhóm với số lượng bằng nhau. Nói cách khác, với tuổi trung vị 38,9 thì Hoa Kỳ đang có số người dân trên 38,9 tuổi đúng bằng số người trẻ hơn mốc này.

Trong những năm qua, tuổi trung vị của Hoa Kỳ liên tục tăng. Năm 1980, chỉ số này chỉ dừng ở mức 30 tuổi. Đến năm 2000, tuổi trung vị của Hoa Kỳ đã tăng vọt lên 35. Tuổi trung vị gần 39 cho thấy, Hoa Kỳ đang có dân số già quá nhanh. Trong tương lai, điều này sẽ dẫn đến những thách thức to lớn với lực lượng lao động, nền kinh tế cũng như các chương trình xã hội.

Báo The New York Times dẫn nguồn nhiều chuyên gia khẳng định nguyên nhân chính dẫn đến sự gia tăng tuổi trung vị là tỷ lệ sinh thấp. Tại Hoa Kỳ, phụ nữ thuộc thế hệ Gen Y (sinh trong khoảng năm 1981 - 1996, phần lớn hiện nay trong độ tuổi sinh đẻ) có xu hướng ưu tiên học tập và làm việc khi còn trẻ. Điều này dẫn đến việc họ kết hôn muộn hơn và có ít con hơn. Yếu tố người nhập cư cũng góp phần làm tăng tuổi trung vị. Trước đây, hầu hết người nhập cư đến Hoa Kỳ là người trong độ tuổi lao động, thường có nhiều con hơn người đã ở Hoa Kỳ từ nhiều thế hệ. Tuy nhiên, từ năm 2016, số người nhập cư vào Hoa Kỳ đã giảm, thậm chí chạm đáy trong giai đoạn đại dịch COVID-19.

(Ngọc Đức, *Vì sao dân số Mỹ già quá nhanh?*)

Câu 112: (ID: 859170) Nhận định nào sau đây phản ánh đúng về tuổi trung vị của dân số Hoa Kỳ?

A. Tuổi trung vị đạt mức kỷ lục tính đến năm 2022 phản ánh Hoa Kỳ có cơ cấu dân số già.

B. Tuổi trung vị năm 2022 cho thấy số dân dưới 38,9 tuổi nhiều hơn số dân trên tuổi này.

C. Tuổi trung vị năm 2000 có xu hướng giảm so với năm 1980.

D. Tuổi trung vị chia dân số Hoa Kỳ thành hai nhóm với số lượng bằng nhau.

Câu 113: (ID: 859171) Nhận định nào sau đây **không** phải là thách thức đối với Hoa Kỳ khi tuổi trung vị ngày càng
gia tăng?

A. Sự suy giảm số người trong độ tuổi lao động.

B. Sự già hóa dân số đang diễn ra.

C. Sự gia tăng chi phí an sinh xã hội.

D. Sự mất cân bằng về giới tính khi sinh.

Câu 114: (ID: 859172) Yếu tố nào sau đây có ảnh hưởng sâu sắc đến sự gia tăng tuổi trung vị ở Hoa Kỳ?

A. Sự ưu tiên học tập và làm việc của phụ nữ thế hệ Gen Y dẫn đến kết hôn muộn và có ít con hơn.

B. Tỷ lệ sinh giảm ở phụ nữ trước thế hệ Gen Y khiến cho dân số trẻ giảm dần.

C. Sự gia tăng của các dịch vụ y tế giúp kéo dài tuổi thọ của người dân.

D. Mức độ di cư từ các quốc gia phát triển vào Hoa Kỳ ngày càng tăng.

ID: (859114) Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 115 đến 117

Văn hóa Tây Âu thế kỷ V - X dựa trên nền tảng nền kinh tế tự cung tự cấp, sự giao lưu trao đổi rất hạn chế, văn hóa vì vậy cũng phát triển không đáng kể. Tới thế kỷ XIV, với sự phát triển kinh tế công thương ở các thành thị, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dần dần hình thành và ngày càng lớn mạnh. Các nhà tư tưởng của giai cấp tư sản không còn chịu chấp nhận những giáo lí phong kiến lỗi thời, họ vận động khôi phục lại sự huy hoàng của văn hóa Tây Âu thời cổ đại. Họ tìm thấy trong nền văn hóa cổ đại những yếu tố phù hợp với mình, có lợi cho mình để đấu tranh chống lại những trói buộc của nền văn hóa trung cổ. Phong trào Văn hóa Phục hưng xuất hiện đầu tiên ở Ý, vì ở đây thế kỷ XIV đã xuất hiện các thành thị tự do như những quốc gia nhỏ. Quan hệ sản xuất tư bản đã chiếm địa vị chi phối đời sống văn hóa. Ý lại là trung tâm của đế quốc Rôma cổ đại, vì vậy ở đây còn giữ lại nhiều di sản văn hóa cổ đại của Hy Lạp - Rôma. Hơn ai hết, các nhà văn hóa Ý có điều kiện khôi phục lại nền văn hóa trước tiên khi có điều kiện. Từ Ý, phong trào lan sang Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Đức...

(Vũ Dương Ninh, Lịch sử văn minh thế giới)

Câu 115: (ID: 859115) Phong trào Văn hóa Phục hưng ở Tây Âu thời trung đại ra đời trong bối cảnh nào?

A. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa hình thành ở các nước Tây Âu.

B. Các chính quyền phong kiến tìm cách đổi mới về văn hóa, tư tưởng.

C. Những thành tựu văn hóa Hy Lạp - Rôma cổ đại được đề cao.

D. Giai cấp tư sản đã nắm chính quyền ở hầu hết các nước châu Âu.

Câu 116: (ID: 859116) Phong trào Văn hóa Phục hưng do giai cấp nào lãnh đạo?

A. Tư sản. **B.** Vô sản. **C.** Quý tộc. **D.** Tăng lữ.

Câu 117: (ID: 859117) Vì sao phong trào Văn hóa Phục hưng ở châu Âu vừa mang tính "kế thừa" vừa mang tính "cách mạng"?

A. Vì nó khôi phục toàn bộ văn hóa Hy Lạp - Rôma cổ đại, phát triển lên một tầm cao mới.

B. Vì nó kế thừa tinh hoa văn hóa Hy Lạp - Rôma cổ đại, phát triển lên một tầm cao mới.

C. Vì nó khôi phục toàn bộ văn hóa thế giới cổ đại, phát triển lên một tầm cao mới.

D. Vì nó kế thừa tinh hoa văn hóa thế giới cổ đại, phát triển lên một tầm cao mới.

ID: (859627) Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 118 đến 120

An và Khang quyết định khởi nghiệp với ý tưởng mở một cửa hàng bánh ngọt kết hợp quán cà phê. Sau khi lên ý tưởng, họ đã thiết kế thực đơn bao gồm nhiều loại bánh ngọt và đồ uống đa dạng, với giá cả phù hợp cho nhóm khách hàng mục tiêu là giới trẻ. Trong quá trình chuẩn bị, An đảm nhận việc quảng bá và tuyển dụng nhân sự, trong khi Khang lo phần tài chính và quản lý nguồn nguyên liệu. Họ dự định sử dụng bao bì và vật dụng thân thiện với môi trường như túi giấy và ống hút trẻ như là một hành động bảo vệ môi trường. Với niềm tin vào ý tưởng độc đáo và lượng khách hàng tiềm năng, An và Khang tin rằng họ sẽ dễ dàng nhận được nguồn vốn vay từ ngân hàng để thực hiện hoạt động kinh doanh.

Câu 118: (ID: 859628) Việc sử dụng túi giấy và ống hút trẻ là biểu hiện của trách nhiệm xã hội nào?

A. Trách nhiệm pháp lý. **B.** Trách nhiệm đạo đức. **C.** Trách nhiệm kinh tế. **D.** Trách nhiệm nhân văn.

Câu 119: (ID: 859629) Yếu tố nào quan trọng nhất để ngân hàng đồng ý cấp tín dụng cho dự án khởi nghiệp của An và Khang?

A. Ý tưởng kinh doanh độc đáo sẽ thu hút sự quan tâm của ngân hàng.

B. Quy mỗ cửa hàng và số lượng khách tiềm năng.

C. Kế hoạch kinh doanh chi tiết khả thi, đáp ứng các yêu cầu của ngân hàng.

D. Quan hệ đối tác uy tín giúp tăng độ tin cậy của dự án.

Câu 120: (ID: 859630) Theo tình huống trên, bước nào trong quá trình lập kế hoạch kinh doanh đã được An và Khang thực hiện?

A. Xác định mục tiêu và chiến lược kinh doanh.

B. Đánh giá cơ hội, rủi ro và biện pháp xử lý kinh doanh.

C. Phân tích điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh.

D. Tóm tắt tổng kết kế hoạch kinh doanh.

-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

1. D	2. B	3. D	4. B	5. D	6. B	7. D	8. A	9. C	10. B
11. A	12. C	13. A	14. B	15. C	16. D	17. B	18. A	19. C	20. D
21. D	22. A	23. B	24. B	25. D	26. A	27. C	28. C	29. D	30. C
31. C	32. B	33. A	34. D	35. B	36. C	37. B	38. C	39. A	40. B
41. C	42. D	43. A	44. C	45. B	46. A	47. C	48. C	49. B	50. C
51. A	52. B	53. B	54. D	55. B	56. D	57. A	58. C	59. A	60. C
61. B	62. C	63. B	64. D	65. A	66. A	67. A	68. C	69. A	70. B
71. B	72. D	73. A	74. C	75. B	76. C	77. B	78. A	79. B	80. D
81. D	82. A	83. C	84. B	85. A	86. D	87. C	88. B	89. A	90. C
91. B	92. D	93. C	94. C	95. C	96. A	97. C	98. C	99. B	100. C
101. C	102. A	103. C	104. D	105. D	106. A	107. A	108. A	109. D	110. C
111. A	112. D	113. D	114. A	115. A	116. A	117. B	118. B	119. C	120. A

I PHẦN 1: SỬ DỤNG NGÔN NGỮ

1.1. TIẾNG VIỆT

Câu 1 (TH):

Phương pháp:

Căn cứ vào kiến thức về hệ thống vai diễn trong chèo truyền thống (đào – kép – lão – hề).

Kết hợp phân tích lời thoại, hành động nhân vật và phương pháp loại trừ.

Cách giải:

- Trong chèo, "đào thương" là kiểu vai nữ chính diện, giàu đức hi sinh, nết na, thủy chung, chịu thương chịu khó, đặt đạo nghĩa – chữ hiếu, chữ tiết lên hàng đầu.

- Đoạn thoại cho thấy Thị Phương:

+ Lo cho mẹ chồng: "Con xin dắt mẹ vào ngay trong rừng".

+ Lo giữ đạo vợ chồng, đạo tào khang: "Kẻo… gặp gian hùng, lỗi đạo tào khang."

+ Giằng xé đạo hiếu – đạo phu thê, nhưng vẫn ý thức trách nhiệm: "Trước là thất tiết cùng chàng / Sau con bỏ mẹ giữa đàng ai nuôi".

→ Toàn bộ lời nói thể hiện đức hạnh, nghĩa tình, lo tròn đạo, đúng mẫu đào thương.

- Phân tích đáp án sai:

+ A. Kép: "kép" là vai nam (kép chính, kép lệch…), không phù hợp vì Thị Phương là nhân vật nữ.

+ B. Lão: "lão" là vai già (thường là nam/già), không đúng với nhân vật Thị Phương.

+ C. Đào lẳng: "đào lẳng" thường là kiểu vai nữ lẳng lơ, tinh quái, gây cười hoặc trào lộng, lời lẽ/ứng xử thiên về đùa cợt, mưu mẹo. Đoạn trích lại mang giọng nghiêm trang, lo hiếu – tiết, không có nét "lẳng".

Đáp án: D

Câu 2 (TH):

Phương pháp:

Căn cứ vào kiến thức về mô típ tiêu biểu của các thể loại văn học dân gian.

Kết hợp so sánh đặc trưng thể loại và phương pháp loại trừ.

Cách giải:

- Mô típ "bị cướp vợ và chiến đấu giành lại vợ" là mô típ rất tiêu biểu của sử thi: gắn với xung đột cộng đồng, chiến công của người anh hùng, thường kéo theo giao tranh/báo thù/giành lại danh dự.

- Sử thi dân gian Việt Nam (đặc biệt vùng Tây Nguyên) hay xây dựng kiểu cốt truyện: anh hùng – biến cố mất vợ – tập hợp lực lượng – giao chiến – chiến thắng – khôi phục trật tự.

→ Vì mô típ này gắn với chất anh hùng ca và chiến trận, phù hợp nhất là sử thi.

- Phân tích đáp án sai:

+ A. Thần thoại: chủ yếu kể về thần linh, nguồn gốc vũ trụ, loài người, sự vật, không lấy "cướp vợ – đánh giành lại vợ" làm trục cốt lõi phổ biến.

+ C. Tuồng, chèo: có thể có chuyện tình – biến cố, nhưng "cướp vợ rồi giao chiến giành lại" không phải mô típ phổ biến, điển hình nhất của tuồng/chèo (tuồng/chèo thiên về kiểu xung đột đạo lí – xã hội, kết cấu ước lệ sân khấu).

+ D. Truyện thơ: thường nổi bật mô típ tình duyên trắc trở, gia biến, lưu lạc, đoàn viên, nhưng mô típ "cướp vợ và chiến đấu giành lại vợ" không mang tính phổ biến – đặc trưng bằng sử thi.

Đáp án: B

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

Căn cứ vào đặc điểm ngôn ngữ lời nhân vật trong văn xuôi trung đại.

Kết hợp phân tích từ ngữ, điển tích, biện pháp tu từ và loại trừ phương án không phù hợp.

Cách giải:

- Lời thoại của hai nàng trong đoạn trích dùng phong cách văn ngôn/điển nhã, nhiều từ ngữ trang trọng, khuôn phép: "thân bồ vóc liễu", "cáng đáng việc tần tảo", "ngôi chủ phụ", "nền nếp trâm anh", "Tống Tử, Tề Khương", "vấn vương, quyến luyến, hương thổ, tính kế tìm hoa"

→ Đây rõ ràng không phải lời ăn tiếng nói thường ngày, mà là lối nói ước lệ, kiểu cách, bác học.

- Phân tích đáp án sai:

+ A đúng: "chuộng ngôn từ hoa mỹ" thể hiện qua các cụm như "thân bồ vóc liễu", "tình cũ vấn vương…", "tìm hoa"… rất trau chuốt.

+ B đúng: có điển tích/điển cố: "Tống Tử, Tề Khương" (gợi mẫu mực phụ nữ khuê các, nền nếp).

+ C đúng: có hình ảnh so sánh/ẩn dụ: "thân bồ vóc liễu" (gợi dáng vẻ mảnh mai), "tìm hoa" (ẩn dụ chuyện tình duyên/duyên mới).

Đáp án: D

Câu 4 (NB):

Phương pháp:

Căn cứ vào hình tượng nghệ thuật và điển cố trong thơ trung đại.

Kết hợp phân tích cảm hứng chủ đạo của bài thơ và phương pháp đối chiếu đáp án.

Cách giải:

- Bài thơ lấy tiếng chim cuốc gắn với điển cố Thục đế (Đỗ Quyên): tiếng kêu bi thiết thường gợi nỗi "quốc" (nước) – nhớ nước. Các câu hỏi tu từ trong bài xoáy vào "xuân" nhưng kết lại nghiêng về "nước":

"Có phải tiếc xuân mà đứng gọi, / Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ?"

→ "nhớ nước" được đặt trực diện như một khả năng cắt nghĩa tiếng kêu.

- Không khí "máu chảy", "hồn tan", "đêm hè vắng", "giục khách giang hồ dạ ngẩn ngơ" tạo sắc thái đau nước, buồn thời thế, gắn tâm thế nhà nho trước cảnh mất nước/đổi thay.

→ Vì vậy nỗi niềm chủ đạo là thương tiếc, đau xót vì nước mất.

- Phân tích các đáp án sai:

+ A sai: bài có nhắc "tiếc xuân", nhưng "tiếc xuân" chỉ là một hướng gợi, không phải nỗi niềm trội nhất; trọng tâm được đẩy sang "nhớ nước".

+ C sai: bài dùng hình ảnh "máu chảy", "hồn tan" để tăng bi thiết, nhưng không trực tiếp nói đến máu xương người yêu nước như một đối tượng cụ thể; trục cảm xúc là nỗi nước.

+ D sai: "nước bị chia cắt" là nội dung lịch sử cụ thể; bài không nêu dấu hiệu của chia cắt, mà thiên về mất nước/nhớ nước.

Đáp án: B

Câu 5 (NB):

Phương pháp:

Căn cứ vào nghĩa của từ ngữ ước lệ trong Truyện Kiều.

Kết hợp giải thích từ cổ theo văn cảnh và phương pháp loại trừ.

Cách giải:

- "Hồng quân" trong văn cảnh Truyện Kiều thường chỉ ông Trời/đấng tạo hóa (quyền lực vô hình xoay vần số phận): "Hồng quân" = "ông trời đỏ" (cách gọi ước lệ).

- "Hồng quần" nghĩa là váy đỏ, hoán dụ chỉ phụ nữ/con gái, đặc biệt là người đẹp (phái nữ).

Hai câu: "Hồng quân với khách hồng quần / Đã xoay đến thế, còn vần chưa tha"

→ Nghĩa là: Trời đối với người con gái đã "xoay vần" đến vậy mà vẫn chưa buông tha.

- Phân tích đáp án sai:

+ A sai: "hồng quân" không phải "người lính trong quân đội"; đó là hiểu theo nghĩa đen "quân" = quân đội, không hợp văn cảnh thơ cổ và cách dùng của Nguyễn Du.

+ B sai: "hồng quân" không phải "vị vua anh minh", và "hồng quần" cũng không phải "tì thiếp đẹp" theo nghĩa hẹp; cách dùng ở đây là ước lệ Trời – người phụ nữ.

+ C sai: "hồng quần" không phải chỉ riêng "ca kĩ"; nó chỉ phái nữ/người con gái nói chung. Văn cảnh cũng không giới hạn Kiều ở danh xưng "ca kĩ" tại điểm nhấn này, mà nhấn vào phận đàn bà trước "hồng quân".

Đáp án: D

Câu 6 (NB):

Phương pháp:

Căn cứ vào miêu tả hành động và dòng ý nghĩ của nhân vật trong đoạn trích.

Kết hợp phân tích hành động – mục đích – ý nghĩa và loại trừ phương án phụ.

Cách giải:

- Hành động được miêu tả rất rõ mục đích: "phải bắt nó vào thật sâu giữa rừng thẳm, để không còn lối nào trở lại với lão". Lão chủ động xua đuổi, kiên quyết đẩy con vật đi xa để cắt đứt khả năng quay về, từ đó không phải bán nó.

- Ý nghĩ tiếp theo của lão càng khẳng định điều này: "đã giải thoát cho nó, trả lại cho nó cuộc đời tự do"

→ Hành động mang ý nghĩa giải phóng, không phải bột phát hay do mệt mỏi.

- Phân tích đáp án sai:

+ A sai: "mệt nhoài" chỉ là trạng thái thể lực, không phải ý nghĩa tư tưởng của hành động.

+ C sai: mong vợ cảm thông là hệ quả tâm lý sau hành động, không phải nội dung cốt lõi của việc xua đuổi.

+ D sai: đoạn trích nhấn vào quyết định giải thoát con vật, không đi sâu vào tự dằn vặt nội tâm.

Đáp án: B

Câu 7 (TH):

Phương pháp:

Căn cứ vào ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh thơ trong thơ hiện đại.

Kết hợp phân tích ngữ cảnh biểu đạt và loại trừ nghĩa không được gợi ra.

Cách giải:

- "Ánh sáng đèn dầu" gắn với: gia đình – ông bà – mẹ, thuở sinh ra, biết buồn, biết yêu, biết khóc → Đây là ánh sáng nuôi dưỡng cảm xúc, ký ức, không gian ấu thơ và gia đình, không gợi trực tiếp đau thương hay mất mát lịch sử.

- Phân tích đáp án sai:

+ A đúng: gắn với "thuở tôi vừa sinh ra" → không gian ấu thơ.

+ B đúng: "ông bà – mẹ" → không gian gia đình.

+ C đúng: hồi tưởng, ký ức cá nhân → không gian thời gian ký ức.

Đáp án: D

Câu 8 (TH):

Phương pháp:

Căn cứ vào lời thoại và thái độ giao tiếp của nhân vật trong đoạn hội thoại.

Kết hợp phân tích ngôn ngữ đối thoại và xác định tính cách nhân vật.

Cách giải:

- Có tài: "thời kỳ chốt chặn ở biên giới, cậu là một tay súng tốt?"

→ Trung tá Nam thừa nhận năng lực của Lãm.

- Ngang tàng: Trả lời lửng lơ, mỉa nhẹ: "nếu gọi như thế là phẩm chất". Vừa nói "chân thành", vừa không thực sự phục tùng khuôn phép giao tiếp → Thể hiện cá tính bướng bỉnh, lì lợm, không thuần phục quyền uy.

- Phân tích đáp án sai:

+ B sai: Lãm không bất tài, vì từng là "tay súng tốt".

+ C sai: Lãm không khiêm cung; thái độ đối thoại thể hiện sự ngang tàng, không nhún nhường.

+ D sai: Không có căn cứ nào cho thấy Lãm "bất tài".

Đáp án: A

Câu 9 (TH):

Phương pháp:

Căn cứ vào lời đối thoại xung đột giữa các nhân vật trong kịch.

Kết hợp phân tích quan niệm về "kẻ sĩ" và phương pháp so sánh đáp án.

Cách giải:

- Vũ Như Tô "trọng danh dự" hơn là "coi thường vương quyền". Vũ Như Tô không hề run sợ trước cái chết hay uy quyền của nhà vua. Ông tự phụ về tài năng của mình và đòi hỏi sự tôn trọng ("Kính sĩ mới đắc sĩ"). Đối với ông, danh dự của một người nghệ sĩ có tài cao hơn cả sự sống.

- Phương án C: Vũ Như Tô vẫn giữ lễ nghi quân thần (xưng tiện nhân, gọi hoàng thượng), ông không hẳn coi thường vương quyền mà chỉ đang khẳng định giá trị của người nghệ sĩ trước vương quyền.

Đáp án: D.

Câu 10 (TH):

Phương pháp:

Căn cứ vào đặc điểm của văn bản phi hư cấu (nhân vật thật, sự kiện thật).

Kết hợp nhận diện yếu tố tư liệu – lịch sử và phương pháp loại trừ.

Cách giải:

- Đoạn trích sử dụng:

+ Nhân vật có thật (Lê Thị Nhị)

+ Mốc thời gian cụ thể (1967, 1975)

+ Sự kiện lịch sử có thật (Thanh niên xung phong, chiến tranh)

+ Liên hệ với tác phẩm có thật của Phạm Tiến Duật

→ Đây là văn bản ghi chép – tái hiện hiện thực, không sáng tạo cốt truyện hư cấu.

- Phân tích đáp án sai:

+ A sai: không dựng nhân vật hay sự kiện tưởng tượng.

+ C sai: không phải tự truyện vì người kể không kể về chính mình.

+ D sai: không phải tự thuật cá nhân, mà là ghi chép về một nhân vật khác.

Đáp án: B

Câu 11 (TH):

Phương pháp:

Căn cứ vào đặc điểm phong cách thơ Hồ Chí Minh trong Nhật ký trong tù.

Kết hợp phân tích mối quan hệ giữa cảnh và triết lý nhân sinh.

Cách giải:

- Bài thơ miêu tả sự chuyển biến của tự nhiên: mưa → nắng, đất trời → sông núi → hoa lá → chim muông.

- Nhưng đích đến của bài thơ không dừng ở cảnh vật mà hướng tới con người và đời sống tinh thần:

"Nhân hòa vạn vật đô hưng phấn,

Khổ tận cam lai, lý tự nhiên"

- Thiên nhiên được dùng như ẩn dụ cho quy luật đời người: khổ đau rồi sẽ qua, niềm vui sẽ đến.

→ Đây là đặc điểm quen thuộc trong phong cách Hồ Chí Minh: mượn cảnh nói tình – mượn thiên nhiên để gửi gắm triết lý sống và tinh thần lạc quan.

- Phân tích đáp án sai:

+ B sai: bài thơ không thể hiện tư tưởng phương Tây mà mang đậm triết lý phương Đông (tuần hoàn, nhân hòa).

+ C sai: cảnh vật không thuần túy miêu tả, mà phục vụ rõ ràng cho thông điệp triết lý – nhân sinh.

+ D sai: không đề cao cái tôi cá nhân hay cá tính độc đáo, mà nhấn mạnh quy luật chung của đời sống và con người.

Đáp án: A

Câu 12 (VD):

Phương pháp:

Căn cứ vào đặc trưng thi pháp của văn học viết và văn học dân gian.

Kết hợp đối chiếu hai vế nội dung trong đoạn trích và loại trừ.

Cách giải:

- Vế thứ nhất: "đề cao sự đổi mới, sáng tạo của cá tính nghệ sĩ, tôn vinh cái riêng biệt"

→ Đặc trưng của văn học viết (tác giả cá nhân, sáng tạo độc đáo).

- Vế thứ hai: "chấp nhận cái quen thuộc, cái lặp lại… sở hữu chung của cộng đồng"

→ Đặc trưng của văn học dân gian (tính tập thể, truyền miệng, khuôn mẫu).

→ Ghép đúng là văn học viết – văn học dân gian.

- Phân tích đáp án sai:

+ A sai: văn học trung đại vẫn chịu ràng buộc mạnh bởi khuôn mẫu, không tuyệt đối đề cao "cái riêng".

+ B sai: đảo ngược bản chất hai loại hình.

+ D sai: "văn học hiện đại – văn học viết" không tạo thế đối lập hợp lý về tính cộng đồng – tính cá nhân.

Đáp án: C

Câu 13 (VD):

Phương pháp:

Căn cứ vào quy tắc chính tả tiếng Việt hiện hành.

Kết hợp so sánh hình thức chữ viết đúng – sai.

Cách giải:

- sỗ sàng: viết với sỗ (dấu ngã) – đúng.

- súc tích: viết với súc (không phải "xúc") – đúng.

- trau chuốt: trau (mài giũa), chuốt – đúng chính tả.

Đáp án: A

Câu 14 (VD):

Phương pháp:

Căn cứ vào chuẩn chính tả và nghĩa của từ trong tiếng Việt.

Kết hợp phân tích từng lỗi sai cụ thể để loại trừ.

Cách giải:

- xào xạc là từ tượng thanh đúng chính tả, dùng để chỉ tiếng lá cây va vào nhau trong gió. → Câu viết đúng từ – đúng nghĩa – đúng chính tả.

- Phân tích đáp án sai:

+ A sai: khắc khe → đúng phải là khắt khe.

+ C sai: dành giật → đúng phải là giành giật.

+ D sai: chuẩn đoán → đúng phải là chẩn đoán.

Đáp án: B

Câu 15 (VD):

Phương pháp:

Căn cứ vào nghĩa của từ theo văn cảnh sử dụng.

Kết hợp giải thích sắc thái nghĩa và loại trừ các cách hiểu lệch nghĩa.

Cách giải:

- "Vô hình trung" dùng để chỉ kết quả xảy ra ngoài ý muốn, không chủ ý của người nói/hành động.

- Trong câu: "vô hình trung, tôi bị những người đứng quanh đó hiểu lầm"

→ Người nói không cố ý, nhưng hậu quả vẫn xảy ra.

- Phân tích đáp án sai:

+ A sai: nói về thiếu ý thức cảm xúc người khác, không đúng nghĩa chuẩn.

+ B sai: "có chủ ý" → trái hoàn toàn với "vô hình trung".

+ D sai: diễn giải lan man, không phản ánh đúng sắc thái không chủ định.

Đáp án: C

Câu 16 (VD):

Phương pháp:

Căn cứ vào giá trị ngữ nghĩa của từ "mỗi" trong từng ngữ cảnh.

Kết hợp phân tích chức năng nhấn mạnh – phân phối và loại trừ.

Cách giải:

- Trong câu D: "chỉ nhìn thấy có mỗi một màu đen", từ "mỗi" đi kèm cấu trúc "có mỗi (một)" là cách nói nhấn mạnh số lượng rất ít (chỉ có đúng một, không có gì khác).

- Cụm "có mỗi một" còn kết hợp với "chỉ" làm sắc thái giới hạn – ít ỏi càng rõ.

- Phân tích đáp án đúng:

+ A sai: "mỗi năm một lớp rồi mỗi môn một thầy" → "mỗi" dùng để phân phối theo từng đơn vị (năm/môn), không nhằm nhấn "ít".

+ B sai: "mỗi người…" lặp lại để nhấn tính phân tán, ai nấy (phân phối chủ thể), không phải số lượng ít.

+ C sai: "mỗi một đường bơi…" → "mỗi" là phân phối theo từng đường bơi trong một tập hợp, không nhấn ít.

Đáp án: D

Câu 17 (NB):

Phương pháp:

Căn cứ vào kiến thức về liên kết câu trong đoạn văn.

Kết hợp phân tích từ ngữ liên kết bị lặp ý để xác định lỗi.

Cách giải:

- Câu: "... sẽ giúp..., ...; bởi vậy do đó, mỗi người..."

- "bởi vậy" và "do đó" đều là từ/cụm từ liên kết chỉ kết quả. Dùng liền nhau tạo lặp ý, rườm và sai phép liên kết (thừa liên từ).

→ Chỉ cần dùng một trong hai: "bởi vậy, …" hoặc "do đó, …".

- Phân tích đáp án sai:

+ A sai: câu có đủ vị ngữ chính ("sẽ giúp…", "mỗi người cần…").

+ C sai: câu có chủ ngữ rõ ("Sống có nghị lực mạnh mẽ…", "mỗi người…").

+ D sai: không có dấu hiệu dùng từ sai từ loại; lỗi nổi bật nằm ở liên kết.

Đáp án: B

Câu 18 (VD):

Phương pháp:

Căn cứ vào cấu trúc cú pháp chuẩn của câu tiếng Việt.

Kết hợp xác định chủ ngữ – vị ngữ và chỉnh sửa theo hướng giữ nghĩa gốc.

Cách giải:

- Câu sai ban đầu: "Nhờ kinh nghiệm… của Minh đã gây ấn tượng tốt…"

→ Sai vì không có chủ ngữ vị ngữ.

- Câu A sửa đúng:

+ Nhờ kinh nghiệm…: Trạng ngữ.

+ Minh: Chủ ngữ.

+ đã gây ấn tượng tốt…: Vị ngữ.

- Phân tích đáp án sai:

B sai: "nhờ kinh nghiệm… của Minh đã gây ấn tượng" vẫn giữ lỗi.

+ C sai: đổi chủ thể sang "hội đồng…" làm lệch ý: "Nhờ kinh nghiệm…, hội đồng có ấn tượng…" → quan hệ "nhờ" không tự nhiên (nguyên nhân thuộc về Minh, nhưng trạng ngữ câu lại là hội đồng).

+ D sai: nội dung chuyển trọng tâm sang "ấn tượng tốt về kinh nghiệm" và "từ lúc…"; tuy có thể đúng logic, nhưng không sửa trực diện lỗi chính theo hướng giữ nghĩa gốc "Minh gây ấn tượng".

Đáp án: A

Câu 19 (VD):

Phương pháp:

Căn cứ vào đặc trưng của phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.

Kết hợp phân tích giọng điệu và cách diễn đạt gần khẩu ngữ.

Cách giải:

- Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt đặc trưng bởi: tính tự nhiên, khẩu ngữ, gần lời nói hằng ngày, có thể có cách diễn đạt thân mật, đời thường.

"Xem lại… thì thấy cơ bản… vẫn đúng" → Giọng điệu trao đổi trực tiếp, cách nói đời thường ("xem lại… thì thấy…", "cơ bản"), gần khẩu ngữ → đúng phong cách sinh hoạt.

- Phân tích đáp án sai:

+ A sai: giọng trang trọng, dùng trong văn bản nghị luận/chính luận ("Về công tác…, nhấn mạnh…").

+ B sai: phong cách khoa học/tra cứu (dẫn "Từ điển tiếng Việt giải nghĩa…").

+ D sai: phong cách báo chí/nghị luận xã hội, khái quát ("Trong xã hội hiện đại…, kênh truyền thông hữu hiệu…").

Đáp án: C

Câu 20 (VD):

Phương pháp:

Căn cứ vào vai trò của thành phần chêm xen trong thơ.

Kết hợp phân tích hiệu quả biểu đạt và giọng điệu sinh hoạt.

Cách giải:

- Cụm chêm xen: "(Tuy con, má chẳng sinh / Con vẫn quen gọi má)" là phần bổ sung giải thích quan hệ xưng hô "má – con".

- Viết chêm xen tạo cảm giác như lời nói chen vào khi kể, rất hợp giọng thơ mang màu sắc sinh hoạt, thân mật; đồng thời giúp người đọc hiểu hoàn cảnh mà không làm nặng câu.

- Phân tích đáp án sai:

+ A sai: chêm xen không nhằm "làm gián đoạn" như một dụng ý chính; nó là gián đoạn có chức năng bổ sung, không phá mạch.

+ B sai: có góp phần gợi mối quan hệ má–con, nhưng mục đích trực tiếp là thêm thông tin giải thích để câu chuyện tự nhiên hơn.

+ C sai: không nhằm nêu triết lý nhân văn; nội dung chêm xen là thuyết minh/giải thích nhẹ về cách gọi.

Đáp án: D

Câu 21 (TH):

Phương pháp:

Căn cứ vào cách tổ chức thông tin trong đoạn văn thuyết minh.

Kết hợp nhận diện kiểu trình bày và phương pháp loại trừ.

Cách giải:

- Đoạn (2) trình bày nhiều cách lý giải khác nhau về tên gọi kênh Tàu Hủ:

+ Lý giải thứ nhất: xuất phát từ "tàu khậu" (nhà gạch – ngữ âm Triều Châu).

+ Lý giải thứ hai: xuất phát từ hình dáng dòng kênh (thắt như cổ hũ).

+ Các cách lý giải được đặt song song, không cái nào phủ định cái nào, không có trình tự trước–sau hay quan hệ nguyên nhân–kết quả.

→ Đây là cách liệt kê các đối tượng/thuyết giải thích cho cùng một vấn đề.

- Phân tích đáp án sai:

+ A sai: không sắp xếp theo tiến trình thời gian (không có mốc trước–sau).

+ B sai: không miêu tả theo không gian (trên–dưới, gần–xa).

+ C sai: không lập quan hệ nhân → quả, mà chỉ đưa ra những cách giải thích khác nhau.

Đáp án: D

Câu 22 (TH):

Phương pháp:

Căn cứ vào chi tiết tiêu biểu được liệt kê trong đoạn văn.

Kết hợp xác định vai trò của chi tiết đối với nội dung chung.

Cách giải:

- Đoạn (3) liệt kê các cơ sở hạ tầng quan trọng: "kho, vựa - chành" (nơi lưu trữ, tập kết, trung chuyển hàng hóa) và "nhà máy xay lúa Phong Thạnh" (nơi chế biến nông sản). Thực chất mục đích của tác giả khi liệt kê các địa danh này là để chứng minh cho sự "cực thịnh trong buôn bán và xuất khẩu lúa gạo" (đã nêu ở đoạn 1).
- Việc nhắc đến các kho bãi quy mô lớn và nhà máy công suất cao nhằm minh chứng cho sự phát triển mạnh mẽ của các hoạt động giao thương, lưu thông và chế biến hàng hóa. Tất cả các hoạt động này đều thuộc phạm trù "kinh tế". Do đó, chi tiết này giúp người đọc hình dung rõ nét về diện mạo một trung tâm kinh tế sầm uất tại bến Bình Đông xưa.

+ Buôn bán = Thương mại.

+ Nhà máy = Sản xuất.

+ Kho bãi = Dịch vụ hậu cần.

- Phương án A (Sản xuất) chỉ đúng với nhà máy xay lúa, không bao quát được vai trò của kho, vựa vốn thuộc về thương mại/lưu thông.

Đáp án: B.

Câu 23 (TH):

Phương pháp:

Căn cứ vào từ ngữ mang sắc thái đánh giá trong đoạn văn.

Kết hợp phân tích giọng điệu và thái độ của người viết.

Cách giải:

- Đoạn (5) dùng các từ/cụm từ mang sắc thái đánh giá, cảm xúc tiêu cực:

“chỉ còn sót lại lác đác”

“cư dân gốc… lần lượt ra đi”

kiến trúc mới “phá bĩnh”

“chẳng ăn nhập gì với những căn nhà cổ kính”

→ Giọng điệu thể hiện rõ sự tiếc nuối, xót xa trước sự mai một của kiến trúc cổ.

- Phân tích đáp án sai:

+ A sai: tác giả không trung tính, mà có đánh giá (“phá bĩnh”, “chẳng ăn nhập”).

+ C sai: hoàn toàn không thích thú, ngược lại là chê trách.

+ D sai: có nhắc cư dân gốc, nhưng trọng tâm là kiến trúc, không phải nỗi nhớ con người.

Đáp án: B

Câu 24 (TH):

Phương pháp:

Đọc kĩ văn bản, suy luận tổng hợp

Cách giải:

- Xét nội dung các đoạn:

+ Đoạn (1), (2), (3) hoàn toàn nói về lịch sử, nguồn gốc tên gọi và sự sầm uất thời xưa.

+ Đoạn (4) mô tả kiến trúc đặc trưng (vốn hình thành từ quá khứ) và sự mai một ở hiện tại.

+ Đoạn (5) nói về sự biến đổi làm mất đi vẻ cổ kính.

=> Như vậy, hơn 80% dung lượng văn bản dùng để khắc họa những giá trị, đặc điểm thuộc về "bến Bình Đông xưa".

- Xét đoạn 5: Khi tác giả viết về sự "phá bĩnh" của kiến trúc hiện đại hay việc những cư dân gốc ra đi, mục đích chính không phải là để giới thiệu về bến Bình Đông hiện đại, mà là để bày tỏ sự nuối tiếc cho những đặc điểm vàng son trong quá khứ đang dần mất đi. Cái "hiện tại" ở đây đóng vai trò làm nền để làm nổi bật giá trị của "quá khứ".

- Phương án B (Nguồn gốc) chỉ là một ý nhỏ ở đoạn 2.

Đáp án: C.

Câu 25 (TH):

Phương pháp:

Căn cứ vào những tác động trực tiếp mà văn bản gợi ra cho người đọc.

Kết hợp đối chiếu từng phương án với nội dung văn bản.

Cách giải:

- Văn bản gợi nhận thức về giá trị lịch sử – văn hóa.

- Khơi dậy sự trân trọng, hoài niệm, tiếc nuối.

- Tuy nhiên, văn bản không phân tích, không bàn luận trực tiếp về: chính sách bảo tồn, khó khăn, thách thức của công tác bảo tồn văn hóa.

→ Vì vậy, D không phải là tác động trực tiếp mà văn bản mang lại.

Đáp án: D

Câu 26 (TH):

Phương pháp:

Căn cứ vào khái niệm luận điểm trong văn bản nghị luận.

Kết hợp xác định câu khái quát ý trung tâm của đoạn.

Cách giải:

"Học văn là học kinh nghiệm làm người ở đời để chính mình tự quyết lấy cuộc đời mình." → Đây là một mệnh đề khái quát, mang tính khẳng định, nêu ý kiến trung tâm của đoạn (2).

Các câu sau trong đoạn đều có vai trò giải thích, triển khai, làm rõ cho ý này (vì sao phải học văn, học văn giúp gì trong đời sống).

→ Do đó, A chính là luận điểm của đoạn.

- Phân tích đáp án sai:

+ B sai: là luận cứ (lý do) giải thích cho luận điểm A.

+ C sai: là hệ quả/biểu hiện của việc tiếp xúc với nhiều cuộc đời trong văn học.

+ D sai: là kết quả hành động sau khi tham khảo các cuộc đời trong sách vở, không phải ý khái quát trung tâm.

Đáp án: A

Câu 27 (TH):

Phương pháp:

Căn cứ vào đặc điểm của biện pháp tu từ ẩn dụ.

Kết hợp phân tích sự chuyển nghĩa từ không gian sang tư tưởng.

Cách giải:

- Cụm từ "con người một chiều kích" không dùng theo nghĩa tả thực, mà là cách gọi hình tượng: "một chiều kích" → con người bị thu hẹp đời sống tinh thần, chỉ nhìn thế giới theo một hướng, thiếu chiều sâu nhân văn. Đây là cách lấy khái niệm không gian (chiều kích) để nói về đời sống tinh thần – nhận thức của con người.

→ Đó là ẩn dụ khái niệm.

- Phân tích đáp án sai:

+ A sai: không gán đặc điểm con người cho sự vật vô tri.

+ B sai: không có yếu tố so sánh trực tiếp (không có "như, là").

+ D sai: không phóng đại mức độ sự vật, mà chuyển nghĩa để biểu đạt tư tưởng.

Đáp án: C

Câu 28 (TH):

Phương pháp:

Căn cứ vào vai trò của dẫn chứng học thuật trong lập luận.

Kết hợp xác định chức năng của việc nêu tên tác giả, học giả.

Cách giải:

- Tác giả nêu quan điểm: Học văn không phải tiếp nhận máy móc. Học văn giúp con người tránh trở thành "con người một chiều kích".

- Việc nhắc đến:

+ L. Tolstoi: đại diện cho giá trị nhân văn của văn học.

+ Herbert Marcuse: nhà tư tưởng có cảnh báo học thuật về con người hiện đại.

→ Các tên tuổi này được dùng như dẫn chứng có uy tín để làm sáng tỏ và củng cố lập luận của tác giả.

→ Đó là chức năng chứng minh.

- Phân tích đáp án sai:

+ A sai: không dùng để mở bài hay đặt vấn đề.

+ B sai: không nhằm giải thích khái niệm, mà để tăng sức thuyết phục.

+ D sai: không tranh luận hay bác bỏ ý kiến đối lập.

Đáp án: C

Câu 29 (TH):

Phương pháp:

Căn cứ vào hệ thống quan điểm xuyên suốt của tác giả trong văn bản.

Kết hợp khái quát nội dung và loại trừ nhận định sai lệch.

Cách giải:

- Tri nhận: tiếp xúc tri thức, cuộc đời trong văn học.

- Phản tư: soi chiếu tác phẩm vào chính bản thân ("học tha nhân mà cũng là học bản thân").

- Điều chỉnh – lựa chọn: tự quyết cuộc đời mình, sống trong tự do có trách nhiệm.

→ Học văn được nhìn nhận như một quá trình phát triển con người toàn diện, không chỉ tiếp thu tri thức.

→ Điều này khớp hoàn toàn với phương án D.

- Phân tích đáp án sai:

+ A sai: tác giả phân biệt rõ học văn ≠ học hóa; không đồng nhất hai cách học.

+ B sai: tác giả không phủ nhận sự lúng túng; ngược lại, xem đó là bước cần thiết để lựa chọn.

+ C sai: "con người một chiều kích" là điều cần tránh, không phải hình mẫu lý tưởng.

Đáp án: D

Câu 30 (VD):

Phương pháp:

Căn cứ vào những ý nghĩa của việc học văn được nêu trực tiếp trong văn bản.

Kết hợp đối chiếu từng phương án với nội dung đã trình bày.

Cách giải:

- Tự hiểu mình và người khác (đoạn 1, 2).

- Mở rộng đời sống tinh thần, tránh nghèo nàn nhân cách (đoạn 3).

- Hình thành ý thức tự do lựa chọn (đoạn 4).

- Không có chỗ nào xem việc học văn như: "một nghi lễ bắt buộc, đánh dấu sự trưởng thành". → Ý này hoàn toàn không xuất hiện trong văn bản.

- Phân tích đáp án sai:

+ A sai: đúng với tinh thần "học tha nhân – học bản thân".

+ B sai: phù hợp với việc mở rộng "chiều kích cuộc đời".

+ D sai: gắn trực tiếp với tư tưởng tự do của con người (Sartre).

Đáp án: C

1.2. TIẾNG ANH

Câu 31 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào thì của động từ "was – didn't start" và công thức kết hợp thì với quá khứ hoàn thành để chọn đáp án đúng.

Jane was careful. She didn't start the test until she _____ all the instructions.

(Jane rất cẩn thận. Cô ấy không bắt đầu bài kiểm tra cho đến khi cô ấy _____ tất cả các hướng dẫn.)

Cách giải:

Công thức kết hợp thì: S1 + didn't V (quá khứ đơn) + UNTIL + S2 + had Ved/V3 (quá khứ hoàn thành)

A. read (v1 – v2 – v3) => thì quá khứ đơn, sai ngữ pháp

B. reads => thì hiện tại đơn, sai ngữ pháp

C. had read => thì quá khứ hoàn thành, đúng ngữ pháp

D. had been reading => thì quá khứ hoàn thành tiếp diễn, sai ngữ pháp

Câu hoàn chỉnh: Jane was careful. She didn't start the test until she **had read** all the instructions.

*(Jane rất cẩn thận. Cô ấy không bắt đầu bài kiểm tra cho đến khi cô ấy **đọc xong** tất cả các hướng dẫn.)*

Đáp án: C

Câu 32 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào động từ "call" để chọn giới từ đúng kết hợp với nó tạo thành cụm động từ có nghĩa phù hợp với ngữ cảnh của câu.

The organizers had to call _____ the concert because of insufficient attendance.

(Ban tổ chức đã phải _____ buổi hòa nhạc vì số lượng người tham dự không đủ.)

Cách giải:

A. call on: gọi / mời ai đó phát biểu hoặc làm gì (thường trong lớp học, cuộc họp)

B. call off = cancel: huỷ bỏ

C. call out: gọi to, hét lên/ chỉ trích, phản đối công khai

D. call in: yêu cầu ai đó đến (để giúp đỡ, sửa chữa, tư vấn)/ ghé thăm trong thời gian ngắn

Câu hoàn chỉnh: The organizers had to **call off** the concert because of insufficient attendance.

*(Ban tổ chức đã phải **hủy bỏ** buổi hòa nhạc vì số lượng người tham dự không đủ.)*

Đáp án: B

Câu 33 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào danh từ không đếm được "rain" *(mưa)* và cách sử dụng của các lượng từ để chọn đáp án đúng.

Typhoon Yagi slammed Asia in August 2024 with _____ rain, causing severe flooding.

(Bão Yagi đã đổ bộ vào châu Á vào tháng 8 năm 2024 với mưa _____, gây ra lũ lụt nghiêm trọng.)

Cách giải:

A. too much (quá nhiều) + danh từ không đếm được => đúng ngữ pháp và phù hợp với ngữ cảnh

B. too many (quá nhiều) + danh từ số nhiều => sai ngữ pháp

C. plentiful of (adj) => sai ngữ pháp vì sau giới từ "with" phải là cụm danh từ

D. a large number of (một số lượng lớn) + danh từ số nhiều => sai ngữ pháp

Câu hoàn chỉnh: Typhoon Yagi slammed Asia in August 2024 with **too much** rain, causing severe flooding.

*(Bão Yagi đã đổ bộ vào châu Á vào tháng 8 năm 2024 với lượng mưa **quá nhiều**, gây ra lũ lụt nghiêm trọng.)*

Đáp án: A

Câu 34 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào "than", động từ "is" và công thức so sánh với tính từ ngắn "cold" để chọn đáp án đúng.

The weather today is _____ than yesterday, so you should wear a jacket if you go out.

(Thời tiết hôm nay _____ hôm qua, vì vậy bạn nên mặc áo khoác nếu ra ngoài.)

Cách giải:

Cấu trúc so sánh hơn với tính từ ngắn: S1 + be + adj-ER + THAN + S2.

A. cold (adj): lạnh => sai ngữ pháp

B. much cold => sai ngữ pháp

C. more cold => sai ngữ pháp

D. colder (adj-er): lạnh hơn => đúng ngữ pháp

Câu hoàn chỉnh: The weather today is **colder** than yesterday, so you should wear a jacket if you go out.

*(Thời tiết hôm nay **lạnh hơn** hôm qua, vì vậy bạn nên mặc áo khoác nếu ra ngoài.)*

Đáp án: D

Câu 35 (TH):

Phương pháp:

Trước danh từ "teachers" *(những giáo viên)* và dấu hiệu so sánh hơn với tính từ dài "more" => chỗ trống phải là một tính từ dài.

We need more _____ teachers to improve the quality of education.

(Chúng ta cần thêm nhiều giáo viên _____ để nâng cao chất lượng giáo dục.)

Cách giải:

A. qualify (v): có đủ điều kiện => sai ngữ pháp

B. qualified (adj): có năng lực/ đủ điều kiện => đúng ngữ pháp

C. qualifying (V-ing) => sai ngữ pháp

D. qualification (n): trình độ chuyên môn => => sai ngữ pháp

Câu hoàn chỉnh: We need more **qualified** teachers to improve the quality of education.

*(Chúng ta cần thêm nhiều giáo viên **đủ điều kiện** để nâng cao chất lượng giáo dục.)*

Đáp án: B

Câu 36 (NB):

Phương pháp:

Xác định chủ ngữ chính và động từ chính của câu, dựa vào kiến thức sự hoà hợp giữa chủ ngữ và động từ để chọn đáp án đúng.

Cách giải:

Mathematics, which many students believe is too difficult, actually require logical thinking rather than memorization.

A. which: đại từ quan hệ thay cho danh từ chỉ vật => đúng ngữ pháp

B. is: động từ số ít theo sau chủ ngữ số ít (cả mệnh đề "which") => đúng ngữ pháp

C. require (v): yêu cầu => sai ngữ pháp vì chủ ngữ "Mathematics" *(môn Toán)* số ít phải chia động từ "requires"

D. rather than: hơn là/ thay vì => đúng ngữ pháp

Câu hoàn chỉnh: Mathematics, which many students believe is too difficult, actually **requires** logical thinking rather than memorization.

*(Môn toán, mà nhiều học sinh cho là quá khó, thực chất **đòi hỏi** tư duy logic hơn là học thuộc lòng.)*

Đáp án: C

Câu 37 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào cách sử dụng của các đại từ quan hệ để chọn đáp án đúng.

Cách giải:

Quy tắc: Khi danh từ xác định (tên riêng) sử dụng mệnh đề quan hệ không xác định, trước đại từ quan hệ "which" phải có dấu phẩy.

My class visited the museum in Paris which is famous for its collection of ancient paintings.

A. the + danh từ xác định => the museum in Paris (bảo tàng ở Paris), đúng ngữ pháp

B. which => sai ngữ pháp, trước nó cần thêm dấu phẩy

C. for => đúng ngữ pháp: famous for + N

D. collection (n): bộ sưu tầm => đúng ngữ pháp vì sau tính từ sở hữu "its" là danh từ

Câu hoàn chỉnh: My class visited the museum in Paris**, which** is famous for its collection of ancient paintings.

(Lớp tôi đã đến thăm bảo tàng ở Paris, nơi nổi tiếng với bộ sưu tập tranh cổ.)

Đáp án: B

Câu 38 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào quy tắc thành lập hình thức sở hữu với danh từ số ít và số nhiều để tìm ra lỗi sai.

Cách giải:

Quy tắc thành lập hình thức sở hữu:

Danh từ số ít + 's => student's ability

Danh từ số nhiều + ' => students' ability

Ms. Brown is worried about her students's ability to pass the coming graduation exams.

A. is => đúng ngữ pháp vì chủ ngữ "Ms Brown" số ít

B. about => đúng ngữ pháp vì cụm "be worried about"

C. students's ability => sai ngữ pháp vì danh từ "students" số nhiều cần sửa thành **students'**

D. coming (adj): sắp tới => đúng ngữ pháp vì đứng trước cụm danh từ "graduation exams".

Câu hoàn chỉnh: Ms. Brown is worried about her **students' ability** to pass the coming graduation exams.

(Cô Brown lo lắng về khả năng vượt qua kỳ thi tốt nghiệp sắp tới của các học sinh.)

Đáp án: C

Câu 39 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào cách sử dụng của đại từ quan hệ "that" để tìm ra lỗi sai.

Cách giải:

Quy tắc: Đại từ quan hệ "that" không được sử dụng trong mệnh đề quan hệ không xác định.

Elephants, that are my niece's favorite animal, are among the smartest animals.

A. that => sai ngữ pháp cần sửa thành "which"

B. my niece's: của cháu gái tôi => đúng ngữ pháp

C. among (prep): trong số => đúng ngữ pháp

D. smartest => cấu trúc so sánh nhất với tính từ ngắn "the + adj-est"

Câu hoàn chỉnh: Elephants, **which** are my niece's favorite animal, are among the smartest animals.

(Voi, loài động vật yêu thích của cháu gái tôi, nằm trong số những loài động vật thông minh nhất.)

Đáp án: A

Câu 40 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào chủ ngữ "parents" và động từ "wanted" kết hợp với cách sử dụng của các đại từ nhân xưng để tìm ra lỗi sai.

Cách giải:

Cấu trúc câu cơ bản: S + V + O => sau "wanted" cần đại từ đóng vai trò tân ngữ

Ta có:

her: cô ấy => tân ngữ, đứng sau động từ; her + N: của cô ấy => tính từ sở hữu. Trong câu trên cần "her" đóng vai trò tân ngữ.

hers = her + N: ... của cô ấy => sai về nghĩa trong trường hợp này

A. said (v2 – v3): nói => thì quá khứ đơn, đúng ngữ pháp

B. hers: ... của cô ấy => sai ngữ pháp cần sửa thành "her"

C. that: đại từ quan hệ đứng sau đại từ bất định "someone" => đúng ngữ pháp

D. they = parents => đúng ngữ pháp

Câu hoàn chỉnh: Jane said that her parents wanted **her** to marry someone that they trusted.

(Jane nói rằng bố mẹ cô muốn cô kết hôn với người mà họ tin tưởng.)

Đáp án: B

Câu 41 (TH):

Phương pháp:

Dịch và so sánh nghĩa của các đáp án với nghĩa của câu đề bài để chọn đáp án có nghĩa gần nhất với câu đã cho.

Cách giải:

The shop is currently crowded possibly because its new products are very popular.

(Cửa hàng hiện đang rất đông khách, có thể là do các sản phẩm mới của cửa hàng rất được ưa chuộng.)

A. The shop's large number of customers is definitely the result of its new products. => sai về nghĩa

(Lượng khách hàng đông đảo của cửa hàng chắc chắn là do các sản phẩm mới.)

B. It is certain that customers always love the shop's new and popular products. => sai về nghĩa

(Chắc chắn rằng khách hàng luôn yêu thích các sản phẩm mới và được ưa chuộng của cửa hàng.)

C. The popularity of the shop's new products might be attracting many customers.

(Sự nổi tiếng của các sản phẩm mới của cửa hàng có thể đang thu hút nhiều khách hàng.)

D. Customers visit the shop because it is always filled with popular products. => sai về nghĩa

(Khách hàng đến cửa hàng vì cửa hàng luôn có đầy đủ các sản phẩm được ưa chuộng.)

Đáp án: C

Câu 42 (TH):

Phương pháp:

Áp dụng cấu trúc câu điều kiện loại 3 để diễn tả điều giả định trái ngược với quá khứ.

If/ Unless S1 + had Ved/V3, S2 + would have Ved/V3

Cách giải:

The meeting was delayed because the marketing manager arrived late.

(Cuộc họp bị hoãn vì giám đốc marketing đến muộn.)

A. The meeting would not be rescheduled if the marketing manager had not arrived late. => sai ngữ pháp ở "would not be"

B. The meeting would have been delayed if the marketing manager had not arrived on time. => đúng ngữ pháp nhưng sai về nghĩa

(Cuộc họp sẽ bị hoãn nếu giám đốc marketing không đến đúng giờ.)

C. Unless the marketing manager arrived late, the meeting would not have been postponed. => sai cấu trúc câu điều kiện loại 3

D. The meeting would have started on time if the marketing manager had not been late. => đúng ngữ pháp và phù hợp về nghĩa

(Cuộc họp sẽ bắt đầu đúng giờ nếu giám đốc marketing không đến muộn.)

Đáp án: D

Câu 43 (TH):

Phương pháp:

Áp dụng kiến thức về các cấu trúc so sánh để chọn đáp án đúng.

Cách giải:

This film is interesting, but the other two films are much more interesting.

(Bộ phim này thú vị, nhưng hai bộ phim kia thú vị hơn nhiều.)

A. This is the least interesting film out of the three. => đúng cấu trúc ngữ pháp so sánh kém nhất và phù hợp về nghĩa: S + be + the + LEAST + adj + N.

(Đây là bộ phim kém thú vị nhất trong ba phim.)

B. Of the three films, this film is the most interesting. => đúng ngữ pháp nhưng sai về nghĩa

(Trong ba phim, bộ phim này thú vị nhất.)

C. This film is more boring than the other two films. => đúng ngữ pháp nhưng sai về nghĩa

(Bộ phim này nhàm chán hơn hai phim kia.)

D. The other two films are less boring than this one. => đúng ngữ pháp nhưng sai về nghĩa

(Hai phim kia đỡ nhàm chán hơn phim này.)

Đáp án: A

Câu 44 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức về câu điều kiện loại 1 và mệnh đề chỉ kết quả với "so that" để chọn đáp án đúng.

Cách giải:

Close the windows to prevent the documents from being blown away.

(Đóng cửa sổ để tránh tài liệu bị gió thổi bay.)

A. The documents would be blown away if the windows had not been closed. => cấu trúc câu điều kiện hỗn hợp sai ngữ pháp vì đề bài cho câu mệnh lệnh nên được viết lại bằng câu điều kiện loại 1

(Tài liệu sẽ bị gió thổi bay nếu cửa sổ không được đóng.)

B. If you don't close the windows, you cannot find the blown documents. => đúng ngữ pháp nhưng sai về nghĩa

(Nếu bạn không đóng cửa sổ, bạn sẽ không tìm thấy tài liệu bị gió thổi bay.)

C. The windows should be closed so that the documents are not blown away. => đúng ngữ pháp và phù hợp về nghĩa

(Nên đóng cửa sổ để tài liệu không bị gió thổi bay.)

D. By closing the windows, the documents will not be blown away slowly. => đúng ngữ pháp nhưng sai về nghĩa

(Bằng cách đóng cửa sổ, tài liệu sẽ không bị gió thổi bay dần dần.)

Đáp án: C

Câu 45 (TH):

Phương pháp:

Có thể dựa vào mẹo đề bài câu trực tiếp có "don't forget/ remember" *(đừng quên/ hãy nhớ)* thì câu gián tiếp dùng động từ tường thuật "remind" *(nhắc nhở)*.

Cách giải:

Jane said to her husband, "Don't forget to lock the door before you go to bed."

(Jane nói với chồng: "Đừng quên khóa cửa trước khi đi ngủ nhé.")

A. Jane's husband asked her not to forget to lock the door before going to bed. => sai về nghĩa

(Chồng của Jane yêu cầu cô ấy đừng quên khóa cửa trước khi đi ngủ.)

B. Jane reminded her husband to lock the door before he went to bed. => đúng ngữ pháp và phù hợp về nghĩa

(Jane nhắc nhở chồng mình khóa cửa trước khi đi ngủ.)

C. Jane said to her husband that he must lock the door before going to bed. => sai ngữ pháp vì động từ "must" chưa lùi thì

D. Jane told her husband not to leave the door locked before he went to bed. => sai về nghĩa

(Jane bảo chồng mình đừng để cửa khóa trước khi đi ngủ.)

Đáp án: B

Câu 46 (VD):

Phương pháp:

Đọc lướt toàn bộ bài đọc để nắm được nội dung chính từ đó dịch nghĩa của các đáp án để chọn đáp án tóm tắt bài đọcđầy đủ và đúng nhất. Có thể dựa vào các câu chủ đề của đoạn (đầu hoặc cuối đoạn).

Thông tin:

[Đoạn 1] A former teacher, Butler, wanted a change in her life. ... She discovered Latronico, a small mountain village in southern Italy's Basilicata region.

(Butler, một cựu giáo viên, muốn thay đổi cuộc sống của mình. ... Cô đã tìm thấy Latronico, một ngôi làng nhỏ trên núi ở vùng Basilicata phía nam nước Ý.)

[Đoạn 2] Buying the house was easier than she had expected.

(Việc mua nhà dễ dàng hơn cô tưởng.)

[Đoạn 3] After moving in, Butler began to work on her house.

(Sau khi chuyển đến, Butler bắt đầu sửa sang nhà cửa.)

[Đoạn 4] Life in Latronico soon became more than just home renovations.

(Cuộc sống ở Latronico chẳng mấy chốc đã trở nên ý nghĩa hơn là chỉ việc sửa sang nhà cửa.)

Cách giải:

What is the passage mainly about?

(Đoạn văn chủ yếu nói về điều gì?)

A. A former teacher's new life in an Italian village

(Cuộc sống mới của một cựu giáo viên ở một ngôi làng Ý)

B. "La Tua Casa a Latronico," a housing program

("La Tua Casa a Latronico," một chương trình nhà ở)

C. How to fix old houses in an Italian village

(Cách sửa chữa những ngôi nhà cũ ở một ngôi làng Ý)

D. Life in Latronico for Italians who love peace

(Cuộc sống ở Latronico dành cho những người Ý yêu thích sự bình yên)

Đáp án: A

Câu 47 (NB):

Phương pháp:

Xác định vị trí của từ “There” trong đoạn 1, dịch nghĩa của câu có chứa từ và đối chiếu lần lượt dịch các đáp án để xác định đúng danh từ mà đại từ thay thế.

Thông tin: She discovered Latronico, a small mountain village in southern Italy's Basilicata region. **There**, she was able to buy a charming old house at a very low price compared to what she would pay in a big city.

(Cô ấy đã phát hiện ra Latronico, một ngôi làng nhỏ trên núi ở vùng Basilicata phía nam nước Ý. Ở đó, cô ấy đã mua được một ngôi nhà cổ xinh xắn với giá rất thấp so với giá ở một thành phố lớn.)

Cách giải:

According to paragraph 1, what does the word **There** refer to?

(Theo đoạn 1, từ "There" đề cập đến điều gì?)

A. mountain *(núi)*

B. Italy *(nước Ý)*

C. Latronico

D. southern Basilicata *(miền nam Basilicata)*

Đáp án: C

Câu 48 (TH):

Phương pháp:

Tập trung đọc đoạn 2 xác định thông tin về "La Tua Casa a Latronico" từ đó đối chiếu với các đáp án để chọn đặc điểm KHÔNG được nhắc đến.

Thông tin: Latronico has a special program called "La Tua Casa a Latronico" (Your Home in Latronico). The program helps people purchase and restore empty houses that once belonged to families who moved away. This made the process simple and welcoming for newcomers. It is part of a wider trend across Italy, where small towns invite people to settle and stop villages from becoming empty.

(Latronico có một chương trình đặc biệt gọi là "La Tua Casa a Latronico" (Ngôi nhà của bạn ở Latronico). Chương trình này giúp mọi người mua và khôi phục những ngôi nhà bỏ trống từng thuộc về các gia đình đã chuyển đi. Điều này làm cho quá trình trở nên đơn giản và thân thiện với người mới đến. Đây là một phần của xu hướng rộng lớn hơn trên khắp nước Ý, nơi các thị trấn nhỏ mời gọi người dân đến định cư và ngăn chặn tình trạng các làng mạc bị bỏ hoang.)

Cách giải:

In paragraph 2, which of the following is NOT a characteristic of "La Tua Casa a Latronico"?

(Trong đoạn 2, điều nào sau đây KHÔNG phải là đặc điểm của "La Tua Casa a Latronico"?)

A. It sells the houses that are no longer resided in.

(Chương trình bán những ngôi nhà không còn người ở.)

B. It provides easy opportunities for newcomers.

(Chương trình tạo cơ hội dễ dàng cho người mới đến.)

C. It started a new housing trend all over Italy.

(Chương trình khởi đầu một xu hướng nhà ở mới trên khắp nước Ý.)

D. It keeps some villages from being deserted.

(Chương trình giúp ngăn chặn tình trạng một số làng mạc bị bỏ hoang.)

Đáp án: C

Câu 49 (NB):

Phương pháp:

Xác định vị trí của từ "fixed" trong đoạn 3, dịch nghĩa của câu có chứa từ để hiểu nghĩa của từ, lần lượt dịch các đáp án để xác định từ có thể thay thế cho nó.

Thông tin: Many of these old houses need improvements, and hers was no different. She **fixed** the floors, painted the walls, and hired local workers to upgrade the kitchen and bathrooms.

(Nhiều ngôi nhà cũ cần được sửa sang, và nhà của bà cũng không ngoại lệ. Bà đã sửa sàn nhà, sơn lại tường và thuê thợ địa phương nâng cấp nhà bếp và phòng tắm.)

Cách giải:

What word can best replace **fixed** as used in paragraph 3?

(Từ nào có thể thay thế tốt nhất cho từ "fixed" được sử dụng trong đoạn 3?)

A. strengthened *(tăng cường)*

B. repaired *(sửa chữa)*

C. changed *(đã thay đổi)*

D. polished *(đã đánh bóng)*

=> fixed = repaired

Đáp án: B

Câu 50 (VD):

Phương pháp:

Tập trung đọc đoạn 3 xác định thông tin về "way Butler supported local workers" từ đó đối chiếu với các đáp án để chọn câu suy luận đúng.

Thông tin: After moving in, Butler began to work on her house. Many of these old houses need improvements, and hers was no different. She fixed the floors, painted the walls, and hired local workers to upgrade the kitchen and bathrooms. With each improvement, the house felt more like home. She enjoyed the process because it allowed her to be creative while also supporting local workers. In this way, she was not just fixing her house but also joining the community.

(Sau khi chuyển đến, bà Butler bắt đầu sửa sang nhà cửa. Nhiều ngôi nhà cũ cần được cải tạo, và nhà bà cũng không ngoại lệ. Bà sửa sàn nhà, sơn tường và thuê thợ địa phương nâng cấp nhà bếp và phòng tắm. Mỗi lần cải tạo, ngôi nhà lại trở nên ấm cúng hơn. Bà thích quá trình này vì nó cho phép bà thỏa sức sáng tạo đồng thời hỗ trợ người lao động địa phương. Bằng cách này, bà không chỉ sửa chữa nhà cửa mà còn hòa nhập vào cộng đồng.)

Cách giải:

In paragraph 3, what can be inferred about the way Butler supported local workers?

(Trong đoạn 3, điều gì có thể được suy luận về cách bà Butler hỗ trợ người lao động địa phương?)

A. She helped them to be creative.

(Bà giúp họ phát huy sự sáng tạo.)

B. She joined their local community.

(Bà hòa nhập vào cộng đồng địa phương của họ.)

C. She created repair jobs for them.

(Bà tạo ra việc làm sửa chữa cho họ.)

D. She improved their building skills.

(Bà nâng cao kỹ năng xây dựng của họ.)

Đáp án: C

Câu 51 (TH):

Phương pháp:

Tập trung đọc đoạn 4 và xác định thông tin về "her life before she came to Latronico" từ đó đối chiếu với các đáp án để chọn đáp án đúng.

Thông tin: People in the village were warm and friendly, making her feel part of the community very quickly.

(Người dân trong làng rất nồng hậu và thân thiện, khiến cô nhanh chóng cảm thấy mình là một phần của cộng đồng.)

Cách giải:

In paragraph 4, what is stated about people in Latronico?

(Trong đoạn 4, điều gì được nêu về người dân ở Latronico?)

A. They were kind and welcoming.

(Họ tốt bụng và hiếu khách.)

B. They were quiet but friendly.

(Họ trầm lặng nhưng thân thiện.)

C. They loved greeting their neighbors.

(Họ thích chào hỏi hàng xóm của mình.)

D. They were quick at making friends.

(Họ nhanh chóng kết bạn.)

Đáp án: A

Câu 52 (TH):

Phương pháp:

Tập trung đọc đoạn 4 và xác định thông tin về "people in Latronico" từ đó đối chiếu với các đáp án để chọn đáp án đúng.

Thông tin: She felt that her new life was slower, healthier, and more connected compared to her old stressful, fast-paced city life.

(Cô ấy cảm thấy cuộc sống mới của mình chậm rãi hơn, lành mạnh hơn và kết nối hơn so với cuộc sống thành phố cũ đầy căng thẳng và hối hả.)

Cách giải:

In paragraph 4, what did Butler say about her life before she came to Latronico?

(Trong đoạn 4, Butler đã nói gì về cuộc sống của cô ấy trước khi đến Latronico?)

A. It was totally carefree.

(Nó hoàn toàn vô tư.)

B. It was quick-moving.

(Nó diễn ra nhanh chóng.)

C. It suited old people more.

(Nó phù hợp với người già hơn.)

D. It had nothing but stress.

(Nó chỉ toàn là căng thẳng.)

Chú ý khi giải:

Tạm dịch bài đọc:

1. Bà Butler, một cựu giáo viên, muốn thay đổi cuộc sống. Sau nhiều năm làm việc tại Mỹ, bà mơ ước được sống ở một nơi yên tĩnh, thanh bình và giá cả phải chăng. Bà đã tìm thấy Latronico, một ngôi làng nhỏ trên núi ở vùng Basilicata phía nam nước Ý. Ở đó, bà đã mua được một ngôi nhà cổ quyến rũ với giá rất thấp so với giá ở các thành phố lớn. Đối với bà, đây là khởi đầu của một chương mới tràn đầy hy vọng và bình yên.

2. Việc mua nhà dễ dàng hơn bà tưởng. Latronico có một chương trình đặc biệt gọi là "La Tua Casa a Latronico" (Ngôi nhà của bạn ở Latronico). Chương trình này giúp mọi người mua và phục hồi những ngôi nhà bỏ trống từng thuộc về các gia đình đã chuyển đi. Điều này làm cho quá trình trở nên đơn giản và dễ dàng hơn đối với những người mới đến. Đây là một phần của xu hướng rộng lớn hơn trên khắp nước Ý, nơi các thị trấn nhỏ mời gọi người dân đến định cư và ngăn chặn tình trạng các làng mạc trở nên hoang vắng.

3. Sau khi chuyển đến, bà Butler bắt đầu sửa chữa nhà cửa. Nhiều ngôi nhà cũ cần được cải tạo, và nhà của bà cũng không ngoại lệ. Cô ấy sửa sàn nhà, sơn tường và thuê thợ địa phương nâng cấp nhà bếp và phòng tắm. Với mỗi lần cải tạo, ngôi nhà lại càng trở nên ấm cúng hơn. Cô ấy thích quá trình này vì nó cho phép cô ấy được thỏa sức sáng tạo đồng thời hỗ trợ người lao động địa phương. Bằng cách này, cô ấy không chỉ sửa chữa nhà cửa mà còn hòa nhập vào cộng đồng.

4. Cuộc sống ở Latronico chẳng mấy chốc đã trở nên ý nghĩa hơn là chỉ việc sửa sang nhà cửa. Cô ấy thích đi dạo trên những con phố yên tĩnh, chào hỏi hàng xóm và ghé thăm những cửa hàng nhỏ. Người dân trong làng rất nồng hậu và thân thiện, khiến cô ấy nhanh chóng cảm thấy mình là một phần của cộng đồng. Những khoảnh khắc giản dị - như mua bánh mì ở tiệm bánh hoặc ngồi ở quảng trường thị trấn - trở thành những trải nghiệm đầy niềm vui. Cô ấy cảm thấy cuộc sống mới của mình chậm rãi hơn, lành mạnh hơn và gắn kết hơn so với cuộc sống thành phố căng thẳng, hối hả trước đây. Câu chuyện của cô ấy cho thấy các chương trình nhà ở giá rẻ có thể mang lại cho mọi người cơ hội thứ hai như thế nào.

Đáp án: B

Câu 53 (VD):

Phương pháp:

Đọc lướt qua toàn bộ bài đọc để nắm nội dung chính từ đó đối chiếu với các đáp án để chọn tiêu đề tóm tắt bài đọc đầy đủ và đúng nhất.

Thông tin:

[Đoạn 1] Climate change is making the world's weather more extreme.

(Biến đổi khí hậu đang làm cho thời tiết trên thế giới trở nên khắc nghiệt hơn.)

[Đoạn 2] One big effect is the increase in rainfall and flooding.

(Một tác động lớn là lượng mưa và lũ lụt gia tăng.)

[Đoạn 3] Another effect is that typhoons now cause more economic damage.

(Một tác động khác là bão hiện nay gây ra nhiều thiệt hại kinh tế hơn.)

[Đoạn 4] A third effect is that storms are stronger than they would be due to climate change.

(Tác động thứ ba là các cơn bão mạnh hơn so với dự kiến do biến đổi khí hậu.)

[Đoạn 5] Finally, climate change is making typhoons intensify faster, which gives people less time to prepare.

(Cuối cùng, biến đổi khí hậu đang làm cho bão mạnh lên nhanh hơn, khiến người dân có ít thời gian chuẩn bị hơn.)

Cách giải:

The best title of the passage can be _____.

(Tiêu đề phù hợp nhất cho đoạn văn có thể là _____.)

A. How Typhoons Are Increasing Climate Change

(Bão đang gia tăng như thế nào do biến đổi khí hậu)

B. Climate Change and the Rising Power of Storms

(Biến đổi khí hậu và sức mạnh ngày càng tăng của bão)

C. Rising Seas, Rising Typhoons: Only in Asia

(Mực nước biển dâng cao, bão ngày càng mạnh: Chỉ có ở châu Á)

D. How the World Is Suffering from Extreme Weathers

(Thế giới đang phải chịu đựng thời tiết khắc nghiệt như thế nào)

Đáp án: B

Câu 54 (NB):

Phương pháp:

Xác định vị trí của từ "those" trong đoạn 1, dịch nghĩa của câu có chứa từ và đối chiếu lần lượt dịch các đáp án để xác định đúng danh từ mà đại từ thay thế.

Thông tin: This means storms today are often stronger, wetter, and more dangerous than **those** in the past.

(Điều này có nghĩa là các cơn bão ngày nay thường mạnh hơn, gây mưa nhiều hơn và nguy hiểm hơn so với các cơn bão trong quá khứ.)

Cách giải:

The word **those** in paragraph 1 refers to _____.

(Từ "those" trong đoạn 1 đề cập đến _____.)

A. scientists *(các nhà khoa học)*

B. regions *(các khu vực)*

C. seas *(các biển)*

D. storms *(những cơn bão)*

Đáp án: D

Câu 55 (TH):

Phương pháp:

Xác định vị trí của từ "dump" trong đoạn, dịch nghĩa của câu có chứa từ để hiểu nghĩa của từ, lần lượt dịch các đáp án để xác định từ đồng nghĩa với nó.

Thông tin: One big effect is the increase in rainfall and flooding. Typhoons no longer bring only strong winds; they now **dump** record amounts of water.

(Một tác động lớn là sự gia tăng lượng mưa và lũ lụt. Bão không còn chỉ mang đến gió mạnh; giờ đây chúng còn trút xuống lượng nước kỷ lục.)

Cách giải:

In paragraph 2, the word **dump** is closest in meaning to _____.

(Trong đoạn 2, từ "dump" có nghĩa gần nhất với _____.)

A. throw away as garbage

(vứt bỏ như rác)

B. drop or release suddenly

(thả hoặc phóng ra đột ngột)

C. pour now and again

(đổ xuống thường xuyên)

D. sell at a cheap price

(bán với giá rẻ)

Đáp án: B

Câu 56 (TH):

Phương pháp:

Tập trung đọc đoạn 2 để xác định thông tin về "crowded cities without strong drainage systems" từ đó đối chiếu với các đáp án để chọn được đáp án đúng.

Thông tin: Streets, subways, and homes were flooded, and daily life was stopped for many people. This shows how climate change turns storms into water disasters, especially in crowded cities that do not have strong drainage systems.

(Đường phố, tàu điện ngầm và nhà cửa bị ngập lụt, cuộc sống thường nhật của nhiều người bị gián đoạn. Điều này cho thấy biến đổi khí hậu biến các cơn bão thành thảm họa nước, đặc biệt là ở các thành phố đông dân cư không có hệ thống thoát nước mạnh.)

Cách giải:

According to paragraph 2, crowded cities without strong drainage systems _____.

(Theo đoạn 2, các thành phố đông dân cư không có hệ thống thoát nước mạnh _____.)

A. cause many water disasters for their populations

(gây ra nhiều thảm họa nước cho người dân)

B. can develop storms into deadly typhoons

(có thể biến các cơn bão thành những cơn bão nhiệt đới chết người)

C. may be the most vulnerable to climate change

(có thể là nơi dễ bị tổn thương nhất trước biến đổi khí hậu)

D. suffer from serious flooding caused by storms

(chịu thiệt hại nghiêm trọng do lũ lụt gây ra bởi bão)

Đáp án: D

Câu 57 (VD):

Phương pháp:

Tập trung đọc đoạn 3 và gạch chân các từ khoá trong các đáp án từ đó đối chiếu để chọn đáp án KHÔNG được đề cập đến.

Thông tin: Another effect is that typhoons now cause more economic damage. The bigger and more developed cities are, the more expensive it is to repair. Typhoon Doksuri in 2023 is a clear example. It flooded Beijing and other parts of China, destroying homes and farmland. The cost reached more than 28 billion dollars, making it the most expensive typhoon in China's history. Climate change makes such storms more frequent, and urban growth makes the damage higher, a dangerous mix for modern societies.

(Một tác động khác là bão hiện nay gây ra thiệt hại kinh tế lớn hơn. Các thành phố càng lớn và phát triển thì chi phí sửa chữa càng cao. Bão Doksuri năm 2023 là một ví dụ điển hình. Nó đã gây lũ lụt ở Bắc Kinh và các vùng khác của Trung Quốc, phá hủy nhà cửa và đất nông nghiệp. Chi phí lên tới hơn 28 tỷ đô la, khiến nó trở thành cơn bão gây thiệt hại nặng nề nhất trong lịch sử Trung Quốc. Biến đổi khí hậu làm cho những cơn bão như vậy xảy ra thường xuyên hơn, và sự phát triển đô thị làm tăng thiệt hại, một sự kết hợp nguy hiểm cho các xã hội hiện đại.)

Cách giải:

In paragraph 3, it is NOT mentioned that _____.

(Trong đoạn 3, KHÔNG đề cập đến việc _____.)

A. Typhoon Doksuri flooded the entire mainland China

(Bão Doksuri đã gây lũ lụt toàn bộ lục địa Trung Quốc)

B. Typhoon Doksuri caused huge economic losses to China

(Bão Doksuri đã gây ra thiệt hại kinh tế khổng lồ cho Trung Quốc)

C. storms similar to Typhoon Doksuri occur more often now

(Các cơn bão tương tự như bão Doksuri xảy ra thường xuyên hơn hiện nay)

D. storms are more damaging due to increased urbanization

(Bão gây thiệt hại nhiều hơn do đô thị hóa gia tăng)

Đáp án: A

Câu 58 (TH):

Phương pháp:

Tập trung đọc đoạn 4 và thông tin về "scientists" từ đó để chiếu với các đáp án để chọn mục đích tác giả dùng đến từ này.

Thông tin: A third effect is that storms are stronger than they would be due to climate change. In 2024, **scientists** studied Typhoon Gaemi and found that its winds were about 9 mph stronger and rainfall 14% heavier because of hotter oceans. They also said climate change made storms like Gaemi 30% more likely. This proves climate change is not just a background factor; it directly increases the power of storms.

(Tác động thứ ba là các cơn bão mạnh hơn so với dự kiến do biến đổi khí hậu. Năm 2024, các nhà khoa học đã nghiên cứu cơn bão Gaemi và phát hiện ra rằng gió của nó mạnh hơn khoảng 9 dặm/giờ và lượng mưa nặng hơn 14% do đại dương nóng lên. Họ cũng cho biết biến đổi khí hậu làm tăng khả năng xảy ra các cơn bão như Gaemi lên 30%. Điều này chứng minh biến đổi khí hậu không chỉ là một yếu tố nền tảng; nó trực tiếp làm tăng sức mạnh của các cơn bão.)

Cách giải:

In paragraph 4, the author mentions **scientists** in order to _____.

(Trong đoạn 4, tác giả đề cập đến các nhà khoa học nhằm mục đích _____.)

A. confirm another viewpoint

(xác nhận một quan điểm khác)

B. present two perspectives

(trình bày hai quan điểm)

C. validate his/her claim

(chứng thực luận điểm của mình)

D. illustrate a public opinion

(minh họa một ý kiến công chúng)

Đáp án: C

Câu 59 (VD):

Phương pháp:

Tập trung đọc đoạn 4 và xác định thông tin về "Typhoon Gaemi and similar storms" từ đó đối chiếu với các đáp án để chọn câu suy luận đúng.

Thông tin: In 2024, scientists studied Typhoon Gaemi and found that its winds were about 9 mph stronger and rainfall 14% heavier because of hotter oceans. They also said climate change made storms like Gaemi 30% more likely. This proves climate change is not just a background factor; it directly increases the power of storms.

(Năm 2024, các nhà khoa học đã nghiên cứu cơn bão Gaemi và phát hiện ra rằng sức gió của nó mạnh hơn khoảng 9 dặm/giờ và lượng mưa nặng hơn 14% do đại dương nóng lên. Họ cũng cho biết biến đổi khí hậu làm tăng khả năng xảy ra các cơn bão như Gaemi lên 30%. Điều này chứng minh biến đổi khí hậu không chỉ là một yếu tố nền tảng; nó trực tiếp làm tăng sức mạnh của các cơn bão.)

Cách giải:

It can be inferred from paragraph 4 that Typhoon Gaemi and similar storms _____.

(Có thể suy ra từ đoạn 4 rằng cơn bão Gaemi và các cơn bão tương tự _____.)

A. pose higher risks of flooding

(gây ra nguy cơ lũ lụt cao hơn)

B. are more serious in desert areas

(nghiêm trọng hơn ở các khu vực sa mạc)

C. cause huge shortages of power

(gây ra tình trạng thiếu điện trầm trọng)

D. are a factor of global warming

(là một yếu tố của sự nóng lên toàn cầu)

Đáp án: A

Câu 60 (VD):

Phương pháp:

Lần lượt đọc các đoạn 2, 3, 4, 5 và xác định thông tin về "changes to storms due to climate change" từ đó đối chiếu với các đáp án để chọn đáp án chính.

Thông tin:

[Đoạn 2] One big effect is the increase in rainfall and flooding.

(Một tác động lớn là lượng mưa và lũ lụt gia tăng.)

[Đoạn 3] Another effect is that typhoons now cause more economic damage.

(Một tác động khác là bão hiện nay gây ra nhiều thiệt hại kinh tế hơn.)

[Đoạn 4] A third effect is that storms are stronger than they would be due to climate change.

(Tác động thứ ba là các cơn bão mạnh hơn so với dự kiến do biến đổi khí hậu.)

[Đoạn 5] Finally, climate change is making typhoons intensify faster, which gives people less time to prepare.

(Cuối cùng, biến đổi khí hậu đang làm cho bão mạnh lên nhanh hơn, khiến người dân có ít thời gian chuẩn bị hơn.)

Cách giải:

Paragraphs 2, 3, 4, and 5 present _____ espectively as changes to storms due to climate change.

(Các đoạn 2, 3, 4 và 5 lần lượt trình bày _____ như những thay đổi đối với các cơn bão do biến đổi khí hậu.)

A. higher economic losses, serious floods, greater intensity, and higher speed

(thiệt hại kinh tế cao hơn, lũ lụt nghiêm trọng hơn, cường độ lớn hơn và tốc độ cao hơn)

B. higher speed, serious floods, higher economic losses, and greater intensity

(tốc độ cao hơn, lũ lụt nghiêm trọng hơn, thiệt hại kinh tế cao hơn và cường độ lớn hơn)

C. serious floods, higher economic losses, greater intensity, and higher speed

(lũ lụt nghiêm trọng hơn, thiệt hại kinh tế cao hơn, cường độ lớn hơn và tốc độ cao hơn)

D. serious floods, higher speed, higher economic losses, and greater intensity

(lũ lụt nghiêm trọng hơn, tốc độ cao hơn, thiệt hại kinh tế cao hơn và cường độ lớn hơn)

Chú ý khi giải:

Tạm dịch bài đọc:

1. Biến đổi khí hậu đang làm cho thời tiết trên thế giới trở nên khắc nghiệt hơn. Các nhà khoa học cho biết các khu vực có không khí nóng hơn có thể chứa nhiều nước hơn, và biển ấm hơn làm cho các cơn bão mạnh hơn. Điều này có nghĩa là các cơn bão ngày nay thường mạnh hơn, gây mưa nhiều hơn và nguy hiểm hơn so với trước đây. Những thay đổi này không chỉ là dự đoán cho tương lai - chúng đã và đang xảy ra và ảnh hưởng đến hàng triệu người.

2. Một tác động lớn là sự gia tăng lượng mưa và lũ lụt. Bão không còn chỉ mang đến gió mạnh; chúng hiện nay trút xuống lượng nước kỷ lục. Năm 2023, bão Haikui đổ bộ vào Đài Loan và sau đó là Hồng Kông, gây ra lượng mưa lớn nhất trong 140 năm. Đường phố, tàu điện ngầm và nhà cửa bị ngập lụt, cuộc sống thường nhật của nhiều người bị gián đoạn. Điều này cho thấy biến đổi khí hậu biến các cơn bão thành thảm họa nước, đặc biệt là ở các thành phố đông dân cư không có hệ thống thoát nước tốt.

3. Một tác động khác là bão hiện nay gây ra thiệt hại kinh tế lớn hơn. Các thành phố càng lớn và phát triển thì chi phí sửa chữa càng cao. Bão Doksuri năm 2023 là một ví dụ điển hình. Nó đã gây lũ lụt ở Bắc Kinh và các vùng khác của Trung Quốc, phá hủy nhà cửa và đất nông nghiệp. Thiệt hại lên tới hơn 28 tỷ đô la, trở thành cơn bão gây thiệt hại nặng nề nhất trong lịch sử Trung Quốc. Biến đổi khí hậu khiến những cơn bão

như vậy xảy ra thường xuyên hơn, và sự phát triển đô thị làm tăng thêm thiệt hại, một sự kết hợp nguy hiểm cho các xã hội hiện đại.

4. Tác động thứ ba là các cơn bão mạnh hơn so với dự kiến do biến đổi khí hậu. Năm 2024, các nhà khoa học đã nghiên cứu bão Gaemi và phát hiện ra rằng tốc độ gió của nó mạnh hơn khoảng 9 dặm/giờ và lượng mưa nặng hơn 14% do đại dương nóng lên. Họ cũng cho biết biến đổi khí hậu làm tăng khả năng xảy ra các cơn bão như Gaemi lên 30%. Điều này chứng minh biến đổi khí hậu không chỉ là một yếu tố nền tảng; nó trực tiếp làm tăng sức mạnh của các cơn bão.

5. Cuối cùng, biến đổi khí hậu đang làm cho các cơn bão mạnh lên nhanh hơn, khiến người dân có ít thời gian chuẩn bị hơn. Năm 2025, bão Kajiki đã mạnh lên rất nhanh trước khi đổ bộ vào Việt Nam. Gần 600.000 người đã phải sơ tán, và nhiều thành phố, bao gồm cả Hà Nội, đã bị ngập lụt nghiêm trọng. Sự phát triển nhanh chóng này cho thấy biến đổi khí hậu làm cho các cơn bão trở nên nguy hiểm hơn bằng cách giảm thời gian cảnh báo.

6. Các quốc gia hiện cần những kế hoạch mạnh mẽ hơn, hệ thống sơ tán tốt hơn và nhiều hành động ứng phó với biến đổi khí hậu hơn để bảo vệ người dân trong những năm tới.

Đáp án: C

II PHẦN 2: TOÁN HỌC

Câu 61 (TH):

Phương pháp:

Tính cạnh và diện tích hình vuông dựa vào chu vi.

Tìm diện tích hình chữ nhật từ diện tích hình vuông.

Lập hệ phương trình tìm chiều dài và chiều rộng của hình chữ nhật từ chu vi và diện tích.

Cách giải:

Hình vuông có chu vi là 24 nên cạnh là $\frac{24}{4}=6$

Diện tích hình vuông: $6.6=36$

Diện tích hình chữ nhật: $36-4=32$

Gọi chiều dài và chiều rộng của hình chữ nhật là a và b $(a>b>0)$

Chu vi hình chữ nhật là 24 nên $2(a+b)=24\Rightarrow a+b=12$

Ta có $a+b=12$ và $ab=32$

a và b là 2 nghiệm của phương trình $x^2-12x+32=0\Leftrightarrow\left[\begin{array}{l}x=8\\x=4\end{array}\right.$

Vì $a>b$ nên $a=8$, $b=4$. Hiệu giữa chiều dài và chiều rộng là 4.

Đáp án: B

Câu 62 (TH):

Phương pháp:

Giải phương trình quy về phương trình bậc hai.

Tìm m để phương trình không có nghiệm thỏa mãn điều kiện $x \ge \frac{1}{2}$.

Cách giải:

Điều kiện: $2x-1 \ge 0 \Leftrightarrow x \ge \frac{1}{2}$.

$\sqrt{-x^2+mx} = 2x-1$

$\Leftrightarrow -x^2+mx = (2x-1)^2$

$\Leftrightarrow -x^2+mx = 4x^2-4x+1$

$\Leftrightarrow 5x^2-(m+4)x+1=0 \ (1)$

Xét hàm số $f(x) = 5x^2-(m+4)x+1$.

Phương trình ban đầu vô nghiệm khi (1) vô nghiệm hoặc mọi nghiệm của (1) đều nhỏ hơn $\frac{1}{2}$.

Trường hợp 1: Phương trình (1) vô nghiệm:

$\Delta = (m+4)^2-4.5 = m^2+8m-4 < 0 \Leftrightarrow -4-2\sqrt{5} < m < -4+2\sqrt{5}$.

Trường hợp 2: Phương trình (1) có nghiệm nhưng tất cả các nghiệm đều nhỏ hơn $\frac{1}{2}$.

Gọi x_1, x_2 là nghiệm của (1), cần $x_1 \le x_2 < \frac{1}{2}$.

Điều kiện: $\begin{cases} \Delta \ge 0 \\ \left(x_1-\frac{1}{2}\right)+\left(x_2-\frac{1}{2}\right) < 0 \\ \left(x_1-\frac{1}{2}\right)\left(x_2-\frac{1}{2}\right) > 0 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} \Delta \ge 0 \\ S-1 < 0 \\ P-\frac{1}{2}S+\frac{1}{4} > 0 \end{cases}$

Với $S = \frac{m+4}{5}$ và $P = \frac{1}{5}$:

$S-1 < 0 \Rightarrow \frac{m+4}{5} < 1 \Rightarrow m < 1.$

$P-\frac{1}{2}S+\frac{1}{4} > 0 \Rightarrow \frac{1}{5}-\frac{m+4}{10}+\frac{1}{4} > 0 \Rightarrow -2m+1 > 0 \Rightarrow m < \frac{1}{2}$.

Kết hợp các điều kiện trên ta được $m<\frac{1}{2}$ thì phương trình sẽ không có nghiệm $x\ge\frac{1}{2}$.

Đáp án: C

Câu 63 (VD):

Phương pháp:

Công thức gửi tiền định kỳ hàng tháng (đầu mỗi tháng): $T=A\cdot\frac{(1+r)[(1+r)^n-1]}{r}$.

Cách giải:

3 năm = 36 tháng, $T=800.000.000$, $r=0,006$, $n=36$

Ta có

$$800.000.000=A\cdot\frac{(1,006)[(1,006)^{36}-1]}{0,006}$$

$$800.000.000\approx A\cdot\frac{1,006.(1,2403-1)}{0,006}\approx A.40,29$$

$$\Rightarrow A\approx\frac{800.000.000}{40,29}\approx 19.855.895 \text{ đồng.}$$

Giá trị này gần nhất với số tiền 19.895.000 đồng.

Đáp án: B

Câu 64 (TH):

Phương pháp:

Sử dụng công thức đổi cơ số để đưa các logarit về cùng cơ số 2.

Đồng nhất hệ số để tìm m và n.

Cách giải:

Ta có $a=\log_2 5$ và $ab=\log_2 5\cdot\log_5 3=\log_2 3$

$$\log_{24}15=\frac{\log_2 15}{\log_2 24}=\frac{\log_2(3.5)}{\log_2(2^3.3)}=\frac{\log_2 3+\log_2 5}{3+\log_2 3}$$

Thay các giá trị a và ab vào: $\log_{24}15=\frac{ab+a}{3+ab}=\frac{ma+ab}{n+ab}$

Suy ra $m=1$ và $n=3$.

Vậy $S=1^2+3^2=10$.

Đáp án: D

Câu 65 (TH):

Phương pháp:

Đếm số lượng các kết nối trực tiếp trong bảng ma trận (số ô có giá trị khác 0).

Do bảng có tính đối xứng nên mỗi cặp kết nối chỉ được tính một lần.

Cách giải:

Các tuyến đường từ thị trấn A: (A,B), (A,D), (A,E), (A,F) (4 tuyến).

Tuyến đường từ thị trấn B: (B,C) (1 tuyến, (B,A) đã tính).

Tuyến đường từ thị trấn C: (C,D) (1 tuyến, (C,B) đã tính).

Tuyến đường từ thị trấn D: (D,E) (1 tuyến, (D,A), (D,C) đã tính).

Tuyến đường từ thị trấn E: (E,F) (1 tuyến, (E,A), (E,D) đã tính).

Tổng số tuyến đường là: $4+1+1+1+1=8$.

Đáp án: A

Câu 66 (VD):

Phương pháp:

Liệt kê tất cả các đường đi theo trọng số tăng dần và chọn đường không tạo thành chu trình cho đến khi đủ $n-1$ cạnh.

Cách giải:

Liệt kê các đường đi: $(B,D)=100$, $(B,E)=120$, $(A,C)=140$, $(D,F)=160$, $(D,E)=180$, $(E,F)=220$, $(C,D)=260$, $(A,B)=300$.

Chọn cạnh nhỏ nhất (B,D) giá 100.

Chọn cạnh tiếp theo (B,E) giá 120.

Chọn cạnh tiếp theo (A,C) giá 140.

Chọn cạnh tiếp theo (D,F) giá 160.

Cạnh (D,E) giá 180 tạo thành chu trình (B-D-E), bỏ qua.

Chọn cạnh tiếp theo (C,D) giá 260 để kết nối nhóm (A,C) với nhóm (B,D,E,F).

Lúc này tất cả 6 đỉnh đã được kết nối với 5 cạnh.

Tổng chi phí là: $100+120+140+160+260=780$.

Đáp án: A

Câu 67 (TH):

Phương pháp:

Sử dụng công thức $\cos 2x=1-2\sin^2 x$.

Đưa về phương trình bậc hai theo $\sin x$.

Cách giải:

$\cos 2x+3\sin x-2=0$

$\Leftrightarrow (1-2\sin^2 x)+3\sin x-2=0$

$\Leftrightarrow -2\sin^2 x+3\sin x-1=0$.

Đặt $t=\sin x$ $(-1\le t\le 1)$, ta có $-2t^2+3t-1=0\Leftrightarrow\left[\begin{array}{l}t=1\\t=\dfrac{1}{2}\end{array}\right.$

Với $\sin x=1\Rightarrow x=\dfrac{\pi}{2}+k2\pi$

Với $\sin x=\dfrac{1}{2}\Rightarrow\left[\begin{array}{l}x=\dfrac{\pi}{6}+k2\pi\\x=\dfrac{5\pi}{6}+k2\pi\end{array}\right.$

Đáp án: A

Câu 68 (TH):

Phương pháp:

Biến đổi đẳng thức đã cho để rút gọn về mối liên hệ giữa các cạnh.

Sử dụng định lý cosin để tìm góc A.

Cách giải:

Ta có:

$b(b^2-a^2)=c(a^2-c^2)$

$\Leftrightarrow b^3-ba^2=ca^2-c^3$

$\Leftrightarrow b^3+c^3=a^2(b+c)$

$\Leftrightarrow (b+c)(b^2-bc+c^2)=a^2(b+c)$

Vì $b+c>0$ nên $a^2=b^2+c^2-bc$

Theo định lý cosin: $a^2=b^2+c^2-2bc\cdot\cos A$

$\Rightarrow 2bc\cdot\cos A=bc\Leftrightarrow\cos A=\dfrac{1}{2}\Rightarrow A=60^0.$

Đáp án: C

Câu 69 (NB):

Phương pháp:

Hàm số liên tục tại $x_0=2$ khi $\lim\limits_{x\to 2}f(x)=f(2)$.

Cách giải:

Ta có $f(2)=m+1$

$\lim\limits_{x\to 2}\dfrac{x^2-4}{x-2}=\lim\limits_{x\to 2}\dfrac{(x-2)(x+2)}{x-2}=\lim\limits_{x\to 2}(x+2)=4$

Hàm số liên tục tại $x=2$ khi $m+1=4\Rightarrow m=3$.

Đáp án: A

Câu 70 (TH):

Phương pháp:

Tính y' và y''.

Thay vào bất phương trình và giải bất phương trình chứa hàm mũ.

Cách giải:

Có $y = x \cdot e^x$.

$y' = e^x + x.e^x = (x+1)e^x$.

$y'' = e^x + (x+1)e^x = (x+2)e^x$.

Bất phương trình $y'' - y' - y > 0$

$\Leftrightarrow (x+2)e^x - (x+1)e^x - xe^x > 0$

$\Leftrightarrow e^x(x+2-x-1-x) > 0$

$\Leftrightarrow e^x(1-x) > 0$

$\Leftrightarrow 1-x > 0$

$\Leftrightarrow x < 1$

Đáp án: B

Câu 71 (NB):

Phương pháp:

Sử dụng tính chất của tích phân: $\int_a^b f(x)dx = -\int_b^a f(x)dx$ và tích phân một hiệu.

Cách giải:

$$I = \int_2^0 f(x)dx - \int_2^0 xdx = -\int_0^2 f(x)dx - \frac{x^2}{2}\Big|_2^0 = -7 - \left(0 - \frac{2^2}{2}\right) = -5$$

Đáp án: B

Câu 72 (TH):

Phương pháp:

Tìm hàm số $f(x)$ bằng cách tính nguyên hàm của $f'(x)$

Tìm các giao điểm với trục hoành và tính diện tích $S = \int_{x_1}^{x_2} f(x)dx$.

Cách giải:

$f(x) = \int (3x^2 - 6x)dx = x^3 - 3x^2 + C$

Đồ thị đi qua $(0,0)$ nên $C = 0 \Rightarrow f(x) = x^3 - 3x^2$

Hoành độ giao điểm với trục hoành: $x^3-3x^2=0\Leftrightarrow\left[\begin{array}{l}x=0\\x=3\end{array}\right.$

Diện tích $S=\int\limits_0^3\left(x^3-3x^2\right)dx=\int_0^3\left(3x^2-x^3\right)dx=\frac{27}{4}$.

Đáp án: D

Câu 73 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào các dữ kiện đề bài, lập hệ phương trình bậc nhất hai ẩn.

Cách giải:

Có x là số bánh loại A và y là số bánh loại B, $x,y\ge0$

Để sản xuất mỗi cái bánh loại A cần 200 g bột, bánh loại B cần 100 g bột, số bột có sẵn là $5kg=5000g$ nên ta có $200x+100y\le5000$

Để sản xuất mỗi bánh loại A cần 25 g thịt, bánh loại B cần 50 g thịt, số thịt có sẵn là $1kg=1000g$ nên ta có $25x+50y\le1000$

Hệ bất phương trình biểu diễn các ràng buộc nguyên liệu là: $\left\{\begin{array}{l}200x+100y\le5000\\25x+50y\le1000\\x,y\ge0\end{array}\right.$

Đáp án: A

Câu 74 (TH):

Phương pháp:

Biểu diễn miền nghiệm của hệ bất phương trình vừa xác định.

Lợi nhuận tối đa đạt được tại một trong các đỉnh của đa giác miền nghiệm.

Cách giải:

Lợi nhuận thu được: $F\left(x;y\right)=10x+15y$ (nghìn đồng)

Miền nghiệm của hệ bất phương trình $\left\{\begin{array}{l}200x+100y\le5000\\25x+50y\le1000\\x,y\ge0\end{array}\right.$ là tứ giác ABCD với

$A\left(0;0\right)$, $B\left(25;0\right)$, $C\left(20;10\right)$, $D\left(0;20\right)$.

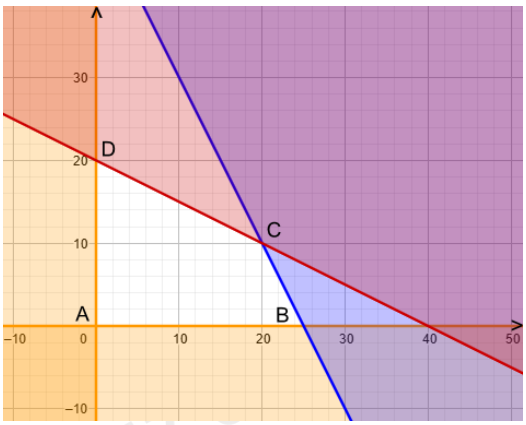

Ta có $F(0;0)=0$, $F(25;0)=250$, $F(20;10)=350$, $F(0;20)=300$

Vậy lợi nhuận tối đa có thể thu được là 350 nghìn đồng.

Đáp án: C

Câu 75 (TH):

Phương pháp:

Công thức số hạng tổng quát $u_n=u_1+(n-1)d$

Cách giải:

Ta có $\begin{cases}u_1+u_5=12\\u_2+u_6=16\end{cases}\Leftrightarrow\begin{cases}u_1+u_1+4d=12\\u_1+d+u_1+5d=16\end{cases}\Leftrightarrow\begin{cases}2u_1+4d=12\\2u_1+6d=16\end{cases}\Leftrightarrow\begin{cases}u_1=2\\d=2\end{cases}$

Đáp án: B

Câu 76 (TH):

Phương pháp:

Thiết lập công thức số hạng tổng quát u_n theo biến n.

Tính giới hạn của dãy số bằng phương pháp chia cả tử và mẫu cho lũy thừa bậc cao nhất của n.

Cách giải:

Công thức số hạng tổng quát của cấp số cộng:

$u_n=u_1+(n-1)d=2+(n-1).2=2n$

Thay $u_n=2n$ vào biểu thức giới hạn:

$$\lim\limits_{n\to\infty}\frac{5u_n-3}{n+2}=\lim\limits_{n\to\infty}\frac{5.2n-3}{n+2}=\lim\limits_{n\to\infty}\frac{10n-3}{n+2}=\lim\limits_{n\to\infty}\frac{10-\frac{3}{n}}{1+\frac{2}{n}}=10.$$

Đáp án: C

Câu 77 (TH):

Phương pháp:

Công thức tính khoảng cách từ điểm $M(x_0;y_0;z_0)$ đến mặt phẳng $(\alpha): Ax+By+Cz+D=0$:

$$d(M,(\alpha))=\frac{|Ax_0+By_0+Cz_0+D|}{\sqrt{A^2+B^2+C^2}}.$$

Cách giải:

Khoảng cách từ điểm $A(2;2;-3)$ đến mặt phẳng $(P): 2x+y-2z=0$:

$$d(A,(P))=\frac{|2\cdot 2+1\cdot 2-2\cdot(-3)|}{\sqrt{2^2+1^2+(-2)^2}}=\frac{12}{\sqrt{9}}=4$$

Đáp án: B

Câu 78 (TH):

Phương pháp:

Xác định vectơ pháp tuyến của 2 mặt phẳng $\vec{n_P}$, $\vec{n_Q}$.

Viết phương trình mặt phẳng đi qua điểm $A(x_0;y_0;z_0)$ và có vectơ pháp tuyến $\vec{n}=k.\left[\vec{n_P},\vec{n_Q}\right]$.

Cách giải:

Mặt phẳng (P) có vectơ pháp tuyến $\vec{n_P}=(2;1;-2)$

Mặt phẳng (Q) có vectơ pháp tuyến $\vec{n_Q}=(2;-1;1)$

$\Rightarrow\left[\vec{n_P},\vec{n_Q}\right]=(-1;-6;-4)$.

Chọn vectơ pháp tuyến của mặt phẳng cần tìm là $\vec{n}=-\left[\vec{n_P},\vec{n_Q}\right]=(1;6;4)$

Phương trình mặt phẳng đi qua điểm $A(2;2;-3)$ và nhận $\vec{n}=(1;6;4)$ làm vectơ pháp tuyến là:

$x-2+6(y-2)+4(z+3)=0$

$\Leftrightarrow x+6y+4z-2=0$

Đáp án: A

Câu 79 (TH):

Phương pháp:

Thay $m=1$, tính đạo hàm, tìm GTLN của hàm số trên đoạn.

Cách giải:

Với $m=1$, ta có $y=x^3-3x+1$

$$y'=3x^2-3=0\Leftrightarrow\left[\begin{array}{l}x=-1\\x=1\end{array}\right.$$

$y(-2)=-1;\ y(-1)=3;\ y(1)=-1;\ y(2)=3$

Giá trị lớn của hàm số trên đoạn $[-2;2]$ là 3.

Đáp án: B

Câu 80 (TH):

Phương pháp:

Tìm tập xác định, hàm số nghịch biến $\Leftrightarrow y' \le 0$

Cách giải:

$y=x^3-3x+m$ có TXĐ: $D=\mathbb{R}$

Để hàm số nghịch biến trên $\mathbb{R}$ thì $y'=3x^2-3\le 0\ \forall x\in\mathbb{R}$ (vô lí vì $3x^2-3\le 0\Leftrightarrow -1\le x\le 1$)

Vậy không có giá trị nào của m để hàm số nghịch biến trên TXĐ.

Đáp án: D

Câu 81 (TH):

Phương pháp:

Tương giao giữa đồ thị hàm số $g(x)=-x^3+3x$ và đường thẳng $y=m$.

Cách giải:

Xét hàm số $g(x)=-x^3+3x$ có $g'(x)=-3x^2+3=0\Leftrightarrow x=\pm 1$

$g(-1)=-2;\ g(1)=2$

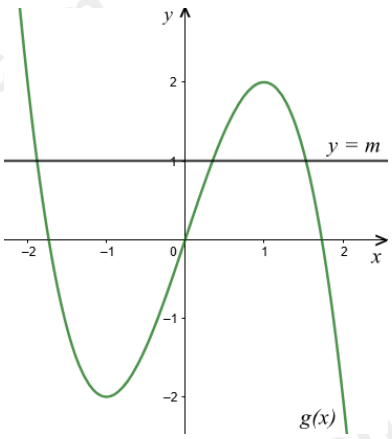

Phương trình $-x^3+3x=m$ có 3 nghiệm thực phân biệt

$\Leftrightarrow$ đường thẳng $y=m$ cắt đồ thị hàm số $y=g(x)$ tại 3 điểm phân biệt

$\Leftrightarrow -2<m<2$

Có 3 giá trị nguyên của m: $m\in\{-1;0;1\}$

Tổng các giá trị nguyên của m là 0.

Đáp án: D

Câu 82 (TH):

Phương pháp:

Sử dụng tổ hợp để tính số cách lấy 2 sản phẩn tốt từ đó suy ra xác suất

Cách giải:

Xác suất để người đó lấy được 2 sản phẩm tốt là $P=\frac{C_7^2}{C_{10}^2}=\frac{7}{15}$

Đáp án: A

Câu 83 (TH):

Phương pháp:

Gọi E là biến cố chọn lô hàng A

F là biến cố chọn được 2 sản phẩm tốt

Tính $P(F)=P(E)P\left(F\mid E\right)+P\left(\bar{E}\right).P\left(F\mid\bar{E}\right)$

Cách giải:

Gọi E là biến cố chọn lô hàng A

F là biến cố chọn được 2 sản phẩm tốt

Theo bài ta có $P\left(F\mid E\right)=\frac{7}{15};P\left(F\mid\bar{E}\right)=\frac{C_{10}^2}{C_{15}^2}=\frac{3}{7}$ và $P(E)=P\left(\bar{E}\right)=\frac{1}{2}$

Khi đó xác suất để lấy được 2 sản phẩm tốt là

$$P(F)=P(E)P\left(F\mid E\right)+P\left(\bar{E}\right).P\left(F\mid\bar{E}\right)=\frac{1}{2}.\frac{7}{15}+\frac{1}{2}.\frac{3}{7}=\frac{47}{105}$$

Đáp án: C

Câu 84 (TH):

Phương pháp:

Gọi M là biến cố chọn lô hàng A

N là biến cố chọn được 1 sản phẩm lỗi

Tính $P(N)=P(M)P\left(N\mid M\right)+P\left(\bar{M}\right).P\left(N\mid\bar{M}\right)$

Và $P\left(\bar{M}\mid N\right)=\frac{P\left(\bar{M}N\right)}{P(N)}=\frac{P\left(\bar{M}\right).P\left(N\mid\bar{M}\right)}{P(N)}$

Cách giải:

Gọi M là biến cố chọn lô hàng A

N là biến cố chọn được 1 sản phẩm lỗi

Theo bài ta có $P(M)=P\left(\bar{M}\right)=\frac{1}{2}$ và $P\left(N\mid M\right)=\frac{3}{10};P\left(N\mid\bar{M}\right)=\frac{5}{15}$

Xác suất để chọn được 1 sản phẩm lỗi là

$$P(N)=P(M)P(N\mid M)+P(\bar{M}).P(N\mid \bar{M})=\frac{1}{2}.\frac{3}{10}+\frac{1}{2}.\frac{5}{15}=\frac{19}{60}$$

Xác suất để lô được chọn là lô B biết sản phẩm được chọn là sản phẩm lỗi là

$$P(\bar{M}\mid N)=\frac{P(\bar{M}N)}{P(N)}=\frac{P(\bar{M}).P(N\mid \bar{M})}{P(N)}=\frac{\frac{1}{2}.\frac{5}{15}}{\frac{19}{60}}=\frac{10}{19}$$

Đáp án: B

Câu 85 (TH):

Phương pháp:

Trọng tâm G: $G\left(\frac{x_A+x_B+x_C}{3};\frac{y_A+y_B+y_C}{3}\right)$.

Vectơ: $\vec{GA}=(x_A-x_G;y_A-y_G;z_A-z_G)$.

Độ dài: $\left|\vec{GA}\right|=\sqrt{x^2+y^2+z^2}$.

Cách giải:

$A(-5;1),B(1;5),C(7;-3)$ nên $G\left(\frac{-5+1+7}{3};\frac{1+5-3}{3}\right)=(1;1)$

$\Rightarrow OG=\sqrt{1^2+1^2}=\sqrt{2}$

Đáp án: A

Câu 86 (TH):

Phương pháp:

BMCN là hình bình hành nên $\vec{BM}=\vec{NC}$ từ đó tìm N

Cách giải:

$A(-5;1),B(1;5),C(7;-3)$

M là trung điểm của AC nên $M\left(\frac{-5+7}{2};\frac{1-3}{2}\right)=(1;-1)$

Vì BMCN là hình bình hành nên $\vec{BM}=\vec{NC}\Leftrightarrow(0;-6)=(7-x_N;-3-y_N)\Leftrightarrow\begin{cases}x_N=7\\y_N=3\end{cases}$

Tổng hoành độ và tung độ của N bằng: 7 + 3 = 10

Đáp án: D

Câu 87 (VD):

Phương pháp:

Gọi E là trung điểm của BD. Khi đó E là tâm đường tròn đường kính BD

Vì (E) tiếp xúc với Oy nên $EF \perp Oy$ tại $F \in Oy$

Viết phương trình BC. Gọi E thuộc BC theo tham số. Lập phương trình EF = EB từ đó tìm toạ độ E và D.

Cách giải:

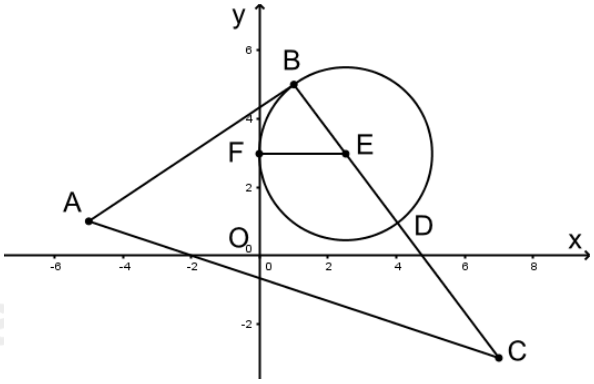

Gọi E là trung điểm của BD. Khi đó E là tâm đường tròn đường kính BD

Vì (E) tiếp xúc với Oy nên $EF \perp Oy$ tại $F \in Oy$

Ta có $\vec{BC}(6;-8) = 2(3;-4)$ nên BC có phương trình tham số $\begin{cases} x = 1+3t \\ y = 5-4t \end{cases}$

Gọi $E(1+3t;5-4t) \in BC$. Vì $x_B < x_E < x_C \Rightarrow 1 < 1+3t < 7 \Leftrightarrow 0 < t < 2$

Khi đó $EF = |1+3t| = 1+3t$

$\vec{BE}(3t;-4t) \Rightarrow BE = \sqrt{(3t)^2 + (-4t)^2} = 5|t| = 5t$

Vì $EF = EB \Rightarrow 1+3t = 5t \Leftrightarrow t = \dfrac{1}{2}$

Suy ra $E\left(\dfrac{5}{2};3\right) \Rightarrow D(4;1) \Rightarrow 4-1=3$

Đáp án: C

Câu 88 (TH):

Phương pháp:

$V_{S.BHD} = \dfrac{1}{3}.SH.S_{BHD}$

Cách giải:

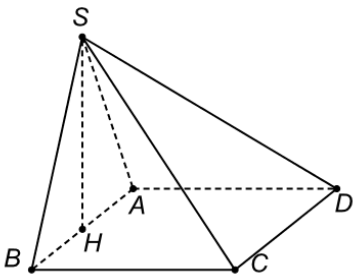

Ta có $S_{BHD}=\frac{1}{2}S_{DAB}=\frac{1}{2}.\frac{1}{2}S_{ABCD}=\frac{a^2}{4}$

$V_{S.BHD}=\frac{1}{3}.SH.S_{BHD}=\frac{1}{3}.a.\frac{a^2}{4}=\frac{a^3}{12}$

Đáp án: B

Câu 89 (TH):

Phương pháp:

Chu vi tam giác SBD là $BD+SB+SD$

Cách giải:

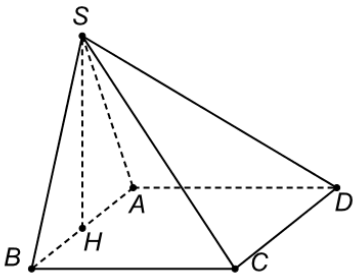

Ta có $BD=a\sqrt{2};SB=\sqrt{SH^2+HB^2}=\sqrt{a^2+\left(\frac{a}{2}\right)^2}=\frac{\sqrt{5}a}{2}$

$HD^2=AH^2+AD^2=\left(\frac{a}{2}\right)^2+a^2=\frac{5}{4}a^2$

Khi đó $SD=\sqrt{SH^2+HD^2}=\sqrt{a^2+\frac{5}{4}a^2}=\frac{3}{2}a$

Vậy chu vi của ΔSHD là $\frac{\sqrt{5}}{2}a+a\sqrt{2}+\frac{3}{2}a=\frac{\sqrt{5}+2\sqrt{2}+3}{2}.a$

Đáp án: A

Câu 90 (TH):

Phương pháp:

Kẻ $HE\perp BD$. Kẻ $HF\perp SE$. Suy ra $HF\perp(SBD)\Rightarrow d\left(H,(SBD)\right)=HF$

Cách giải:

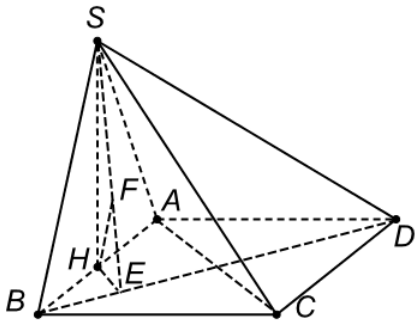

Kẻ $HE \perp BD \Rightarrow HE \parallel AC \Rightarrow HE = \frac{1}{4}AC = \frac{a\sqrt{2}}{4}$

Kẻ $HF \perp SE$. Vì $BD \perp SH; BD \perp HE \Rightarrow BD \perp (SHE) \Rightarrow BD \perp HF$

Suy ra $HF \perp (SBD) \Rightarrow d(H,(SBD)) = HF$

Ta có $\frac{1}{HF^2} = \frac{1}{SH^2} + \frac{1}{HE^2} = \frac{1}{a^2} + \frac{1}{\left(\frac{a\sqrt{2}}{4}\right)^2} \Rightarrow HF = \frac{a}{3} = 0,33a$

Đáp án: C

III PHẦN III: TƯ DUY KHOA HỌC

3.1. LOGIC, PHÂN TÍCH SỐ LIỆU

Câu 91 (VD):

Phương pháp:

Thử từng đáp án và lập luận với các điều kiện bài toán cho

Cách giải:

Nếu tốp ca giáo viên được biểu diễn trước đơn ca nữ

Xét đáp án A: Đơn ca nam được biểu diễn ở vị trí thứ hai. Điều này đúng ví dụ như cách xếp tốp ca học sinh; đơn ca nam; tốp ca giáo viên; song ca nam nữ; đơn ca nữ

Xét đáp án B: Đơn ca nữ được biểu diễn ở vị trí thứ tư.

Vì song ca nam nữ và tốp ca giáo viên được biểu diễn trước đơn ca nữ và đơn ca nam và tốp học sinh luôn kề nhau nên không có tiết mục nào có thể xếp thứ 5 => vô lý

Vậy đáp án B không đúng.

Đáp án: B

Câu 92 (VD):

Phương pháp:

Thử từng đáp án và lập luận với các điều kiện bài toán cho

Cách giải:

Nếu đơn ca nữ và tốp ca giáo viên không được biểu diễn kề nhau

Xét đáp án A: Đơn ca nam được biểu diễn cuối cùng.

Khi đó tốp ca học sinh biểu diễn thứ 4 => Vô lý vì khi đó không thể xếp tốp ca giáo viên sau tốp ca học sinh.

Xét đáp án B: Đơn ca nữ được biểu diễn thứ tư.

Khi đó tốp ca giáo viên biểu diễn thứ nhất hoặc thứ 2.

Vì tốp ca học sinh biểu diễn trước tốp ca giáo viên nên tốp ca học sinh biểu diễn đầu tiên, tốp ca giáo viên biểu diễn thứ 2 => Vô lý vì không thể xếp đơn nam cạnh tốp ca học sinh

Xét đáp án C: Song ca nam nữ biểu diễn thứ ba.

Khi đó đơn nữ xếp thứ 4 hoặc 5. Suy ra tốp ca giáo viên xếp đầu tiên hoặc thứ 2 => Vô lý vì không còn vị 2 vị trí kề nhau để xếp đơn nam cạnh tốp ca học sinh

Vậy D đúng.

Đáp án: D

Câu 93 (VD):

Phương pháp:

Thử từng tiết mục biểu diễn thứ 2 và lập luận với các điều kiện bài toán cho

Cách giải:

- Vị trí 2 có thể là đơn ca nam. Ví dụ như cách xếp: Tốp ca học sinh; đơn ca nam; tốp ca giáo viên; song ca nam nữ, đơn ca nữ

- Vị trí 2 có thể là đơn ca nữ. Ví dụ như cách xếp: Song ca nam nữ; đơn ca nữ; đơn ca nam; tốp ca học sinh; tốp ca giáo viên

- Vị trí 2 có thể là tốp ca học sinh. Ví dụ như cách xếp: Đơn ca nam; tốp ca học sinh; tốp ca giáo viên; song ca nam nữ; đơn ca nữ

- Vị trí 2 không thể là tốp ca giáo viên. Vì tốp ca học sinh luôn trước tốp ca giáo viên nên tốp ca học sinh birut diễn đầu tiên. Mà tốp ca giáo viên xếp thứ 2 nên không thể xếp đơn ca nam cạnh tốp ca học sinh được.

- Vị trí 2 không thể là song ca nam nữ. Vì nếu song ca nam nữ ở vị trí 2 thì đơn nữ không thể biểu diễu đầu tiên. Mà đơn ca nam và tốp học sinh luôn kề nhau nên không thể xếp 1 trong 2 tiết mục này đầu tiên. Suy ra chỉ có thể xếp tốp ca giáo viên đầu tiên (mâu thuẫn vì tốp ca học sinh phải trước tốp ca giáo viên)

Vậy chỉ có đơn ca nam; đơn ca nữ hoặc tốp ca học sinh biểu diễn thứ 2.

Đáp án: C

Câu 94 (TH):

Phương pháp:

Thử từng đáp án và lập luận với các điều kiện bài toán cho

Cách giải:

Xét đáp án A sai vì nếu G được chọn thì K cũng phải được chọn.

Xét đáp án B sai vì F, P, Q, R,S có duy nhất 1 nam là F và 4 nữ nên không thoả mãn mỗi nhóm (nam và nữ) phải có ít nhất 2 đại diện.

Xét đáp án D sai vì M và P không thể cùng được chọn.

Vậy C đúng

Đáp án: C

Câu 95 (VD):

Phương pháp:

Thử từng đáp án và lập luận với các điều kiện bài toán cho

Cách giải:

Nếu cả F lẫn K đều không được chọn thì nhóm nam còn lại G; J, M

Nếu G được chọn thì K cũng phải được chọn nên 2 nam được chọn phải là J và M.

Vì M và P không thể cùng được chọn nên loại P.

Vậy 5 người được chọn là J, M, Q, R, S

Vì lớp trưởng phải thuộc nhóm có đúng 2 đại diện trong ban cán sự nên lớp trưởng là nam. Vậy lớp trường là J hoặc M.

Đáp án: C

Câu 96 (VD):

Phương pháp:

Thử từng đáp án và lập luận với các điều kiện bài toán cho

Cách giải:

Nếu lớp trưởng là một nữ sinh thì nhóm 5 người gồm 3 nam và 2 nữ

+) Nếu G được chọn thì K cũng phải được chọn.

Vậy đã chọn được 2 nam là G, K.

Khi đó nam còn lại F, J, M phải chọn 1 người và từ P, Q, R, S chọn 2 người

Nếu chọn F thì thì chọn thêm Q => Thoả mãn

Nếu chọn M thì phải chọn J và ngược lại nên khi đó sẽ có 4 nam => vô lý

=> Vậy nếu chọn G thì nhóm được chọn luôn là G, K, F, Q

Đáp án: A

Câu 97 (VD):

Phương pháp:

Bước 1: Tính số lượng điện thoại công ty X bán ra từng năm.

Bước 2: Tính phần trăm tăng trưởng.

Cách giải:

Tính số lượng điện thoại công ty X bán ra từng năm.

Năm 2015: $50.38\% = 19$ triệu sản phẩm

Năm 2025: $95.66\% = 62,7$ triệu sản phẩm

Khi đó số lượng điện thoại công ty X bán ra năm 2025 tăng số phần trăm so với năm 2015 là

$$\frac{62,7-19}{19}.100\% = \frac{43,7}{19}.100\% = 2,3 \times 100\% = 230\%$$

Đáp án: C

Câu 98 (TH):

Phương pháp:

Thay số vào công thức đã cho để tính toán

Cách giải:

CAGR của công ty X sau 10 năm từ 2015 đến 2025 xấp xỉ là $\text{CAGR} = \left(\frac{62,7}{19}\right)^{\frac{1}{10}} - 1 = 0,1268 \approx 12,7\%$

Đáp án: C

Câu 99 (VD):

Phương pháp:

Bước 1: Tính số lượng thực tế của năm 2025 (đã có từ dữ liệu hình tròn).

Bước 2: Tính ngược lại số liệu năm 2024 của tổng số điện thoại và số điện thoại Y

Bước 3: Tính thị phần công ty Y năm 2024.

Cách giải:

Tổng 2025 = 95 triệu.

Số lượng Y bán năm 2025 = $95.28\% = 26,6$ triệu

Tổng số điện thoại năm 2024 là x thì $\frac{95-x}{x}.100\% = 11\% \Rightarrow x = 85,586$ triệu

Số lượng điện thoại Y năm 2024 là y thì $\frac{26,6-y}{y}.100\% = 5\% \Rightarrow y = 25,333$ triệu

Vậy thị phần điện thoại năm 2024 của điện thoại Y là $\frac{25,333}{85,586}.100\% \approx 29,6\%$

Đáp án: B

Câu 100 (TH):

Phương pháp:

Lập bảng tần số tích luỹ và tính $\frac{n}{2}$ tìm nhóm chứa trung vị

Cách giải:

Ta có bảng tần số tích luỹ

Khoảng cân nặng (kg)	Tần số f	Tần số tích luỹ
$0,0-1,0$	1	1
1,0 - 2,0	6	7
2,0 - 2,5	60	67
2,5 - 3,0	280	347
3,0 - 3,5	820	1167
3,5 - 4,0	320	1487
4,0 - 5,0	10	1497
$5,0-6,0$	3	1500

Vì $\frac{1500}{2}=750$ nên khoảng chứa trung vị là 3,0 – 3,5

Đáp án: C

Câu 101 (TH):

Phương pháp:

Trung vị $Q_i=u_m+\frac{\frac{in}{4}-C}{n_m}\left(u_{m+1}-u_m\right)$ với $i=2$

Cách giải:

Vì Q_2 thuộc nhóm 3,0 – 3,5 nên $Q_2=3+\frac{750-347}{820}.0,5\approx 3,25$

Đáp án: C

Câu 102 (TH):

Phương pháp:

Số trung bình cộng: $\overline{x}=\frac{1}{N}.\left(x_1.n_1+x_2.n_2+x_3.n_3+\ldots+x_k.n_k\right)$

Phương sai: $s^2=\frac{1}{N}.\left(n_1.\left(x_1-\overline{x}\right)^2+n_2.\left(x_2-\overline{x}\right)^2+n_3.\left(x_3-\overline{x}\right)^2+\ldots+n_k.\left(x_k-\overline{x}\right)^2\right)$

Hoặc $s^2=\frac{1}{N}.\left(x_1^2.n_1+x_2^2.n_2+x_3^2.n_3+\ldots+x_k^2.n_k\right)-\overline{x}^2$

Độ lệch chuẩn $s=\sqrt{s^2}$

Cách giải:

Ta có

$$\overline{x}=\frac{1.0,5+6.1,5+60.2,25+280.2,75+820.3,25+320.3,75+10.4,5+3.5,5}{1500}=3,2273$$

$$s^2=\frac{1.0,5^2+6.1,5^2+60.2,25^2+280.2,75^2+820.3,25^2+320.3,75^2+10.4,5^2+3.5,5^2}{1500}-3,2273^2=0,1773$$

$$\Rightarrow s=\sqrt{0,1773}=0,421$$

Vậy $\overline{x}-s\approx 3,2273-0,421=2,80$

Đáp án: A

3.2. SUY LUẬN KHOA HỌC

Câu 103 (TH):

Phương pháp:

Vận dụng công thức: $P_A=P_A^0\times\frac{n_A}{n_A+n_B}$

$n=\frac{m}{M}$

Cách giải:

$n_{(NH_2)_2CO}=\frac{24}{60}=0,4(mol)$

Áp suất hơi bão hòa của dung dịch X: $P_X=23,8\times\frac{\frac{200}{18}}{\frac{200}{18}+0,4}=22,97(mmHg)\Rightarrow$ ***A đúng.***

B đúng.

C sai, vì tăng nồng độ urea $\Rightarrow n_B$ tăng $\Rightarrow P_A$ giảm.

D đúng.

Đáp án: C

Câu 104 (TH):

Phương pháp:

Vận dụng công thức: $P_A=P_A^0\times\frac{n_A}{n_A+n_B}\Rightarrow P_A$ nghịch biến với số mol chất tan

$n=\frac{m}{M}\Rightarrow$ Số mol tỉ lệ nghịch với phân tử khối

$\Rightarrow P_A$ đồng biến với phân tử khối

Cách giải:

Vận dụng công thức: $P_A = P_A^0 \times \frac{n_A}{n_A + n_B} \Longrightarrow$ P_A nghịch biến với số mol chất tan

$n = \frac{m}{M} \Longrightarrow$ Số mol tỉ lệ nghịch với phân tử khối

$\Longrightarrow$ P_A đồng biến với phân tử khối

Phân tử khối: saccharose ($C_{12}H_{22}O_{11}$) = maltose ($C_{12}H_{22}O_{11}$) > sorbitol ($C_6H_{14}O_6$) > glycerol ($C_3H_8O_3$)

$\Longrightarrow P_1 = P_2 > P_4 > P_3$

Đáp án: D

Câu 105 (VD):

Phương pháp:

Vận dụng công thức: $P_A = P_A^0 \times \frac{n_A}{n_A + n_B} \Longrightarrow$ Hai dung dịch có áp suất hơi bão hoà bằng nhau $\Longrightarrow$ Số mol chất tan trong dung dịch bằng nhau

$n = \frac{m}{M}$

Cách giải:

Dung dịch glucose có áp suất hơi bão hoà bằng dung dịch X

$\Longrightarrow n_{C_6H_{12}O_6} = n_X = 0,4(mol) \Rightarrow m_{C_6H_{12}O_6} = 0,4.180 = 72gam$

Đáp án: D

Câu 106 (NB):

Phương pháp:

Đọc và tìm kiếm thông tin trực tiếp từ đoạn văn bản đã cho ở đoạn đầu tiên.

Cách giải:

Dựa vào câu đầu tiên của đoạn văn: "Trong thế kỷ XIX, nhiều nhà khoa học cho rằng ánh sáng cần một môi trường đặc biệt để lan truyền, gọi là ê-te (ether)" $\rightarrow$ **Đáp án A đúng.**

Đoạn văn cũng nêu: "Thí nghiệm Michelson - Morley (1887) không xác nhận sự tồn tại của môi trường này" $\rightarrow$ **Đáp án B và D sai.**

Thí nghiệm hiện tượng quang điện mới cho thấy tính chất hạt, không phải thí nghiệm Michelson - Morley $\rightarrow$ **Đáp án C sai.**

Đáp án: A

Câu 107 (VD):

Phương pháp:

Sử dụng công thức liên hệ giữa vận tốc, bước sóng và tần số: $c = \lambda f \Rightarrow f = \frac{c}{\lambda}$.

Để tần số f nhỏ nhất (f_{min}) thì bước sóng λ phải lớn nhất (λ_{max}).

Cách giải:

Theo bài đọc, kính James Webb thu nhận bức xạ có bước sóng từ $0,6\mu m$ đến $28,5\mu m$.

Vậy $\lambda_{max} = 28,5\mu m = 28,5.10^{-6} m$.

Vận tốc ánh sáng $c = 3.10^8 m/s$.

Tần số nhỏ nhất là:

$$f_{min} = \frac{c}{\lambda_{max}} = \frac{3.10^8}{28,5.10^{-6}} \approx 1,0526.10^{13} Hz$$

Giá trị này gần đúng với $1,1.10^{13} Hz$.

Đáp án: A

Câu 108 (TH):

Phương pháp:

Kiểm tra tính đúng/sai của từng nhận định dựa trên dữ kiện bài toán và kiến thức vật lí.

Cách giải:

Xét (1): Tia cực tím gây bỏng da có bước sóng ngắn hơn $320nm$. Năng lượng photon tương ứng:

$$\varepsilon = \frac{hc}{\lambda} = \frac{6,625.10^{-34}.3.10^8}{320.10^{-9}} \approx 6,21.10^{-19} J$$

Đổi sang eV: $\frac{6,21.10^{-19}}{1,6.10^{-19}} \approx 3,881eV$. Vì $\lambda < 320nm$ nên $\varepsilon > 3,88eV$ → **(1) Đúng.**

Xét (2): Bài viết có nêu tia cực tím "hỗ trợ tổng hợp vitamin D", do đó không phải lúc nào cũng có hại → **(2) Sai.**

Xét (3): Kính James Webb thu nhận từ $0,6\mu m$ (màu da cam - ánh sáng nhìn thấy) đến $28,5\mu m$. Vậy nó quan sát cả một phần ánh sáng nhìn thấy → **(3) Sai.**

Xét (4): Theo lý thuyết Maxwell, ánh sáng có bản chất là sóng điện từ → **(4) Đúng.**

Đáp án: A

Câu 109 (TH):

Phương pháp:

Độ hấp thụ ánh sáng tỉ lệ thuận với nồng độ chất hòa tan trong dung dịch. Giá trị độ hấp thụ ánh sáng càng lớn thì nồng độ sắc tố betacyanin thoát ra ngoài tế bào càng nhiều.

Cách giải:

Phân tích bảng dữ liệu:

NT 1: 0,090

NT 2: 0,150

NT 3: 0,400

NT 4: 0,130

NT 5: 0,520 (Giá trị lớn nhất trong bảng).

→ NT 5 (Chất tẩy rửa 0,1%) làm betacyanin thoát ra nhiều nhất.

Đáp án: D

Câu 110 (TH):

Phương pháp:

Một giải pháp tối ưu trong thực tiễn phải đảm bảo hai tiêu chí: (1) Có hiệu quả xử lý (giảm độc tính) và (2) Thân thiện/ít gây hại cho sinh vật nhất.

Cách giải:

Đánh giá độc tính trong các nghiệm thức (NT):

Nhìn vào NT 3 (Nước thải nguyên chất) có độ hấp thụ ánh sáng = 0,400 → Rất độc.

Đánh giá hiệu quả các biện pháp: NT 2 (Pha loãng 25%): độ hấp thu ánh sáng giảm xuống 0,150.

NT 4 (Pha loãng 50% + Than hoạt tính): độ hấp thụ ánh sáng giảm xuống còn 0,130 (thấp nhất trong các nhóm xử lý nước thải).

So sánh với đối chứng: Giá trị ở NT 4 (0,130) tiệm cận gần nhất với nước máy sạch (0,090).

→ Kết hợp pha loãng và hấp phụ bằng than hoạt tính là giải pháp an toàn nhất cho màng tế bào sinh vật.

Đáp án: C

Câu 111 (VD):

Phương pháp:

Phân tích logic dựa trên sự biến thiên của số liệu và các yếu tố ảnh hưởng đến thí nghiệm sinh học.

Cách giải:

I) Sai. Nếu độ hấp thụ ánh sáng tăng → Sắc tố thoát ra nhiều → Tính thấm tăng (màng lỏng lẻo hơn). NT 3 có độ hấp thụ ánh sáng cao hơn NT 1, nên phải là tăng tính thấm.

II) Sai. So sánh NT 3 và NT 4. Khi có thêm than hoạt tính (NT 4), giá trị độ hấp thụ ánh sáng giảm từ 0,400 xuống 0,130. Điều này chứng tỏ nó làm giảm lượng sắc tố trong dung dịch và bảo vệ màng.

III) Sai. Trong khoa học, độ tin cậy không đo bằng giá trị cao hay thấp mà đo bằng độ lệch chuẩn. Sai số của NT 3 (0,105) quá lớn so với giá trị trung bình, cho thấy kết quả giữa 5 lần đo không ổn định bằng NT 2 (0,020).

IV) Đúng. Nhiệt độ là biến số quan trọng ảnh hưởng đến năng lượng nhiệt của phân tử và độ nhớt của màng lipid kép. Khi nhiệt độ thay đổi (25°C sang 4°C), tốc độ khuếch tán chắc chắn thay đổi.

Đáp án: A

Câu 112 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin đầu tiên.

Cách giải:

Đoạn thông tin đầu tiên có nêu: "Tuổi trung vị là chỉ số quan trọng trong việc biểu thị sự phân bổ dân số theo độ tuổi (trên một đơn vị lãnh thổ), chia dân số thành hai nhóm với số lượng bằng nhau."

→ Tuổi trung vị chia dân số Hoa Kỳ thành hai nhóm với số lượng bằng nhau là nhận định phản ánh đúng về tuổi trung vị của dân số Hoa Kỳ.

Đáp án: D

Câu 113 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin thứ hai và suy luận.

Cách giải:

Đoạn thông tin thứ hai có nêu: "Tuổi trung vị gần 39 cho thấy, Hoa Kỳ đang có dân số già quá nhanh. Trong tương lai, điều này sẽ dẫn đến những thách thức to lớn với lực lượng lao động, nền kinh tế cũng như các chương trình xã hội."

→ Sự suy giảm số người trong độ tuổi lao động, sự già hóa dân số đang diễn ra, sự gia tăng chi phí an sinh xã hội là nhận định phản ánh thách thức đối với Hoa Kỳ khi tuổi trung vị ngày càng gia tăng.

→ Sự mất cân bằng giới tính khi sinh là nhận định không đúng với thách thức đối với Hoa Kỳ khi tuổi trung vị ngày càng gia tăng.

Đáp án: D

Câu 114 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin thứ ba.

Cách giải:

Đoạn thông tin thứ ba có nêu: "Báo The New York Times dẫn nguồn nhiều chuyên gia khẳng định nguyên nhân chính dẫn đến sự gia tăng tuổi trung vị là tỷ lệ sinh thấp. Tại Hoa Kỳ, phụ nữ thuộc thế hệ Gen Y (sinh trong khoảng năm 1981 - 1996, phần lớn hiện nay trong độ tuổi sinh đẻ) có xu hướng ưu tiên học tập và làm việc khi còn trẻ. Điều này dẫn đến việc họ kết hôn muộn hơn và có ít con hơn."

→ Sự ưu tiên học tập và làm việc của phụ nữ thế hệ Gen Y dẫn đến kết hôn muộn và có ít con hơn là yếu tố có ảnh hưởng sâu sắc đến sự gia tăng tuổi trung vị ở Hoa Kỳ.

Đáp án: A

Câu 115 (TH):

Phương pháp:

- Xem lại nội dung đoạn tư liệu.
- Xác định bối cảnh phong trào Văn hoá Phục hưng ở Tây Âu thời trung đại.

Cách giải:

Tư liệu cho biết từ thế kỉ XIV, kinh tế công thương ở các thành thị Tây Âu phát triển mạnh, làm xuất hiện và lớn mạnh quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Trong bối cảnh đó, giai cấp tư sản ngày càng có vai trò kinh tế nhưng lại bị tư tưởng phong kiến và giáo lí trung cổ kìm hãm. Vì vậy, họ cần một hệ tư tưởng và văn hóa mới phù hợp với lợi ích của mình. Chính hoàn cảnh kinh tế - xã hội này đã tạo điều kiện trực tiếp cho phong trào Văn hóa Phục hưng ra đời.

Đáp án: A

Câu 116 (NB):

Phương pháp:

- Xem lại nội dung đoạn tư liệu.
- Xác định giai cấp lãnh đạo của phong trào Văn hoá Phục hưng.

Cách giải:

Theo tư liệu, các nhà tư tưởng của giai cấp tư sản là lực lượng khởi xướng và lãnh đạo phong trào. Họ không chấp nhận những giáo lí phong kiến lỗi thời, chủ trương đề cao con người, đề cao lý trí và khoa học. Thông qua phong trào Văn hóa Phục hưng, giai cấp tư sản đã dùng văn hóa và tư tưởng làm vũ khí để đấu tranh chống lại nền văn hóa trung cổ phong kiến.

Đáp án: A

Câu 117 (TH):

Phương pháp:

- Xem lại nội dung đoạn tư liệu.
- Xác định từ khoá: "tính kế thừa", "tính cách mạng".
- Lý giải phong trào Văn hóa Phục hưng ở châu Âu.

Cách giải:

- Tính kế thừa: Phong trào Văn hóa Phục hưng chọn lọc và tiếp thu tinh hoa văn hóa Hy Lạp - Rôma cổ đại.
- Tính cách mạng: Sử dụng những giá trị đó để chống lại tư tưởng phong kiến trung cổ và xây dựng nền văn hóa mới phục vụ giai cấp tư sản.

=> Vì vậy, Văn hóa Phục hưng vừa kế thừa giá trị cũ, vừa tạo ra sự đổi mới sâu sắc về tư tưởng và văn hóa.

Đáp án: B

Câu 118 (NB):

Phương pháp:

Căn cứ nội dung bài đọc hiểu, kiến thức đã học và phân tích

Cách giải:

Đáp án: B. Trách nhiệm đạo đức. Hành động này thể hiện sự tự nguyện, ý thức bảo vệ môi trường vượt trên yêu cầu pháp lý tối thiểu.

Đáp án: B

Câu 119 (TH):

Phương pháp:

Căn cứ nội dung bài đọc hiểu, kiến thức đã học và phân tích để xác định yếu tố quan trọng nhất để cấp vốn khởi nghiệp

Cách giải:

Đáp án: C. Kế hoạch kinh doanh chi tiết khả thi, đáp ứng các yêu cầu của ngân hàng. Đây là yếu tố cốt lõi chứng minh khả năng hoàn trả vốn vay, thay vì chỉ dựa vào ý tưởng độc đáo hay tiềm năng.

Đáp án: C

Câu 120 (VD):

Phương pháp:

Căn cứ nội dung bài đọc hiểu, kiến thức đã học, đọc kĩ nội dung câu hỏi để xác định được quá trình lập kế hoạch kinh doanh đã được An và Khang thực hiện

Cách giải:

Đáp án: A. Xác định mục tiêu và chiến lược kinh doanh. Việc thiết kế thực đơn, chọn đối tượng mục tiêu là giới trẻ và phân công nhiệm vụ cho thấy họ đang định hình rõ chiến lược kinh doanh.

Đáp án: A